



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hàn

Quan điểm:

Thay đổi lãnh đạo tại Hà Nội?

Một Quốc Hội mới sẽ được "bầu" vào cuối tháng 7 này và sẽ chỉ định một chủ tịch nước, một thủ tướng và một chính phủ mới. Các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt không ra ứng cử. Theo hiến pháp của chế độ, như vậy hai ông Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt sẽ phải ra đi vì chủ tịch nước, thủ tướng và phó thủ tướng phải là đại biểu quốc hội. Chức vụ tổng bí thư đảng cộng sản của ông Đỗ Mười không liên hệ tới quốc hội, nhưng việc ông không ứng cử và nhất là tình trạng sức khỏe của ông báo hiệu rằng ông sẽ ra đi trước đại hội giữa nhiệm kỳ của đảng cộng sản dự trù vào cuối năm 1998.

Theo nhiều dự đoán, ông Nguyễn Mạnh Cầm sẽ thay thế ông Lê Đức Anh trong chức vụ chủ tịch nước. Ông Phan Văn Khải sẽ thay thế ông Võ Văn Kiệt trong chức vụ thủ tướng. Ông Lê Khả Phiêu sẽ lên làm tổng bí thư đảng thay ông Đỗ Mười ít lâu sau đó.

Ông Nguyễn Mạnh Cầm không phải là người lý tưởng để đảm nhiệm chức vụ chủ tịch nước và ông Phan Văn Khải lại càng khó đảm nhiệm chức vụ thủ tướng. Họ là những nhân vật không những mờ nhạt mà còn mang tai tiếng. Ông Cầm trong thời gian làm đại sứ tại Liên Xô được biết đến như là người quan tâm buôn bán cho cá nhân ông hơn là làm ngoại giao cho nhà nước. Trong sáu năm làm ngoại trưởng ông không chứng tỏ một khả năng nào đáng kể. Ông Phan Văn Khải là một nhân vật khá cởi mở về mặt kinh tế nhưng lại rất giới hạn về hiểu biết chính trị. Trong một cuộc họp mặt tại Paris, ông đã nói một câu nổi tiếng: "Một đảng người dân còn không chịu nổi, nói gì đa đảng". Câu nói này, dù nói đùa, cũng tố giác một trình độ chính trị rất thấp. Ông cũng mang tiếng rất nhiều vì

đã tận tình bao che cho một đứa con du đảng và phạm pháp.

Có dư luận cho rằng ông Khải chỉ làm thủ tướng một thời gian để chuẩn bị cho ông Nguyễn Tấn Dũng. Ông Dũng là một người trẻ, 47 tuổi, dòng dõi cộng sản kỳ cựu và được coi như là một hy vọng của đảng cộng sản. Nhưng ông Dũng không phải là cấp lãnh đạo trẻ mà người ta có thể chờ đợi. Tuổi ông tuy trẻ nhưng chân dung của ông lại rất cũ: học lực thấp, hoạt động bí mật, trưởng thành trong bộ máy đảng và gắn bó với những giáo điều lỗi thời. Thành tích lớn nhất của ông và đã giúp ông thăng tiến mau chóng là đã dung túng và tham gia buôn lậu trong thời gian đầu thập niên 1980 khi ông làm bí thư huyện ủy Hà Tiên, địa điểm buôn lậu lớn nhất nước lúc đó.

Ông Lê Khả Phiêu có nhiều hy vọng sẽ kế vị ông Đỗ Mười, nhưng ông sẽ phải thừa hưởng một di sản khó khăn hơn hẳn các vị tiền nhiệm. Ông không có uy tín nào đối với quần chúng, thành tích duy nhất được biết tới của ông là đã làm phụ tá cho ông Lê Đức Anh trong cuộc chiến sai lầm và tai hại tại Cambốt. Ông cũng không có chỗ dựa mạnh trong đảng, ngoại trừ một phần quân đội. Đảng cộng sản mà ông thừa kế cũng không còn là một đảng mà chỉ là một liên hiệp gượng gạo giữa vô số phe phái chống phá nhau và vô hiệu hóa lẫn nhau. Ngay trong đảng của ông, những người mong ông thành công cũng ít hơn những người muốn ông thất bại. Quyền lực của ông, nếu có, chỉ rất tương đối và cũng rất tạm bợ.

Những nhân vật như vậy không thể được quần chúng kính nể mà cũng khó được chấp nhận ngay trong nội bộ guồng máy đảng và nhà nước. Chính quyền sắp tới sẽ là một chính quyền rất yếu. Đảng cộng sản còn lâm vào tình trạng bệnh hoạn hơn nữa với ba nhân vật đứng đầu Bộ Chính

Trị là những người đã về hưu. Chính quyền đó và đảng cầm quyền đó lại sắp phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng lớn đang tới.

Đảng cộng sản Việt Nam mang nặng di sản của quá khứ. Quá khứ của nó là một quá khứ gan lì. Cho tới nay sự gan lì đã giúp họ thắng lợi hoặc thoát hiểm nhờ những hoàn cảnh rất đặc biệt. Dần dần gan lì trở thành một tâm lý và một triết lý hành động của đảng cộng sản. Nhưng đảng cộng sản đã kiệt sức. Nó đã phải làm nhiều nhượng bộ quan trọng trước thực tại xã hội, đã mất hết chỗ dựa quần chúng và, tệ hơn hết, đã không đổi mới được cả nhân sự của chính mình sau hơn hai mươi năm cầm quyền không đổi lập. Tre già nhưng măng không mọc, đảng cộng sản đã cằn cỗi, như một cơ thể không còn sản xuất được những tế bào mới để sự sống tiếp tục. Cơ chế sàng lọc của đảng cộng sản đã đào thải những phần tử có trí tuệ và nhân cách, để chỉ cho phép tiến lên địa vị quyền lực những nhân vật trung bình. Và những nhân vật trung bình ấy, không có cả bản lãnh lẫn đáng dấp của những nhà độc tài, sắp bị đặt trước những vấn đề nghiêm trọng đã tích lũy từ nhiều năm và đã đến lúc phải giải quyết. Họ không có nhiều thời giờ.

Không có thời giờ nhưng các cấp lãnh đạo mới vì tương đối trẻ vẫn còn một tương lai để lo lắng. Họ sẽ không qua đi nhanh chóng như lớp lãnh đạo cũ trước khi lịch sử sang trang. Họ chỉ có một lối thoát là chủ động lật trang lịch sử để tự cứu. Nhưng họ không nhìn thấy và nếu có nhìn thấy cũng không đủ đồng thuận để chuyển động.

Đảng cộng sản sẽ tiếp tục bế tắc và kéo theo đất nước vào bế tắc. Chỉ còn lại một chọn lựa cho những người yêu nước: đẩy mạnh cuộc vận động dân chủ để áp đặt sự thay đổi.

Thông Luận

Thí nghiệm sống chung lần thứ ba

Sau khi tổng thống Jacques Chirac sử dụng quyền hiến định giải tán Quốc Hội, hai vòng bầu dân biểu ngày 25-5-1997 và ngày 1-6-1997 đã mang lại cho Quốc Hội mới của nước Pháp một đa số thuộc phe tả, phe đối lập với tổng thống, người thuộc phe hữu. Tổng thống Jacques Chirac không đặt vấn đề từ chức, ông ở lại cầm quyền.

Thuật ngữ luật học, chính trị học gọi hiện tượng này là "sống chung" và kể từ 1986 đến nay, đây là lần sống chung thứ ba. Dư luận đã nêu lên một loạt câu hỏi trong đó mấy câu sau đây đáng bàn luận: Ai sống chung với ai? Tại sao phải sống chung? Sống chung sẽ đi tới đâu?

"Cohabitation" dịch một cách bác học ra tiếng Việt là "liên hiệp". Chọn cách dịch nôm na là "sống chung" để tránh những hàm nghĩa của từ kép "liên hiệp", nhất là của cụm từ "liên hiệp quốc cộng" rất xa lạ đối với sinh hoạt chính trị nước Pháp. Sống chung ở đây phải được hiểu là tổng thống thuộc phe hữu Jacques Chirac cùng cầm quyền chung với thủ tướng thuộc phe tả Lionel Jospin, tổng thư ký Đảng Xã Hội, người đại diện cho đa số trong Quốc Hội. Tổng thống Chirac giải tán Quốc Hội chính là để tìm kiếm một đa số cùng phe với mình mong "nói cùng một tiếng nói, và nói tiếng nói mạnh". Bất ngờ, dân chúng lại chọn một tiếng nói đối lập với ông. Nên đã có sống chung.

Ngay từ những ngày đầu, khi thành lập chính phủ mới hay liền sau đó trong những cuộc họp quốc tế (Poitiers rồi Amsterdam) về các vấn đề Châu Âu, hai bên đều cố gắng tỏ ra là đã nói một tiếng nói nhịp nhàng, nhất trí. Các cơ quan truyền thông của Pháp cũng phụ họa với hai bên để gây ấn tượng mạnh theo chiều hướng một không khí trăng mật êm ả.

Có gì bắt buộc hai bên phải sống chung không?

Sự thực, bản Hiến Pháp 1958 không trừu tượng trường hợp sống chung. Từ "sống chung" cũng không có ở trong luật cơ bản này. Hơn nữa, việc phân định quyền hành trong khuôn khổ Đệ Ngũ Cộng Hòa giữa tổng thống và thủ tướng lại thiếu chính

xác. Nhưng phải nói đã có một tục lệ theo đó quyền ngoại giao và quốc phòng là hai khu vực dành riêng cho tổng thống tuy rằng văn tự của Hiến Pháp 1958 không qui định hẳn như vậy. Ngoài ra, những quyền khác, dưới ánh sáng đạo luật căn bản này, như các quyền ấn định, thực hiện chính sách quốc gia, quyền điều động quân đội, quyền bổ nhiệm v.v... có thể giải thích như là những quyền chung của cả tổng thống lẫn thủ tướng. Tuy nhiên trong thực tế, 39 năm qua, tổng thống chiếm ưu thế vì, không có sống chung hay có sống chung (như hai tiền lệ 1986-1988 và 1993-1995), các thủ tướng đều tự nguyện thần phục tổng thống. Dĩ nhiên, tổng thống không đi tới trắng trợn lạm quyền, công khai gây ra khủng hoảng chính trị. Vậy là tuy trong bản Hiến Pháp 1958 không thấy nói tới định chế sống chung nhưng văn bản này lại là chỗ dựa để cho định chế sống chung có đất đứng pháp lý. Định chế sống chung như thế là sản phẩm của luật thành văn kết hợp với luật không thành văn.

Sự kết hợp này phản ánh bản linh chính trị của nhân sự chính trị cũng như dân trí nước Pháp. Cụm tổng thống François Mitterrand là người khai sinh ra định chế sống chung. Hai lần đắc cử tổng thống, ông đã giải tán Quốc Hội để đổi đa số hữu thành đa số tả. Nhưng đến khi Quốc Hội hết nhiệm kỳ phải bầu lại và dân chúng đã bầu một đa số hữu, ông đã chấp nhận sống chung, không từ chức cũng không giải tán Quốc Hội (có lẽ vì đã đến cuối nhiệm kỳ tổng thống). Tổng thống Jacques Chirac là người, hữu ý hay vô tình, đã tạo thêm một cuộc sống chung mới nữa. Nhưng ông đã phải sống chung trên thế yếu của người tổng thống mất đa số. Có điều cuộc sống chung này khác hai cuộc sống chung trước ở điểm nó xảy ra ở đầu nhiệm kỳ tổng thống. Trong năm sắp tới chắc còn nhiều bất ngờ nếu thủ tướng Lionel Jospin, dưới sức ép của cánh tả của Đảng Xã Hội (Gauche Socialiste) không theo tục lệ, tranh chấp với tổng thống về những quyền chỉ đạo đời sống chính trị quốc gia. Trong trường

hợp này, phản ứng của tổng thống Jacques Chirac sẽ ra sao?

Tương lai sẽ cho biết người kế vị François Mitterrand có đóng góp gì mới cho định chế sống chung hay không. Trước mắt, người ta chỉ có thể coi cuộc sống chung hiện nay như một thí nghiệm mà hai bên vừa bắt đầu. Các nhà luật học, chính trị học đang chú tâm tìm hiểu bài học sống chung xem hiện tượng này có trở thành một cơ chế sinh hoạt chính trị thông thường hay không. Thật vậy, trong 39 năm của nền Đệ Ngũ Cộng Hòa, ba nhiệm kỳ tổng thống chót đều được đánh dấu bằng định chế sống chung, hai lần giữa một tổng thống tả với một Quốc Hội hữu, một lần giữa một tổng thống hữu với một Quốc Hội tả. Nếu hiện tượng này cứ tiếp tục, nó có cơ mở đường cho một sửa đổi chính trị lớn cải tổ sâu rộng các định chế của Đệ Ngũ Cộng Hòa. Với đặc điểm là sáng kiến sửa đổi tự phát từ chính dân chúng thay vì từ sáng kiến của các nhà lập hiến.

Sự kiện mới trong lịch sử chính trị nước Pháp là dân chúng Pháp, từ 1986 đến nay, bằng lá phiếu, đã buộc phe tả phải ngồi lại với phe hữu, cả hai phe phải từ bỏ nếp sinh hoạt đảng phái xơ cứng, tương đối hóa các khái niệm về đa số, thiểu số, phân quyền, tập quyền, chính thống, đối lập v.v..., thực hành tinh thần tương kính, tương nhượng, hợp tác, hợp lực, ưu tiên giải quyết các vấn đề nhân sinh hàng ngày, tóm lại, phải phục vụ dân bằng việc làm, không chỉ bằng lời nói suông. Không được như vậy, dân chúng tức khắc bày tỏ sự bất tín nhiệm.

Đó là lần sống đầy, sống ngầm của xã hội đang dồn cuốn các chính khách, đảng phái vào thế phải đẩy xa hơn nữa việc "hợp lý hóa" chế độ nghị viện của Pháp mà Đệ Ngũ Cộng Hòa đã là bước khởi đầu lịch sử. Phải chăng ở phía chân trời những năm 2000 đã lộ rạng Đệ Lục Cộng Hòa? Và sẽ là một nền cộng hòa dân chủ đa nguyên cao độ, ở đây và ngay bây giờ?

Trần Thanh Hiệp

Hương Cảng : giò đã điếm

Nguyễn Phi Phụng

Ngày 1-7-1997, chiếc tàu hoàng gia Britannia đưa hoàng tử Charles và thống đốc cuối cùng Christopher Patten về nước, đánh dấu sự chấm dứt chế độ thuộc địa của Anh trên bán đảo Hương Cảng sau hơn 150 năm có mặt. Trung Quốc chính thức giành lại chủ quyền Hương Cảng sau hòa ước bất bình đẳng Nam Kinh do nhà Thanh ký sau chiến tranh nha phiến lần thứ nhất.

Sự giành lại chủ quyền đất đai là điều hợp lý, chính đáng, không ai có thể phủ nhận. Lê ra Hương Cảng đã phải được giao trả lại cho xứ Trung Hoa sau đệ nhị thế chiến. Nếu cựu thống đốc Hương Cảng McLHose không bàn việc mãn hạn thuê 99 năm Tân Thế giới với ông Đặng Tiểu Bình năm 1979 thì có lẽ Hương Cảng vẫn còn là thuộc địa của Anh Quốc! Điều người ta tiếc rẻ là người dân Hương Cảng sẽ có ít tự do dân chủ hơn trong thời kỳ thuộc địa. Đây là điều khá hi hữu trong lịch sử phi thực dân hóa trên thế giới.

Hương Cảng từ nay trở đi sẽ thành một khu hành chính đặc biệt có nền "tự trị cao độ" được giữ nguyên tình trạng trong 50 năm theo hệ thống "một nước, hai thể chế" do ông Đặng Tiểu Bình sáng chế. Lê ra hệ thống này được sáng chế ra để áp dụng cho bán đảo Đài Loan, nhưng chánh quyền của gia đình Tưởng lúc đó không những đã "đa tạ" mà còn chủ trương thuyết "ba không" với lục địa: không tiếp xúc, không thương lượng, không thỏa hiệp.

Trong bài viết này, chúng ta hãy tìm hiểu lý do tại sao Bắc Kinh đã không tôn trọng bản tuyên bố chung giữa Anh và Trung Quốc trong năm 1984 và khảo xét hệ thống "một nước, hai thể chế" có thể đem áp dụng vào bán đảo Đài Loan hay không?

Vài dòng lịch sử về Hương Cảng

Hương Cảng được gọi là "Hòn ngọc viễn đông" sau khi người Anh đã biến đổi "khối đá cằn cỗi" thành một khu vực đứng hàng thứ 8 trên thế giới. Lợi tức đầu người lên đến 24.000 USD/năm vượt cả lợi tức đầu người của phần lớn các xứ Âu Châu.

Diện tích toàn đảo chỉ có 1 086 km² trong đó bán đảo Hồng Kông có 80 km²,

bán đảo Cửu Long (Kowloon) có 48 km² và Tân thế giới với diện tích còn lại. Tân thế giới chiếm hơn 90% diện tích toàn đảo. Bán đảo Hương Cảng trở thành thuộc địa của Anh sau chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (1840-1842) do hòa ước Nam Kinh ký ngày 29-8-1842 dưới triều vua Đạo Quang (1821-1851).

Nhà Thanh, dưới áp lực các cường quốc, bắt buộc phải mở 5 hải cảng buôn bán (Quảng Châu, Thượng Hải, Hạ Môn, Ninh Ba, Phúc Châu) và cho phép các hội truyền giáo được chính thức hoạt động. Tuy đã được nhà Thanh nhượng bộ, các cường quốc vẫn không hài lòng, tiếp tục kiếm cớ để chiếm thêm lãnh thổ mới. Đó là cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai (1858-1860). Quân Anh và Pháp tiến chiếm thủ đô Bắc Kinh và đốt trụ Di Hòa Viên (Palais d'été). Vua Hàm Phong (1851-1861), phụ quân bà thứ phi Từ Hi Thái Hậu phải bỏ chạy về Jehol (nay là Thử Đức) và chết ở đó. Kết quả cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai còn nghiêm trọng hơn lần thứ nhất. Mười một hải cảng mới được mở thêm trong đó có Thiên Tân và Hán Khẩu. Hàng hóa ngoại quốc được tự do lưu hành trên toàn lãnh thổ. Riêng về người Anh, họ đòi nhà Thanh phải nhường vĩnh viễn bán đảo Cửu Long qua công ước Bắc Kinh ký ngày 24-10-1860. Ba mươi tám năm sau, người Anh lại làm áp lực buộc triều đình Bắc Kinh cho thuê 99 năm Tân thế giới qua công ước Bắc Kinh ký ngày 9-6-1898.

Như thế toàn bán đảo Hương Cảng thuộc về người Anh từ đó.

Bản tuyên bố chung 1984

Các chính quyền liên tục từ bác sĩ Tôn Dật Tiên qua Tưởng Giới Thạch đến Mao Trạch Đông đều có lý do để đòi Hương Cảng được trả về nước mẹ Trung Hoa. Các nhà lãnh đạo này đều lên án các hiệp ước bất bình đẳng nhượng lãnh thổ do nhà Thanh ký. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, phải đợi 86 năm sau, Hương Cảng mới được giao trả (xem TL số 99).

Có thể nói việc giao trả Hương Cảng cho Trung Quốc là một việc tình cờ khá hi

hữu. Số là cựu thống đốc Sir Murray McLHose, nhân cuộc viếng thăm Trung Quốc trong tháng 3-1979, lấy sáng kiến bàn với ông Đặng Tiểu Bình về chủ quyền của người Anh ở Hương Cảng sau ngày mãn hạn thuê của Tân thế giới. Lý do là các nhà kinh doanh cần có sự bảo đảm về đầu tư bất động sản với thời hạn trên 15 năm. Bắc Kinh ở trong tình trạng bị "ép buộc" phải lấy lại Hương Cảng.

Tiếp theo đó, hai bên thương lượng đi đến bản tuyên bố chung ký ngày 19-12-1984 ở Bắc Kinh giữa cựu thủ tướng Anh bà Margaret Thatcher và ông Triệu Tử Dương (cựu thủ tướng và cựu bí thư đảng). Bản tuyên bố chung nói rõ Hương Cảng, ngoài ngoại giao và quốc phòng, có tất cả mọi quyền kể cả quyền phán quyết của các tòa án. Ngoài ra, ông chủ tịch hành pháp (Exco) và hội đồng lập pháp (Legco) sẽ thông qua một tổng tuyển cử. Chế độ kinh tế, tài chính sẽ được giữ nguyên vẹn. Quân đội nhân dân Trung Quốc được đồn trú ở Hương Cảng nhưng chi phí sẽ do Bắc Kinh đài thọ. Quân đội chỉ có vai trò bảo vệ lãnh thổ không được can thiệp vào nội tình của Hương Cảng. Các quyền tự do dân sự như tự do báo chí, biểu tình, đình công, hiệp hội vv... sẽ được đảm bảo.

Về hội đồng lập pháp, hai bên đi đến một thỏa hiệp là hội đồng này sẽ có 60 thành viên trong đó có 18 thành viên sẽ do dân bầu trực tiếp trong năm 1991, 20 thành viên trong năm 1995 (Luân Đôn đề nghị 30, nhưng Bắc Kinh giảm xuống 20). Hội đồng lập pháp được bầu trong năm 1995 sẽ có nhiệm kỳ cho đến năm 1999. Cuối cùng phân nửa thành viên (30) sẽ do phổ thông đầu phiếu trong năm 2003.

Bắc Kinh dùng thủ đoạn

Bản tuyên bố chung ký chưa ráo mực, Bắc Kinh dùng thủ đoạn cho người của họ soạn thảo một đạo luật cơ bản. Ủy ban tư vấn về đạo luật cơ bản gồm có 180 người Hương Cảng do Bắc Kinh chỉ định. Những người này phần lớn là các đại biểu Hương Cảng ở quốc hội Bắc Kinh, các thành viên chính trị hiệp thương và những thành phần tài phiệt có nhiều vốn đầu tư ở lục địa. Bắc Kinh cho khống chế các ủy ban này để các

hiến chương được soạn thảo theo chiều hướng của họ.

Tuy vậy Bắc Kinh cũng phải chuốc lấy nhiều thảm bại trong nhiều năm liên tiếp.

Trong sự kiện Thiên An Môn 1989, lần đầu tiên trong lịch sử Hương Cảng, một triệu người xuống đường ủng hộ phong trào đòi tự do dân chủ của sinh viên Bắc Kinh.

Cục trưởng Tân Hoa xã ở Hương Cảng Hứa Gia Đồn, một ủy viên Trung ương đảng, xin tị nạn chính trị ở Hoa Kỳ trong năm 1990.

Đảng Dân chủ Hong Kong do luật sư Lý Trụ Minh (Martin Lee) và đồng minh chiếm 17 ghế (trên 18 ghế) ở hội đồng lập pháp được tổ chức trong năm 1991. Đảng này lại chiếm 17 ghế trên 20 ghế trong lần phổ thông đầu phiếu trong năm 1995. Như vậy hội đồng lập pháp các thành viên thuộc thành phần tự do chiếm đa số.

Trước tình trạng này, Bắc Kinh đơn phương tuyên bố giải tán hội đồng lập pháp. Điều họ không dự trù là người dân Hương Cảng khao khát tự do dân chủ.

Thay vào đó, Bắc Kinh cho thành lập một ủy ban để tuyển chọn 400 nhân vật có nhiệm vụ "bầu" ông chủ tịch hành pháp và hội đồng lập pháp. Các nhân vật đối lập đều bị loại. Đúng theo ý muốn của Bắc Kinh, ông Đồng Kiến Hoa (Tung Chee Hwa), một chủ tàu buôn và 60 thành viên của hội đồng lập pháp được "trúng cử". Đây là cách phổ thông đầu phiếu theo mô hình Bắc Kinh ! Ông Đồng Kiến Hoa là ai? Năm nay 60 tuổi, ông Hoa xuất thân từ một gia đình thương gia của Thượng Hải. Khi quân đội nhân dân do cựu nguyên soái Trần Nghị chiếm Thượng Hải năm 1949, gia đình ông Hoa lánh nạn cộng sản ở Hương Cảng. Gần nửa thế kỷ sau, ông Hoa lại được Bắc Kinh tuyển chọn để làm đại diện ở Hương Cảng. Đây phải chăng là một sự vô tình ? Tương truyền ông Hoa trở thành đảng viên cộng sản sau khi xí nghiệp gia đình Orient Overseas bị sa sút. Nhờ sự can thiệp của ông Hoắc Anh Đông (Henry Fok), một tài phiệt giàu có ở Hương Cảng lại có nhiều quyền lợi ở lục địa, ông Hoa được Bắc Kinh "viện trợ" 120 triệu USD. Món nợ này chắc chắn ông Hoa phải trả trên lưng người Hương Cảng. Từ cuối năm 1996 tới nay, ông Hoa đã theo chỉ thị Bắc Kinh cho giảm bớt các quyền tự do dân chủ vì các quyền này theo ông, không "hợp" với giá trị truyền thống Trung Hoa.

Một trong những người đầu tiên được

ông Hoa tặng huy chương với tư cách chủ tịch khu hành chính đặc biệt là ông Hoắc Anh Đông. Các điều này cất nghĩa sự thiên vị rõ rệt của ông Hoa đối với chính quyền Bắc Kinh. Người dân Hương Cảng chắc chắn không chờ đợi gì ở ông Hoa để bảo vệ chế độ tự do dân chủ trước đây. Thực ra ông Hoa chỉ là con cờ tạm thời của Bắc Kinh. Không phải là một tình cờ khi ông ta chỉ được sắp xếp vào hàng thứ 20 của các nhân vật phía Bắc Kinh trong buổi lễ bàn giao, sau cả ông Hoắc Anh Đông và các nhân vật không quan trọng. Người ta lại thấy ông chỉ ngồi bên cạnh tướng Lưu Chấn Vũ, tổng trấn quân đội nhân dân ở Hương Cảng thay vì bên cạnh Giang Trạch Dân. Đảng Dân Chủ Hong Kong của luật sư Lý Trụ Minh đã phản kháng sự giải tán hội đồng lập pháp do dân cử và biểu dương lực lượng trước các đài truyền hình quốc tế trong ngày bàn giao.

Trong 60 thành viên hội đồng lập pháp do Bắc Kinh tuyển chọn, người ta thấy sự có mặt của 13 đại biểu Hương Cảng ở quốc hội hay chính hiệp của Bắc Kinh, 10 tài phiệt có quyền lợi ở lục địa, 7 thành viên công đoàn có quan hệ mật thiết với chế độ trong đó có 3 thành viên bị thất cử trong năm 1995 như Đàm Diệu Tông, Tăng Ngọc Thành và Trịnh Giới Nam. Những thành viên còn lại trước đây ở Ban Trừ bị, đặc biệt là bà Phạm Tư Lê Thái (Rita Fan) được Bắc Kinh chọn làm chủ tịch Hội đồng Lập pháp.

Để trấn an cộng đồng quốc tế và người dân Hương Cảng, Bắc Kinh và ông Hoa tuyên bố sẽ tổ chức tuyển cử tự do ở Hội đồng Lập pháp vào tháng 5-1998.

Làm sao tin tưởng được những lời tuyên bố sùng sê này trong khi ông Hoa đã cho giảm bớt tự do dân chủ và đối lập hoàn toàn bị loại. Ngay cả thời điểm quân đội nhân dân vào Hương Cảng cũng không được tôn trọng. Lẽ ra, các đoàn quân này vào Hương Cảng vào lúc 6g30 sáng ngày 30-6 nhưng họ lại vào trước nửa đêm. Ngoài ra, số quân được đưa vào Hương Cảng đáng lẽ không quá 10.000 nhưng Bắc Kinh lại nói sẽ có tới 5 tướng thống lĩnh. Như vậy sẽ có khoảng 50.000 quân?

Hương Cảng sau ngày 1-7-1997

Có thể nói người dân Hương Cảng đang ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan. Một mặt, họ tự hào trở thành những công dân độc lập, mặt khác họ lại lo ngại cho tương lai. Họ thăm ước những người lãnh

đạo Bắc Kinh năm 1997 khác với năm 1949. Họ mong Bắc Kinh sẽ không ngu xuẩn để giết một con gà đẻ trứng vàng". Những lời phán xét này có thể không sai trong ngắn hạn.

Người ta còn nhớ trước đây chính quyền Tưởng Giới Thạch đã thông đồng với nhóm Thanh Bang của Đỗ Nguyên Sinh (Du Yua Sheng) và nhóm tài phiệt Khổng Tường Hy (Kong Xiang Xi) để thống trị Thượng Hải. Chính quyền Bắc Kinh ngày nay cũng theo con đường nói trên.

Việc Giang Trạch Dân và Lý Bằng được nhà tài phiệt Hương Cảng Lý Gia Thành (Li Ka Shing) cho cư ngụ trong thời gian ngắn ở Hương Cảng đủ chứng minh được sự thông đồng này. Cách đây vài năm bộ trưởng Công an Bắc Kinh Đào Tứ Câu (Tao Si Ju) đã tiếp ngấm lãnh tụ nhóm Thanh bang Tân Nghĩa An (Sun Yen An) ở Bắc Kinh. Ông này lại tuyên bố các thanh bang Hương Cảng là những tổ chức "yêu nước" đã giúp góp vào sự phồn vinh của đảo.

Về phương diện kinh tế, Bắc Kinh đã khiến Hương Cảng hoàn toàn lệ thuộc vào lục địa. Các ngành điện lực, thông tin truyền thông, ngân hàng, giao thông hàng không của Hương Cảng đã được hai cơ quan CITTIC và China Everbright của Bắc Kinh nắm nhiều cổ phần. Người đại diện của CITTIC ở Hương Cảng là ông Vinh Trí Kiên (Larry Yung), con của phó chủ tịch Nhà nước Vinh Nghị Nhân. Một số lớn xí nghiệp của đảo đã dời sang lục địa nhất là vùng châu thổ sông Chu Giang. Theo thống kê, đầu tư ngoại quốc ở lục địa do Hương Cảng chiếm 66% với 50.000 xí nghiệp và 6 triệu nhân công.

Ngày nay, Hương Cảng chỉ còn có 380.000 công nhân trên 3 triệu dân lao động. Công nghiệp chỉ chiếm 9% tổng sản lượng nội địa so với 84 % dịch vụ.

Về phương diện tự do dân chủ, như đã thấy ở phần trên, người dân Hương Cảng không còn được biểu tình, báo chí phải tự kèm chế nếu không nói bị các nhà tài phiệt thân chế độ thu mua, sách học sẽ được viết lại theo chiều hướng Bắc Kinh, tiếng quan thoại sẽ trở thành bắt buộc, v.v...

Các quan sát viên đang chú ý đến thái độ của bà Trần Phương An Sinh (An Son Chan), phụ trách hành chính của đảo. Sự có mặt của bà bên cạnh ông Đồng Kiến Hoa có thể trấn an các nhà đầu tư.

Tuy nhiên, gần đây bà tuyên bố sẽ không ngần ngại từ chức nếu bị bắt buộc phải làm trái ngược với lương tâm. Chắc

chấn bà Sinh sẽ có dịp thực hiện lời tuyên bố của bà vì các điều trái ngược lương tâm sẽ không thiếu.

Đài Loan và hệ thống "một nước, hai thể chế"

Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh thường tuyên bố Đài Loan trước sau cũng trở về nước mẹ trong hệ thống "một nước, hai thể chế" như Hương Cảng hiện nay và Ma Cao sau năm 1999. Thể chế này có thể áp dụng vào Đài Loan không? Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy vừa trực tiếp trả lời sau ngày Hương Cảng được giao trả như sau: "Mô hình một nước hai thể chế không thể tiến hành. Chưa bao giờ một chế độ cộng sản có thể sống chung với dân chủ". Lời tuyên bố của tổng thống Đài Loan hàm ý muốn nói chế độ Bắc Kinh phải có dân chủ trước rồi mới nói chuyện thống nhất sau, không thể đặt cái cày trước con trâu. Đài Loan không phải là Hương Cảng. Hương Cảng là một thuộc địa trong khi Đài Loan trước 1971 là thành viên thường trực của Liên Hiệp Quốc. Ngày nay dù ghế thường trực đã bị Bắc Kinh chiếm, Đài Loan vẫn còn quan hệ ngoại giao với 30 nước trên thế giới. Đài Loan đã trở thành một xứ dân chủ thực sự sau cuộc phổ thông đầu phiếu bầu tổng thống lần đầu tiên trong lịch sử xứ Trung Hoa trong tháng 3-1996.

Quân đội Đài Loan tuy nhỏ về quân số, có thể kháng cự và đánh trả quân đội nhân dân của Bắc Kinh.

Đài Loan có quá trình chính trị và văn hóa không thể so sánh với Hương Cảng. Ngoài ra nếu Hương Cảng là cái nhục cho tất cả người Trung Hoa, Đài Loan chỉ là một xúc phạm cho người cộng sản lục địa.

Tuy vậy, Đài Loan vẫn lo ngại tương lai mình vì Hương Cảng trước đây là nơi trung tâm giao dịch gián tiếp giữa Đài Bắc và Bắc Kinh. Các nhà kinh doanh Đài Bắc dùng Hương Cảng làm bàn đạp để đầu tư và xuất cảng sang lục địa. Vốn đầu tư của Đài Bắc ở lục địa vượt ngoài 20 tỷ USD và cán cân thương mại được thặng dư ngoài 15 tỷ USD. Bắc Kinh sẽ dùng cơ hội này để làm áp lực Đài Bắc với sự hỗ trợ của giới kinh tài Đài Loan. Trong nhiều năm gần đây chính quyền Đài Loan khuyến khích các nhà kinh doanh nên tìm thị trường mới ở Á Châu nhưng gần như không có tiếng vang.

Trước nguy cơ đó, ông Huy vừa tuyên bố sẵn sàng sang Bắc Kinh gặp ông Giang Trạch Dân để tái lập các cuộc gặp gỡ trực tiếp bị ngừng chỉ trong tháng 7-1995 sau cuộc viếng thăm bán chính thức của ông ở Mỹ trước đó. Ông Huy còn phái ông Cố Chấn Phủ, chủ tịch "Hiệp hội bang giao

giữa hai bờ eo biển" sang Hương Cảng gặp ông Đồng Kiến Hoa.

Đây có lẽ là mối nguy cơ đáng ngại nhất của Đài Loan trong chiến lược thôn tính Đài Loan của Bắc Kinh.

Nhưng cái lô gích này có chỗ hỏng. Nó dựa trên một định đề (postulat) là tình thế Hương Cảng trong tương lai được diễn tiến một cách hài hòa. Điều này chưa có gì chắc chắn.

Tình thế hỗn loạn của Hương Cảng sẽ làm cộng đồng quốc tế thất vọng và khuyến khích Đài Loan chống lại ý đồ thôn tính của Bắc Kinh trong hệ thống "một nước, hai thể chế".

Đi xa hơn nữa, lịch sử thường hay lặp lại. Nhà Nguyên Mông Cổ và nhà Thanh Mãn Châu trước đây đã thống trị người Hán Trung Hoa trong nhiều thế kỷ. Nhưng người Mông Cổ và người Mãn Châu đã bị nền văn minh của người Hán hấp thụ. Ngày nay, Hương Cảng và Đài Loan tuy bé nhỏ nhưng có nền tự do dân chủ cao độ. Trung Quốc của Bắc Kinh cũng sẽ bị Hương Cảng và Đài Loan hấp thụ hay không? Người ta có thể đánh cuộc và thắng.

Nguyễn Phi Phụng



Campuchia hết thảm kịch này đến thảm kịch khác

Diệp Tường Bào

Cái chết - ít nhất về mặt chính trị - của Pol Pot kết thúc một giai đoạn vô cùng đen tối của lịch sử Campuchia nhưng để lại nguyên vẹn nhiều huyền bí khủng khiếp về bản chất con người và ý nghĩa của hành động chính trị. Thiết ra, chất vấn lớn nhất thách thức nhân loại không nhất thiết là số lượng nạn nhân của bọn Khmer Đỏ - về khía cạnh này, không thiếu những kẻ đi trước và còn ác độc hơn họ - mà đúng hơn là những động cơ đã thúc đẩy một tập đoàn tàn sát đồng bào của mình với mục tiêu công khai là để lôi kéo dân tộc trở về quá khứ. Cũng như trong một số trường hợp mà mức độ tội ác vượt tầm khả năng ý thức của con người, một số sử gia đã quay về phương pháp phân tâm học để tìm cách giải thích thái độ của Pol Pot. Tuy nhiên, khác với một Hitler mà những triệu chứng loạn thần kinh lộ rõ, những người có cơ hội đến gần người "Anh số một" đã thấy một con người trầm tĩnh và nhã nhặn. Những tài liệu rùng rợn tường thuật một cách thiết tỉ mỉ những hành động tàn bạo đối với dân chúng mà chính bộ máy hành chính Khmer cộng để lại, chứng minh rằng cuộc tự diệt chủng Campuchia đã là một công trình có kế hoạch và công thức. Một lý do khác khiến thế giới không muốn tìm hiểu một cách nghiêm chỉnh những nguyên nhân đã phát sanh chủ nghĩa Pol Pot là nó đã liên lụy tới quá nhiều thành phần. Bọn khát máu Khmer Đỏ đã chiếm lấy quyền hành với sự hỗ trợ của Đảng Cộng sản Việt Nam và dưới sự bảo trợ tinh thần của vua Norodom Sihanouk. Sau khi bị bộ đội Việt Nam đuổi khỏi chính quyền, họ đã tồn tại được nhờ sự giúp đỡ tích cực của Trung Quốc, mối liên minh chống Việt Nam với các lực lượng hoàng gia và quốc gia và thái độ thông cảm của các cường quốc Tây phương, đặc biệt là Huê Kỳ : chúng ta đừng quên rằng tập đoàn Khmer Đỏ đã được thừa nhận như một thành viên trong Hội nghị Paris 1993 và nếu họ đã đủ khôn ngoan để chấp nhận luật chơi dân chủ được thiết lập sau đó, chắc chắn là giờ này Pol Pot và các tông phạm đã có chỗ đứng trên chánh trường Campuchia, không nói là ghế ngồi trong chánh phủ.

Cộng sản toàn nguyên

Sự thực dễ sợ là cuộc diệt chủng Campuchia đã không xuất phát từ một bộ óc điên cuồng mà là thành quả của việc áp

dụng đến cùng những tôn chỉ của chủ nghĩa cộng sản, một ý thức hệ vẫn còn được nhiều người theo đuổi. Thiết vậy, khác với Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ biết bắt chước các đàn anh Liên Xô và Trung Quốc, với những yếu kém của chúng, bè lũ Pol Pot đã qua mặt các bậc thầy bằng cách thi hành những gì họ chủ trương trên bình diện lý thuyết nhưng không dám thi hành trên thực tế. Ngay sau khi chiếm lấy quyền hành, họ đã triệt tiêu quyền tư hữu, một điều mà chủ nghĩa cộng sản coi là cứu cánh nhưng chưa có một nước xã hội chủ nghĩa nào đã dám thực thi toàn diện. Với một bộ máy quyền hành cô lập thành thực thể Angkar vô hình nhưng có mặt khắp nơi, những thủ lãnh không chức tước rõ ràng nhưng toàn quyền, chế độ Khmer Đỏ đã tiến lại gần lý tưởng một xã hội không nhà nước của chủ nghĩa cộng sản hơn bất cứ một chế độ cộng sản nào khác. Không tưởng duy nông của chế độ Pol Pot là kết quả tối hậu của lô gích vô sản với trọng lượng của Mao Trạch Đông xác nhận thành phần nông dân là lực lượng cách mạng nòng cốt ở các nước nông nghiệp. Thế giới ghê tởm khi biết được là dưới chế độ Pol Pot con người bị giết chỉ vì đeo kiếng nhưng chánh sách tiêu diệt trí thức của bọn Khmer Đỏ chỉ là chặng cuối cùng của một tiến trình đã thấy chế độ Xô Viết chế ngự người trí thức và các phong trào cộng sản Trung Hoa và Việt Nam đàn áp thành phần này, coi họ không hơn "phân". Ngược với những gì những người còn quyến luyến ý hệ cộng sản muốn tin, các cuộc tàn sát quy mô và có tổ chức của chế độ Pol Pot không là một sự đòi bại của chủ nghĩa cộng sản mà là kết quả tự nhiên của một nhân sinh quan chính trị chủ trương đấu tranh giai cấp, bạo lực cách mạng, chuyên chính vô sản.

Thảm kịch Campuchia phủ nhận những luận điệu cho rằng nguyên nhân thất bại của những chế độ cộng sản đến từ những lệch hướng đối với chủ thuyết Karl Marx nguyên thủy : ngược lại, nó chứng minh rằng con người càng đến gần chủ nghĩa cộng sản bao nhiêu thì những hậu quả càng khổ đau bấy nhiêu. Bài học người Khmer Đỏ để lại là cứu cánh của chính trị không phải là theo đuổi sự thuần khiết vì nó luôn luôn đưa đến việc loại trừ mà chính là tìm kiếm những phương cách cho phép sự sống chung của các khác biệt. Thảm kịch Campuchia cũng phải đưa con

người nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng đến kết luận khước từ vinh viễn những luận điệu, những chương trình chính trị hứa hẹn những ngày mai tươi sáng đổi lại một hiện tại bi đát.

Dân chủ và

Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc

Lực lượng Khmer Đỏ đã sụp đổ do sự ngu dốt của chúng hơn là vì công trình đấu tranh của các nhà lãnh đạo Campuchia hay tác động quốc tế. Vì thế, chưa chắc gì là người Campuchia có thể đồng hóa biến cố này với sự trở lại của hòa bình. Vài tháng trước cuộc bầu cử lập pháp 1998, những tranh chấp giữa Mặt trận Thống nhất Quốc gia vì một Campuchia Độc lập, Trung lập, Hòa bình và Hợp tác (MTTNQGCĐLTLHBHT) của thái tử Norodom Ranariddh và Đảng Nhân dân Campuchia (ĐNDC) do Hun Sen lãnh đạo đạt đến mức độ tột bậc. Để bù lại hậu thuẫn của ĐNDC trong quân đội và bộ máy hành chính, Norodom Randariddh sẵn sàng liên kết với các phần tử Khmer Đỏ, kể cả những người đã có trách nhiệm quan trọng trong vụ diệt chủng và đã chống đối bằng vũ trang chánh quyền hợp pháp. Để đạt tới mục tiêu đó, vị đệ nhất thủ tướng không những đã ân xá vô điều kiện những lãnh thủ Khmer Đỏ cốt lõi như Ieng Sary đã từng là nhân vật số ba trong bộ máy Pol Pot mà còn nhượng cho họ nhiều đặc quyền ngồi lên trên cả hiến pháp : Ranariddh đã mua chuộc sự chiêu hồi của Ieng Sary bằng cách chấp nhận rằng các vùng Pailin và Phnom Malai do Ieng Sary kiểm soát, trở thành những khu vực gần như độc lập với một đạo quân và một bộ máy hành chính riêng, có quyền buôn bán tự do với Thái Lan và được miễn thuế. Trong lúc đó, đệ nhị thủ tướng Hun Sen dựa vào đạo luật 1994 gán cho bọn Khmer Đỏ quy chế "ngoài vòng luật pháp" để hăm dọa bỏ tù những người nào bắt tay với phe Khmer Đỏ. Thiết ra, thái độ của Hun Sen chỉ cứng rắn vì ông không có khả năng thỏa hiệp với những người Khmer Đỏ : cán bộ Khmer Đỏ duy nhất đã muốn điều đình với ông, Son Sen đã bị Pol Pot hành quyết vài ngày trước khi cựu thủ lãnh số một Khmer Đỏ hoàn toàn thất sủng. Đời sống chính trị Campuchia cứng ngặc và nhập nhằng vì những tranh chấp ngược đời và những liên minh tùy tiện. Từ hai năm nay quốc hội không được triệu tập vì không có sự đồng thuận giữa hai vị thủ tướng trong lúc nội các chỉ họp để giải hòa những xung đột giữa hai thành phần chủ yếu của "chính phủ liên kết". Cuộc

đuổi bắt Pol Pot đã là cơ hội để Hun Sen và Norodom Ranariddh phơi bày những mối phân tranh bí mật bằng cách tung ra những tin hoàn toàn mâu thuẫn về số phận của lãnh tụ Khmer Đỏ. Trầm trọng hơn là những vụ xung đột đẫm máu giữa hai lực lượng hoàng gia và tân cộng sản xảy ra càng ngày càng thường. Thái độ tùy tiện của các thủ lĩnh Campuchia tạo lập những hiện tượng chánh trị cực kỳ quái gở, chẳng hạn sự liên minh giữa một chánh đảng lãnh đạo chánh phủ, tức MTTNQGCDLTLHBHT với một tổ chức đối lập là Đảng Quốc gia Khmer (ĐQGK) để thành lập Mặt trận Thống nhất Quốc gia (MTTNQG). Tuồng cần nhắc lại là ĐQGK do ông Sam Rainsy cầm đầu đã là mục tiêu của cuộc mưu sát xảy ra trong cuộc biểu tình bất tín nhiệm cảnh sát vào cuối tháng 3-1997. Thành phần thứ ba của MTTNQG không ai khác là Phong trào Thống nhất Quốc gia Dân chủ do Ieng Sary lãnh đạo. Đảng Đoàn kết Dân tộc của "thủ tướng" Khmer Đỏ Kieu Samphan căn cứ ở Along Veng cũng tuyên bố ủng hộ MTTNQG nhưng lập trường của họ đối với chánh quyền hợp pháp không gì rõ ràng. Phải nhắc lại rằng chỉ vài ngày trước đây, Kieu Samphan cùng các bộ hạ còn là cận vệ của Pol Pot, làm cho một số nhà quan sát nghĩ rằng tin Pol Pot đã bắt họ làm con tin trong cuộc chạy trốn chỉ là một vở kịch nhằm tạo cho thành phần này một bộ mặt mới. Người đại diện MTTNQG ở hải ngoại là hoàng thân Norodom Sirivudh, nguyên tổng thư ký MTTNQGCDLTLHBHT nhưng bị chánh quyền Campuchia lưu đày vì tội thương thuyết với lực lượng Khmer Đỏ và âm mưu ám sát vị đệ nhất thủ tướng Hun Sen. Vài tháng trước cuộc bầu cử toàn quốc 1998, tình hình chánh trị Campuchia ngày càng trở nên căng thẳng. Các thành phần thuộc MTTNQG và ĐNDC luân phiên vu cáo nhau những tội ác đứ dộ, nào là việc âm mưu ám sát, nào là việc lật đổ thể chế quân chủ, nào là tội tham nhũng, buôn lậu. Từ lâu, các lực lượng bán quân sự mà mỗi đoàn thể chánh trị đều trang bị, biến Phnom Penh thành một kho đạn có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Người ta có nhiều lý do để lo ngại về sự diễn tiến của cuộc bầu cử lần ý nghĩa của nó đối với dân Campuchia (xem thêm *Tin tức thời sự*).

Bài học thứ nhì đến từ Campuchia là hòa giải và hòa hợp dân tộc là tiền đề bắt buộc để thiết lập một nền dân chủ lành mạnh và ổn vững. Nó cần thiết cho dân chủ như dân chủ cần thiết cho sự phát triển kinh tế. Nó không là một chiến lược thời cơ mà là một quá trình vừa chánh trị vừa

tâm lý trọng yếu mà mọi thành phần xã hội phải thực tâm nghiên cứu và rèn luyện nếu muốn đưa đất nước khỏi vòng hận thù một cách dứt khoát. Đây là một điều mà một số tổ chức đối lập Việt Nam nên suy ngẫm, những thành phần chống đối tinh thần Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc cũng như những đoàn thể gia nhập nó một cách hời hợt, hôm qua "*chống chủ trương hòa hợp hòa giải*", hôm nay muốn thỏa hiệp với Đảng Cộng sản bằng mọi cách.

Đường lối ngoại giao "nước nhỏ"

Công ơn đánh bại chánh quyền Khmer Đỏ và chấm dứt cuộc diệt chủng của nước Việt Nam là một sự kiện mà không ai có thể chối cãi. Tuy nhiên, điều vô cùng đáng tiếc là sau đó, nhóm người lãnh đạo vô sáng kiến Hà Nội đã không biết làm gì khác hơn là tái lập sách lược đế quốc của Liên Xô ở Đông Âu. Nếu nước ta đã đủ khôn ngoan để trả quyền tự chủ lại cho nhân dân Campuchia ngay sau khi phá vỡ lực lượng Pol Pot (điều mà Huế Kỳ đã làm ở các nước Tây Âu), người dân Campuchia sẽ đời đời ghi ơn dân tộc Việt Nam và đồng thời một số bộ đội Việt Nam đã khởi phải bị hy sinh mạng sống. Vì cái di chúc thiên cận của Hồ Chí Minh, nước Việt Nam đã bỏ hụt cơ hội xây dựng một nền giao hảo thâm thiết với dân tộc Campuchia nhằm xây dựng sự hợp tác sâu đậm, rộng rãi và lợi ích cho đôi bên. Ngược lại, chánh sách thiên cận của chánh quyền Việt Nam đã cho người Campuchia nhiều lý do để tiếp tục nghi ngờ xu hướng xâm lăng của Việt Nam. Song song, nó đã cho các tên Khmer Đỏ một cơ hội tuyệt hảo để tranh thủ lại cảm tình của dân chúng Campuchia cùng sự dễ dãi của quốc tế. Nói một cách khác, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phá hủy công nghiệp của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Trên trường quốc tế, cuộc phiêu lưu "tiểu đế quốc" 1979-1991 còn có hậu quả đặt nước ta trong tình thế một bị cáo cô lập trong hơn một thập niên : trong một thế giới không ngừng thay đổi, ai có thể đo lường tất cả những tai hại mà tình trạng đó đã gây cho nền kinh tế Việt Nam, nghĩa là đời sống hàng ngày của dân chúng ? Mặt khác, sự thất bại của chiến dịch thôn tính Campuchia đã gán cho Việt Nam nhiều mặc cảm đối với nước láng giềng. Một lần nữa, đồng bào nước ta phải trả một giá thiệt mắc cho những sai lầm của các thủ lĩnh cộng sản. "Đạo quân tình nguyện" đã đấu tranh ở Campuchia có quyền chờ đợi những thành quả xứng đáng với những hy sinh của họ hơn là cuộc rút lui nhục nhã 1991. Người Việt sinh sống ở Campuchia

có quyền đòi hỏi chánh quyền Việt Nam có những phản ứng đối với những vụ tàn sát mạnh mẽ hơn là sự im lặng diếc tai của Hà Nội. Hai lần liên tiếp trong lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hy sinh tánh mạng của hàng triệu công dân để đưa đất nước đến đúng chỗ cũ : sau khi khởi xướng cuộc nội chiến tàn khốc 1954-1975 dưới tấm bảng "*chống Mỹ cứu nước*" mà kết quả hai mươi năm sau là chánh sách tiến gần với Huế Kỳ để chống trả âm mưu bành trướng Trung Quốc, chánh quyền Hà Nội lại bắt buộc dân chúng Việt Nam chịu đựng biết bao tổn thất oan uổng khác để thực hiện "*mối liên minh đặc biệt giữa ba nước Đông Dương*" mà kết cục chỉ là cuộc rút quân tui hổ dưới cặp mắt ngạo nghễ của các cường quốc cộng thêm mối hận thù dai dẳng của người Campuchia.

Chánh sách Campuchia của Đảng Cộng sản Việt Nam là một thí dụ phản chứng "*chủ nghĩa nước nhỏ*" mà *Dự án dân chủ đa nguyên* chủ trương. Để hàn gắn những đổ vỡ và xóa bỏ những tị hiềm giữa Việt Nam và các nước láng giềng Lào và Campuchia, nhà nước dân chủ đa nguyên tương lai sẽ cần có "*một chánh sách hiếu hòa thực sự*" mà nền tảng là việc "*tôn trọng các biên giới hiện có*" và nội dung là sự "*dễ dãi về giao thông và thương cảng*" có thể đưa đến "*một thỏa hiệp tự do đi lại và di trú*". Để đạt tới mục tiêu đó, nước Việt Nam phải tạo lập một bầu không khí tín nhiệm với các nước Đông Dương khác bằng cách "*không tranh giành một vai trò quốc tế nào [...] trừ khi để bình vực lẽ phải, đạo đức*". Đặc biệt với các quốc gia láng giềng Lào và Campuchia, chúng ta phải khước từ mọi khuynh hướng can thiệp vào nội tình của những nước này. Hành động rút quân phải được coi như bước đầu tiên trên con đường cải cách chánh sách ngoại giao của Việt Nam ở Đông Dương. Đối với Lào chẳng hạn, chúng ta còn phải xóa bỏ minh ước 1977 đặt nhiệm vụ kiểm soát biên giới và bảo đảm trật tự dưới trách nhiệm Việt Nam. Cấp bách thứ hai là chấm dứt sách lược ủng hộ bất cứ một đoàn thể chánh trị nào và dưới mọi hình thức. Đó là những bắt buộc để mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử Đông Dương, một kỷ nguyên trong đó tinh thần tương kính, hữu nghị và hợp tác sẽ thay thế ý thức chủ quan, mưu mẹo và lấn lướt. Lịch sử thế giới nói chung và mối quan hệ tốt đẹp hiện có giữa Thái Lan và Campuchia nói riêng, chứng minh rằng không có một hận thù dân tộc nào không có thể vượt lên trên nếu các chánh quyền thực sự thành tâm.

Diệp Tường Bảo

Tự về một điểm: dân chủ hóa!

- Lẫn lộn giữa khoa học với chính trị và tuyên truyền Qua các vụ xử án Vẫn là bầu cử tiền chế Cuốn sách của G. Kolko
 Cái chóp pháp thoại và cánh tả Pháp Vấn đề của các vấn đề

Tin từ Việt Nam: năm nay thời tiết nóng. Một số vùng hạn. Nhưng thời sự chính trị còn nóng hơn. Các quyết định gắt gao về cư trú, hộ tịch, hộ khẩu, tịch thu quyền công dân, cắt điện thoại, bịt mồm các chiến sĩ dẫn thân cho dân chủ... làm cho hàn thử biểu chính trị lên cao. Người dân tự hỏi: đang đổi mới mà vẫn cù đến vậy ư? Thêm một số sự kiện nóng nực:

Một hội nghị đáng ngán

Ở Hà Nội, từ 19 đến 22 tháng 6 vừa qua, cuộc hội thảo Việt - Mỹ về chiến tranh với đề tài "Những cơ hội bị bỏ lỡ" đã diễn ra. Phía Mỹ cụt hứng. Họ hy vọng một cuộc hợp lý thú, bổ ích, theo đúng tinh thần khoa học, mỗi người dự có ý kiến riêng, cách đề cập, suy nghĩ cá nhân của mình. Chiến tranh đã qua hơn 20 năm, quan hệ giữa hai bên đã bình thường hóa, các nhà quân sự, chiến lược, sử gia... có dịp làm quen, kết bạn, hợp tác, trao đổi ý kiến. Khi tôi gặp nguyên tổng thống G. Ford và tướng Westmoreland ở Chicago tháng 3 vừa qua trong cuộc hội thảo lớn về giai đoạn 1965-1975 của cuộc chiến tranh và sau đó gặp các tướng Cushman, đô đốc Zumwald, nhiều nhà sử học Mỹ ở Texas (tháng 4), họ đều trông đợi kết quả cuộc họp này dù với ít nhiều dè dặt. Nay xong hội nghị ở Hà Nội, họ cho biết thật là đáng ngán. Những người lãnh đạo Việt Nam bảo thủ và thiển cận, vẫn không muốn hiểu về hội thảo khoa học, lại coi đây là dịp đấu tranh chính trị và tuyên truyền, đề cao quá đáng McNamara, tô đậm sự kiện quá cũ thời 1945 quan hệ với nhóm Patti và cố tình ăn vạ về tác hại của chiến tranh, của chất độc hóa học màu da cam. Lạc đề, lạc chỗ, lạc hậu...

Chỉ vì họ vẫn không chịu hiểu *khoa học* và *dân chủ* là tranh luận *tự do*. Thì ra, đây mới chính là *một cơ hội bị bỏ lỡ!*

Qua các phiên tòa

Dư luận trong và ngoài nước rất chú ý đến các phiên tòa ở Hà Nội và Sài Gòn đã và sắp xử các vụ án lớn: Tamexco, buôn ma túy, Minh Phụng, Epcó, Liên Hiệp Dệt Nam Định, Nguyễn Huy Hoàng... Đã có hơn một chục người bị kết án tử hình, nhiều người tù chung thân, 10, 15, 20 năm tù. Dư luận đồng bào ta ở trong nước đặt câu hỏi: vụ Tamexco sao không đụng đến Nguyễn Hà Phan, nguyên ủy viên bộ chính trị, trưởng ban kinh tế trung ương đảng? Đến các quan lớn, bà lớn ở cơ quan kinh tài của đảng thành phố Sài Gòn và ở trung ương? Vụ buôn ma túy mới chỉ sờ đến cấp thượng tá công an với án quá nhẹ, chắc chắn nhiều kẻ đầu têu cấp đại tá và tướng còn được bao che. Nhiều cán bộ ngân hàng bị xét xử và nằm tù, trong đó có phó giám đốc, tài vụ, kế toán... ngân hàng ngoại thương, ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, vậy còn các vị tai to mặt lớn ở ngân hàng nhà nước trung ương và bộ tài chính? Vẫn chỉ là đánh tử rón, cao hơn là từ vai trở xuống, còn chừa ra những kẻ phạm pháp trên bệ cao quyền lực.

Người dân có quyền hỏi rằng đảng và nhà nước có đi tới trên con đường công lý hay không, khi nguyên viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao, ủy viên trung ương đảng, phạm tội mà chỉ bị mất chức, chìm vào im lặng, không một đại biểu quốc hội nào dám chất vấn; khi hàng vạn lá đơn khiếu nại của công dân bị cướp đất, cướp nhà, hà hiếp, tù tội trong oan ức, chất cao bằng núi mà vẫn chìm vào im lặng của một chế độ vô cảm, vô hồn; khi hàng chục nghìn kẻ phạm tội đã bị tuyên án vẫn ở ngoài vòng pháp luật. Ai cũng rõ, đó chỉ là vì bởi hệ thống tòa án vẫn bị đảng chuyên quyền nắm chặt, vì đảng vẫn đứng trên luật pháp, đứng ngoài luật pháp, thách thức toàn xã hội rằng: mọi người

đều phải tuân theo, trừ chúng tôi! Đảng vẫn xử sự như là ông chủ!

Mở hội bầu cử?

Cả nước đang chuẩn bị cuộc bầu cử quốc hội khóa X vào ngày 20-7-1997. Người dân vẫn đứng đưng. Một số bảo nhau: việc họ họ làm, việc ta ta làm. Vì vẫn là màn kịch cổ lỗ: đảng chọn, dân bầu. Vẫn là bầu cử *tiền chế*. Cái "mới" là lần này chưa có danh sách của 664 ứng cử viên mà ông Vũ Mão, ủy viên ban thường vụ kiêm chánh văn phòng quốc hội, đã trình trọng tuyên bố với các nhà báo là sẽ có 450 người trúng cử, trong đó có 20% người ngoài đảng. Các nhà báo quốc tế cười ồ. Vui thật! "Dân chủ" đến mức ấy thì thánh thật. Người dân được giải thoát khỏi nỗi lo lắng, hồi hộp, mong chờ, phỏng đoán hôm khui phiếu, vì đã biết *trước* khi bỏ phiếu rằng sẽ có 360 ông bà cộng sản và 90 ông bà không cộng sản (đã được Mặt Trận Tổ Quốc do đảng nắm chặt, lựa chọn kỹ) là đại biểu cho mình.

Những kẻ chuyên quyền không biết xấu hổ khi diễn lại màn kịch bầu cử tiền chế giữa thời đổi mới.

Một đứa con giống cả bố và mẹ

Tháng 6 này phát hành cùng một lúc ở New York và London cuốn sách của nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko: "Anatomy of a peace" (Mở xẻ một hòa bình). Ông vốn có cảm tình sâu đậm với đảng cộng sản Việt Nam, từng hết lời ca ngợi tài lãnh đạo của đảng trong cuốn "Anatomy of a war" (Mở xẻ một cuộc chiến tranh). Ông và bà vợ đến thăm Việt Nam hàng chục lần. Đến nay ông trở thành khách "không còn được hoan nghênh" ở Hà Nội. Ông nhận xét: đảng cộng sản đã từ bỏ mọi lý tưởng ôn áp trong thời chiến, đã phản bội cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân; cuộc

"đổi mới" tùy tiện, không hề được chuẩn bị, cân nhắc, tính toán kỹ; họ đã thất bại tệ hại trong thời bình; chế độ hiện nay là con đẻ của chủ nghĩa xã hội ảo tưởng, duy ý chí kết hợp với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa; sự kết hợp tùy tiện này đẻ ra một quái thai; nó kế thừa mọi nét xấu của cả bố và của mẹ, mà không hưởng được một nét đẹp nào của cả bố và mẹ. Chẳng phải tệ tham nhũng, buôn lậu, nghiện ma túy, thất nghiệp, bất công ở Việt Nam đang vượt xa các nước tư bản bình thường, trong khi công bằng xã hội, nếp sống giản dị chung, xã hội lo cho nền giáo dục và nền y tế công cộng miễn phí của thời trước chỉ còn là những kỷ niệm đắng cay trong thời "đổi mới" hiện tại.

Cái chóp Pháp thoại

Báo chí Hà Nội rất dè dặt khi bình luận về thắng lợi của cánh tả ở Pháp. Họ chỉ nói phớt qua việc đảng cộng sản có 37 ghế ở Quốc Hội và 3 bộ trưởng chính phủ. Vì đảng cộng sản Pháp đã từ bỏ chuyên chính vô sản, dân chủ tập trung, hạ bệ Staline, tuyên bố lột xác khỏi tệ giáo điều và bảo thủ. Báo, đài ở Hà Nội không dám trích đoạn tuyên bố của thủ tướng L. Jospin về đường lối chính trị chung của chính phủ mới, nói rõ sự *cam kết tôn trọng nhân quyền ở mọi nơi, giữ nguyên tắc đấu tranh bảo vệ quyền tự do của các dân tộc trên nền tảng dân chủ...*

Cuộc họp thượng đỉnh của Khối Pháp Thoại dự định vào tháng 11 tới đang được đặt ra cấp bách và có phần phức tạp, bấp bênh, với những kết quả khó lường hết. Ở bộ ngoại giao Pháp đã có cuộc họp, trong đó có ý kiến muốn đặt lại vấn đề của cái chóp Pháp thoại ở Việt Nam, vì hiện chỉ có khoảng 70 ngàn người nói được tiếng Pháp (trong tổng số hơn 70 triệu, nghĩa là dưới 1 phần ngàn số dân); thêm nữa, phần lớn là thế hệ cao tuổi, trên dưới 70 tuổi; tiếng Anh đã áp đảo gấp nhiều lần tiếng Pháp. Thủ tướng L. Jospin còn quyết định giao công việc Pháp thoại cho bộ trưởng văn hóa và truyền thông (kiếm người phát ngôn của chính phủ) là bà Catherine Trautmann, nguyên là thị trưởng Strasbourg, nổi tiếng về tính kiên nghị đương đầu với cái Mặt Trận Quốc Gia phân biệt chủng tộc của Le Pen và mọi chế độ độc đoán, vi phạm quyền con người.

Các vị bảo thủ về chính trị ở Hà Nội viết sai chính tả chữ *démo-cratie* thành *auto-cratie* và áp dụng đánh vần chữ *liberté*, ắt phải lo phát sốt về cái chóp Pháp thoại âm ương sắp tới.

Quy về một mối

Thế là mọi vấn đề thời sự đều gọi lên một mối rối cần tháo gỡ: *dân chủ hóa*. Không thì sẽ tắc hết cả. Con đường cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ để có được quyền tối huệ quốc; con đường để có thêm vốn đầu tư nước ngoài; để gia nhập thị trường quốc tế, để hòa nhập với ASEAN và thế giới. Con đường để đất nước có luật pháp nghiêm minh, có công bằng xã hội, để cải tổ hành chính, ngân hàng, chống buôn lậu, tham nhũng; con đường ổn định dân sinh và lòng dân... đều phải qua chiếc cầu *dân chủ hóa*, bước đầu là trả lại cho xã hội quyền suy nghĩ, ăn nói, trước hết là quyền tự do báo chí thật sự, rồi đến quyền được tự do lựa chọn, đề cử đại biểu của mình, *dân chọn, dân bầu thay cho đảng chọn, dân bầu vô duyên, lạc điệu*.

Tháng qua, các nhà quan sát quốc tế đều cho rằng Việt Nam đứng trước một thử thách lớn về quyết định: đổi mới tiếp, dứt khoát, rõ ràng cả về kinh tế, tài chính, tư tưởng, văn hóa và chính trị, hay dừng lại, ngấp ngừng và có nghĩa là quay về quá khứ. Một thử thách hiểm nghèo.

Thời mở cửa, vô vàn *thông tin mới mẻ về thế giới dân chủ* tràn vào Việt Nam, nâng cao dân trí về tự do, dân chủ, về xã hội văn minh... Tên độc tài Pol Pốt bị tóm cổ tại sào huyệt; ý chí dân Hồng Kông nhất là nam nữ thanh niên quyết bảo vệ quyền sống dân chủ trước khi hội nhập vào Trung Quốc; tổng bí thư đảng cộng sản Pháp công khai nhận lỗi và xin lỗi những đảng viên bị chụp mũ là phản bội, gián điệp cho nước ngoài thời Thorez và Marchais... Những gì phải đến cuối cùng đã đến.

Thời gian không đứng lại để chờ. Nó là dòng thác lũ cuốn trôi đi mọi trở ngại, mở đường cho tiến bộ, để lịch sử luôn tiến tới với những giá trị của thời đại, trong đó *tự do, dân chủ, đa nguyên* là những giá trị lớn nhất.

Bùi Tín

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Ông Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048 Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Thông Luận
hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chính
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến nó

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Sự tồn tại của Nguyệt san Thông Luận không bị đe dọa nhưng khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

Tờ có bị mất trộm!

- Trưa nắng như đổ lửa, ai như Chị Năm Đòn Gánh đang đứng đón xe buýt bên kia đường phải không các anh?

- Đúng là Chị Năm rồi. Sẵn bộ nhờ Anh Tám bước qua mời bà chị mình ghé lại quán nghèo này uống một ly trà đá chữa lửa, tiện thể tránh nắng, đợi xe... góp chuyện với bà con tiệm nước.

- Bà con mình có hay tin nhà báo lãnh thành Nguyễn Văn Trấn vừa mới bị trộm viếng nhà! Vào lúc 6 giờ sáng, ngày 30 tháng 4 năm 1997, bọn đạo chích đã đột nhập tư thất của Cụ Bảy Trấn. Bọn chúng lục lọi các kệ sách, gầm giường, lật tung cả nệm - tấm trải để kiếm tài liệu, báo "mật".

- Ủa đạo tạo chú có phải đầu lính kín, mặt thám mà tổ chức lên lút xâm nhập gia cư bất hợp pháp rồi chỉ truy tìm sách báo quốc cấm. Đào tường, khoét vách kiểu này lộ sở hụi là cái chắc, không may đụng nhằm gia chủ sẽ lãnh thêm mấy cán cước què chân, bẻ trán, về nhà gặp bà xã còn bị mắng, bị đuổi không cho chun vô mừng... chống muỗi. Rô đại!

Tại hiện trường, sau khi gây án bọn lưu manh đã bỏ lại một (1) kềm cắt thép vạn năng (theo cách gọi của Trường Đại Học Công An Hà Nội), một (1) đôi bao tay vải dày (màu trắng), một (1) sợi dây ni-lông dài 6m, có đường kính 20mm được nối với một móc thép. Chất lượng của ba (3) phương tiện nghiệp vụ nói trên được giám định là còn mới tinh 99,8%.

Hai tên bất lương đã sử dụng dây leo lên lầu một, rồi dùng kềm cắt chần song cửa sổ, mở chốt khóa phía bên trong. Tập trung bọn còn đồ lục soát các giấy tờ, thơ từ, sổ tay ghi chép tên, địa chỉ, điện thoại của những người có quan hệ, thân bằng cố hữu của ông già Chợ Đệm. Kể cả những loại giấy đã bỏ vào giỏ đựng rác cũng được các bàn tay nhám nhúa này săn sóc tận tình, không bỏ sót một mảnh giấy nhỏ, không để quên một quyển sách nào thiếu kiểm tra, hoặc bất kỳ xó xỉnh ở phòng tắm, cầu tiêu, chỗ ngủ, góc phòng ngồi viết của đại lão đồng chí Nguyễn Văn Trấn đều in đầy dấu tay, vết giày của bọn này.

Đến 6 giờ 35 phút sáng, bà láng giềng sát cạnh nhà mở cổng dắt chó đi "tè", lại nhằm ngay tường nhà tác giả quyển sách Gởi Cho Mẹ Và Quốc Hội để "trút cạn bầu tâm sự". Thấy động, đồng bọn chúng

đang làm nhiệm vụ chốt, cảnh giới hai đầu đường đã kịp thời báo cho "chiến hữu" mình tín hiệu khẩn cấp: "Chuồn".

Đang "bút cò" ngon trớn, chú chó bỗng gừ gừ, rồi chồm lên sủa vang. Thoáng một cái, hai kẻ lạ mặt từ phía nhà sau Cụ Bảy Trấn nhảy qua tường, chạy ngang qua đóng "có chức", mỗi tên đều vác trên vai một túi vải màu sậm. Một trong hai tên ấy còn đeo lưng lẳng trên thắt lưng máy điện thoại di động trông rất oai. Chó sủa dữ dội hơn, lập tức hai chiếc xe Honda Twin đen, loại 100 phân khối đã vọt tới bốc "quân ta" biến. Cảnh hậu phía sau còn thêm hai chàng trai chờ nhau trên chiếc xe gắn máy hiệu Suzuki 100 phóng thẳng về hướng Sài Gòn.

Khổ chủ về tới nhà, trong phòng ngổn ngang như bãi chiến trường. Hai kệ sách trống trơn, đồ đạc, sách vở bị bới tung nằm lãn lóc, chông gọng trên giường, dưới đất... Công an quận Tân Bình và một anh công an khu vực của Phường đã đến khảo sát hiện trường đang còn nguyên trạng và lập biên bản kê khai các vật bị mất trộm:

1. Quyển Kinh Thánh có ghi tên và chữ ký của Linh Mục Chân Tín.
2. Cuốn sổ tay, trong đó có ghi địa chỉ và số điện thoại của ông Nguyễn Hộ, ông Nguyễn Ngọc Lan và nhiều thân hữu khác.
3. Một bìa cứng đựng các bài viết, bản tin cắt ra từ các báo. Trong đó có bài Lenin bị "bệnh kín" (syphilis) viết bằng tiếng Pháp đăng trên báo Le Monde.
4. Một cặp da nhỏ đựng các thơ từ, giấy trắng viết thơ, bao thơ kể cả tem bưu điện chưa dán.
5. Một gói bằng bao ni-lông đựng tàn thuốc lá 555 của các thầy chú đến "hỏi thăm sức khỏe" cụ hồi tháng 11 năm 1996.
6. Sáu trăm (600) trang viết tay tài liệu biên khảo về đề tài Phan Thanh Giản (bản gốc đang viết của Cụ Bảy Trấn).
7. Sách các loại, ước định khoảng 10 kg.
8. Bốn (4) triệu rưỡi tiền Việt Nam chủ nhà dành dụm được chia nhỏ, nhét ở giữa các quyển sách bị lấy trộm.
9. Một đồng hồ điện tử đeo tay hiệu Casio, một mắt kiếng đọc sách.
10. Một quyển sổ ghi tiền tiết kiệm...

- Đúng là quân mất dạy. Trộm là vào

nhà người khác nhằm mục đích lấy tiền bạc, tư trang, của cải của chủ nhà rồi thôi chứ. Tại sao còn bỏ luôn cả bản thảo biên khảo, tàn thuốc lá, thơ từ riêng của người ta nữa? Sẵn có Anh Tư là dân công an cố cựu, lại làm quan tòa lâu năm nhờ anh nhận định sự việc này giùm, chú tôi chịu thua, nghiệm mãi không ra nguyên cớ.

- Mới đầu nghe Chị Năm kể lại tôi cũng tưởng như những vụ trộm thông thường khác. Nhưng lần hồi biết được thêm những tình tiết đầy đủ, tôi lại thấy đây không đơn thuần là việc ăn trộm nhằm để kiếm tiền vàng, của quý. Họ có chủ đích khác thể hiện khá rõ ràng qua bản danh mục kiểm kê các vật dụng bị trộm.

Hơn nữa, đại lão đồng chí Nguyễn Văn Trấn là nhân vật được ghi trong sổ bìa đen của Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, của Bộ Nội Vụ và Công An Thành Phố Hồ Chí Minh. Hằng ngày, mọi sinh hoạt của Cụ Bảy Trấn đều được công an giám sát chặt chẽ 24/24 giờ với ba ca, ba kíp thay phiên nhau "canh lỏng" ở hai đầu đường trước nhà, cũng như theo sát một bên mỗi khi ông già 84 tuổi này rời khỏi nhà.

Đặc biệt, ngay trước mặt nhà cụ là đồn công an cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhứt với hàng trăm cán bộ, chiến sĩ lực lượng an ninh của Bộ Nội Vụ có mặt thường trực. Như thế, theo kinh nghiệm và đánh giá của tôi, bọn trộm không thể ngang nhiên ra vào nhà này một cách dễ dàng mà không bị phát hiện như thế được. Trừ trường hợp được sự đồng tình thỏa hiệp của chính lực lượng trinh sát ngoại tuyến được bố trí theo dõi đối tượng trên, hay vụ trộm này là do chính lực lượng của công an đã tổ chức nên mới có thể trót lọt kiểu như vậy thôi.

- Được nghe Anh Tư giải thích, Năm Đòn Gánh em thiết mừng cho nhà báo lão thành Nguyễn Văn Trấn tai qua nạn khỏi. Mặc dầu gặp chuyện rủi là mất của, nhưng qua đó chứng minh rằng ông già Chợ Đệm không có quan hệ cũng như biên soạn, tàng trữ các tư liệu bị nhà nước cấm lưu hành. Thiết là không có gì quý hơn lòng trong mắt sáng!

Cùng nhân đây, Tổng Cục An Ninh Bộ Nội Vụ và Công An thành phố Hồ Chí Minh sau khi tiến hành thẩm định các vật chứng trộm được ở nhà Cụ Bảy Trấn

có thể yên lòng giải tỏa và ra lệnh rút bộ phận công an mặt đã được bố trí bám sát ngày đêm tại địa chỉ 2B/4 đường Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hãy tập trung lo chống tham nhũng, chống buôn lậu ma túy cho thật tốt để giữ gìn thanh bảo kiếm - biểu tượng thiêng liêng của ngành công an nhân dân. Bảo kiếm này hiện nay đã cong queo, sét rỉ qua các vụ buôn lậu ma túy xuyên quốc gia mà những tên tội phạm to đầu vẫn còn nằm ngoài vòng pháp luật như:

- Thiếu tướng Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung Ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Cảnh Sát, nhân vật đã trực tiếp ngồi trên chiếc xe hơi có bình xăng hai ngăn chứa ma túy theo sự dàn dựng của trùm buôn lậu ma túy Vũ Xuân Trường.

- Đại tá Trần Duy Sản, Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Kinh Tế, người đã ký lệnh cho đồng bọn lấy chiếc xe hơi vận chuyển heroin đang bị niêm phong tang vật để tiếp tục tẩu tán ma túy còn cất giấu trong xe.

- Đại tá Đặng Văn Sang, Phó Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Điều Tra, người đã trực tiếp chỉ thị cấp thừa hành sửa đổi biên bản lời khai tội nhân. Đánh lạc hướng điều tra vụ án để giải vây cho Vũ Xuân Trường và đồng bọn dính líu trong ngành công an.

Mặt khác, Thường Vụ Bộ Chính Trị, Ban Văn Hóa Tư Tưởng Trung Ương, Ban Văn Hóa Tư Tưởng Thành Ủy thành phố Hồ Chí Minh nhờ đó cũng học hỏi được thêm rất nhiều điều bổ ích, nhất là quan điểm của người trí thức chân chính, trình độ tư duy, tác phong lao động khoa học qua hơn sáu trăm trang bài viết biên khảo mới của tác giả Gỏi Cho Mẹ Và Quốc Hội.

- Người tiếm nước chúng tôi cũng mong muốn rằng những nhà lãnh đạo của "Đảng - Nhà Nước ta" nên rèn luyện để có thể tự viết được những bài phát biểu quan điểm của mình từ một trang rồi nâng dần lên đến năm trang, vài chục trang, hoặc những tập luận điểm vài trăm trang để trình bày trong Đảng, trong quốc dân đồng bào về đường lối, chủ trương, chính sách của "Đảng mình". Đồng thời đây cũng là những tập bài thi để bình chọn Tổng Bí Thư, Chủ tịch Nước, Thủ Tướng, Đại Biểu Quốc Hội, v.v... Nên nhớ trường qui từ cổ chí kim đều không thay đổi, thí sinh không được nhờ làm bài giùm. Nếu vi phạm sẽ bị đánh rớt và cấm thi vĩnh viễn. Chứ có đầu như ngài Tổng Bí Thư Đỗ Mười, trong buổi viếng tang cố bác sĩ Nguyễn Khắc Viện ở Hà Nội, cùng

không viết nổi một trang lời chia buồn đối với tang quyến. Thật tệ, ngài Tổng Bí Thư chỉ ký vồn vện tên mình vào tờ giấy đã được viết sẵn!!!

Vậy mà trong quyển tự điển bách khoa Việt Nam tập 1, xuất bản tại Hà Nội năm 1995 đã in ở trang 840 về tiểu sử và các tác phẩm chính của "Người" đếm được cả chục quyển gồm:

* Báo chí và Văn nghệ Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới (1989).

* Cuộc sống khảng định phát triển đường lối mới (1989).

* Tiếp tục đổi mới, ổn định vững chắc tình hình, tạo thế phát triển mạnh hơn (1991).

* Xây dựng nhà nước của nhân dân, thành tựu kinh nghiệm đổi mới (1991).

* Về con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam (1992).

* Sửa đổi Hiến Pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới (1992).

* Tuổi trẻ Việt Nam (1993).

* Phát huy vai trò Quốc Hội, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân (1994).

* Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội. Tập 1 (1992), Tập 2 (1993), Tập 3 (1994), Tập 4 (1995).

* Thể hiện khát vọng của nhân dân về chân thiện mỹ (1993).

* Về xây dựng Đảng (1994).

* Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn mới (1994).

* Trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước (1995).

Tha hồ mà nịnh Tổng Bí Thư bằng đủ kiểu. Đám "nâng bi" tại cung đình đang tập trung bơm cho "Người" bay vút tận mây xanh với lý luận rằng trong các đời Tổng Bí Thư của Đảng CSVN chỉ duy nhất có mình ngài Đỗ Mười trực tiếp đương đầu với đế quốc Mỹ mà không cần phải xin viện trợ của Nga, lãn Tàu. Dưới sự lãnh đạo của "Người" đất nước ổn định, đời sống phồn vinh giàu có hẳn lên. Nếu xếp hạng, các lãnh tụ Hồ Chí Minh, Trần Phú, Trường Chinh, Lê Duẩn còn phải bái tôn Đỗ Mười lên bậc đại ca. Vì đại thay sự nghiệp "cách mạng" của tên thiên heo!!!

- Nhân ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), đệ tử của ngài Đại Tướng Đoàn Khuê, Bộ Trưởng Quốc Phòng đã lập thành tích "vang dội" chào mừng ngày sinh của Bác - Báo Tuổi Trẻ 20 tháng 5 năm 1997 đưa tin: "Một vụ nổ lớn kèm theo một cột khói lửa cao hơn 100m xảy ra tại kho quân giới của đơn vị K75, cục kỹ

thuật Quân Khu 7, lúc 7 giờ 20 phút ngày 18 tháng 5 năm 1997, làm chấn động cả khu vực Củ Chi, Hóc Môn và các vùng phụ cận. Có mặt tại hiện trường ngay sau khi xảy ra vụ nổ, phóng viên Tuổi Trẻ đã chứng kiến một khung cảnh hoang tàn. Trên một diện tích khoảng 4.000m², hàng trăm cây xanh bị cháy rụi, hàng ngàn vỏ đạn vung vãi khắp nơi. Theo Ủy Ban Nhân Dân huyện Củ Chi, trong phạm vi bán kính 3km, 929 căn nhà của dân ở xã Phước Vinh An đã bị sập, tốc mái, sập vách hoặc nứt tường... Trong số này có 154 căn nhà bị thiệt hại 100%. Thiệt hại các cơ sở vật chất của nhà nước tập trung xung quanh Ủy Ban Nhân Dân xã Phước Vinh An (hầu hết đều cách xa nơi xảy ra tiếng nổ từ 800m đến 1000m) như trụ sở ủy ban nhân dân xã, trạm y tế xã, nhà truyền thống, trạm truyền thanh, cầu lạc bộ văn hóa, trường mẫu giáo Bông Sen 13, trường trung học cơ sở Phước Vinh An và 14 phòng học của trường cấp 1 Phước Vinh An hầu như bị sập hoàn toàn. Ước tính thiệt hại các cơ quan, trường học khoảng 10 tỷ đồng.

Theo bác sĩ Trần Khánh Tường, Phó Giám Đốc Trung Tâm Cấp Cứu thành phố Hồ Chí Minh, có tất cả 47 người bị thương, 2 người chết (gồm một bé trai 3 tuổi, nhà ở cách nơi xảy ra tiếng nổ hơn 1000m và một người thợ nấu ăn vào doanh trại cùng với hợp tác xã mua bán huyện Củ Chi để chuẩn bị phục vụ cho một đám cưới - Ủy Ban Nhân Dân huyện Củ Chi cho biết) và một người bị mất tích tại hiện trường. Trong tổng số 47 ca bị thương, có 2 ca do Trung Tâm Cấp Cứu thành phố nhận tại hiện trường đưa thẳng về trung tâm. Trung Tâm Y Tế huyện Củ Chi tiếp nhận 45 ca (39 dân cư và 6 quân nhân). Trong số này có 21 ca bị thương nhẹ cho về nhà ngay trong buổi sáng cùng ngày, 24 ca nặng phải nằm viện điều trị, trong đó có 18 ca đã chuyển về cấp cứu điều trị tại các bệnh viện ở thành phố.

Trong khi đó, theo thông báo ngày 19 tháng 5 năm 1997 của Cục Chính Trị (Quân Khu 7), công ty Lũng Lô, Bộ Tư Lệnh Công Binh được Bộ Quốc Phòng giao thanh lý số đạn cối, đầu nổ pháo các loại (cấp 5). Nhiệm vụ của công ty Lũng Lô là tháo lấy thuốc nổ và phần gang riêng để sử dụng vào mục đích khác. Trong quá trình xử lý, số thuốc nổ còn chứa trong kho chưa chuyển đi đã phát nổ. Đang tìm nguyên nhân nổ. Sau vụ nổ, phần lực lượng vũ trang Quân Khu 7 có 6 đồng chí bị sức ép nhẹ...".

- Hèn chi buổi sáng chủ nhật hôm đó Năm Đòn Gánh em đang đi ngoài chợ Sài

Gòn nghe một tiếng nổ lớn như trời gầm, vách tường rung chuyển y như đang động đất. Thật tội nghiệp cho bà con xã Phước Vinh An không bị tai bay họa khỏi, sập nhà, chết con đau đớn quá!

Anh Sáu là sĩ quan cao cấp trong quân đội lại phục vụ lân năm ngay trong Cục Quân Khí xin cho bà con tiệm nước hiểu thêm về chuyện phát nổ bãi chứa đạn này. Vì sao nhân dân ở xa cả cây số thì thiệt hại nặng, bị thương nhiều, còn các chú bộ đội đóng ngay nơi phát nổ thì chỉ bị sức ép xoàng, bị thương nhẹ, số lượng ít?

-Mới đây tôi có gặp anh Bảy Dũng, Tư Lệnh, và anh Năm Tâm, Phó Tư Lệnh Quân Khu 7, tôi cũng có đặt câu hỏi tương tự như Chị Năm vừa mới nêu. Tình bạn cũ các anh không giấu giếm gì và nói thật số thương binh của đơn vị K75 cũng chỉ có 6 quân nhân mà thôi. Về mặt chuyên môn thì chất nổ TNT có chất hàng đồng 5 tấn hoặc 10 tấn cũng không tự nổ được kể cả có lửa cháy. Chỉ trừ khi cố tình tạo sự kích nổ thì khối chất nổ này sẽ phát nổ và gây sự tàn phá tùy theo trọng lượng nhiều hay ít. Nếu biết trước không có mặt khi xảy ra nổ, hoặc sẽ ở vị trí không thuộc hướng nổ tàn phá thì chỉ bị sức ép nhẹ. Ở đây chúng ta cần lưu ý là công ty Lũng Lô được sự chỉ định của Bộ Quốc Phòng để thực hiện nhiệm vụ tháo gỡ đạn pháo tại đơn vị K75 không thuộc hệ thống quản lý của Quân Khu 7. Do đó, trong quá trình thu gom các vỏ đạn, chất nổ, nếu xảy ra trường hợp gian dối mua bán bớt đạn cối, pháo, kể cả chất nổ TNT thì dễ đưa đến việc tổ chức phá hoại tạo nổ để phi tang, khiến không thể kiểm tra được kết quả thu gom thật.

Nói chung, theo nhận định của giới thông thạo trong quân đội thì đây cũng là một vụ trộm - trộm quốc phòng, nó đã để lại những hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng và tài sản của người dân. Điều đáng nói hơn cả là trách nhiệm trước hết thuộc Bộ Quốc Phòng, đứng đầu là Đại Tướng Đoàn Khuê, Ủy Viên Bộ Chính Trị, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng. Lê ra, ông ta phải lập tức bay ngay vào xã Phước Vinh An để thăm hỏi đồng bào bị nạn và lên vô tuyến truyền hình xin lỗi nhân dân đồng thời phải ra lệnh cho Bộ Quốc Phòng tức khắc bồi thường đầy đủ tất cả những thiệt hại về người, về của cho dân chúng. Đằng này, suốt hơn cả tuần lễ qua chẳng thấy bóng dáng của ngài Bộ Trưởng, Thứ Trưởng của Bộ Quốc Phòng léo hánh đến vùng Củ Chi để viếng thăm an ủi bà con bị nạn. Thật là một lũ lãnh đạo vô liêm sỉ!

Người Sài Gòn

Thư Cụ Nguyễn Văn Trấn gửi Cục 15 Bộ Nội Vụ

Kính gửi Cục 15 Bộ Nội Vụ
Thưa Cục trưởng,

Tôi là Nguyễn Văn Trấn, mà độ hai tháng trước đây Cục trưởng có cùng vài nhân viên của Cục đến hỏi thăm.

Hôm nay Cục trưởng đã thân mật ngọt ngào hỏi: "Ai viết báo "Người Sài Gòn?"".

Tôi thưa: "Thiên hạ nói rùm, tôi có nghe, nhưng không thấy mặt mũi nó ra sao. Tôi lại biết có cơ quan mời một số nhà văn hỏi họ. Có người tài khôn, cầm búa đánh vào cột: Người Sài Gòn là Nguyễn Văn Trấn viết chớ còn ai?".

Dạ thưa,

Cục trưởng chắc còn nhớ tôi nói:

"Tôi không được đọc nên không biết Người Sài Gòn viết thế nào mà được đánh giá như vậy. Sài Gòn con người mấy triệu, đã từng viết báo, cay đắng, ngạo mạn, đợi gì đến tôi.

Vả chẳng khi viết tập sách thỉnh nguyện gửi "Cho Mẹ và Quốc Hội" rồi tôi chơi với, khi không tên tôi trở nên lớn quá, tôi như con chuột đẻ trong ổ pho-mách, thôi thì nằm ưỡn mà ăn, chớ còn đi tìm mồi gì nữa!

Hơn nữa, người bạn Trần Mai đã khuyên tôi nên viết về ba vị Nam Kỳ: Phan Thanh Giản, Trương Vĩnh Ký và Nguyễn An Ninh. Nay bạn đã qua đời, tôi "rán sức già", làm như người Tây họ nói, vâng lời trời trần như phục lệnh. Và hôm hội ngộ đó, tôi có đưa, cố ý khoe với Cục trưởng bản thảo về "Phan Thanh Giản - Nhơn luân và Chánh trị". Tôi có kèm tiếng thở than tủi phận: Tôi là người "chết không được đầu thai", ai cho phép tôi xuất bản? Cục trưởng đương trường đã đỡ nấp cho cảm tình: "Làm xong đi, đưa cho tôi, tôi "liệu" phép cho; ngoài ra trong sinh sống có khó khăn, nói đi, và anh em sẽ giúp đỡ".

Cục trưởng nói với cười nụ, làm cho tôi mạnh dạn. Đến hôm nay. Hôm nay đây. Ngày 19 tháng 5.

Thiệt tình tôi có ý chờ đến ngày "giỗ Cha ta" mà viết cho Cục trưởng bức-thơ-tờ-có-mắt-trộm này.

Tôi bị trộm. Kẻ trộm cùng chờ ngày, chắc. Ngày 30 tháng Tư, ngày vinh quang, ngày cả dân tộc treo cờ

Nó chờ lúc 5 giờ 15, thường lệ tôi ra nhà, buồng sách vở để đó, tôi đi dạy thái cực quyền ở Cầu Lạc Bộ Hàng Không... Đây là "ô long bài vĩ". Đây là "thôi song vọng nguyệt" đẹp lắm. Văn văn.

Đến hơn bảy giờ một chút, tôi về. Vừa về tới nhà thì chị hàng xóm - đã thức dậy cho chó đi toa-lét - kêu lên: Có lẽ nhà ông bị trộm. Vừa rồi ba thằng trên lầu của ông nhảy tường chạy ra, một thằng có quày một cái bao, ra tới đường có hai chiếc Honda từ hai phía chạy tới hót ba thằng. Lên nhà coi đi!

Tôi vào nhà, lên phòng mà Cục trưởng đã biết. Nhiều người hàng xóm chạy theo. Và đều thấy cái hoa sắt chấn khung cửa sổ kiếng lùa đã bị dùng kim sắt, cắt sắt làm một lỗ vừa người chui.

Dưới nền gạch, sách từ các kệ sách bị lôi ra lục soát và liệng bừa bãi. Người chứng kiến nói bọn này lật lật từng cuốn sách để tìm vàng. Trong đầu tôi hiện lên cái cảnh Sở Mật Thám Pháp "đổ bộ" khám xét tòa báo Dân Chúng năm nao.

Những kẻ trộm này lục lọi, thấy trong sách tôi có để tiền. Ông bà ta nói: "Có chó nào chê cứt". Tôi bị lấy mất 4 triệu rưỡi đồng, tiền có công với cách mạng, tiền bạn bè gửi cho như ngày sinh nhật 21 tháng 3 của tôi, và tiền lương hưu trí già.

Điều đáng nói, thưa Cục trưởng, là những ông trộm này đã lấy những sách tham khảo của tôi. Các ông đan tâm quét sạch những cái gì trên bàn viết của tôi. Tôi nhìn bản viết thân yêu của tôi. Nó trở mặt kiếng nhìn tôi, buồn lắm và nói rằng kẻ trộm đã lấy hết bản thảo viết cho Phan Thanh Giản.

Có vài người chứng kiến đã chia buồn với tôi: Ăn trộm gì kỳ vậy?

Thưa Cục trưởng,

Đã nói, những lời thăm hỏi hôm trước có làm tôi mạnh dạn.

Ừ thì! Công an ta tài lắm. Có nhiều vụ có mất xe đạp. Có mất giờ trước, giờ sau công an tìm ra lấy lại của mất liền. Vậy xin Quý Cục giúp tôi tìm kẻ trộm, lấy lại giùm bản thảo.

Nếu Quý Cục mà có thấy được trong tài liệu tôi mất trộm ấy mà có một chứng cứ nói rằng tôi có viết báo Người Sài Gòn thì tôi sẽ vui lòng leo lên "xe cây" mà Quý Cục đưa tới tước tôi.

Còn như tiền, chắc là kẻ trộm làm gì trả lại. Tôi chỉ chờ mong lòng thơm thảo của Cục trưởng mà thôi.

Đây là lời "nay kính" thân ái viết trên cụ lập trường và tình cảm giai cấp của cụ Ủy Trưởng Quốc Gia Tự Vệ Cục gửi đồng nghiệp Cục 15.

(Ký tên) Nguyễn Văn Trấn

Ghi nhanh:

Nói chuyện với ông Hoàng Minh Chính

Tình cờ tôi được nói chuyện trực tiếp với ông Hoàng Minh Chính qua điện thoại từ Sài Gòn. Điện thoại của ông Chính đã bị cắt từ đầu năm nay và tôi đã chỉ liên lạc gián tiếp được với ông.

Ông Chính cho hay ông đã rời Hà Nội ngày 28-5 để lên đường đi thăm miền Trung và miền Nam. Ông đã lưu lại Nha Trang ít ngày trước khi vào Sài Gòn. Nhưng vào tối Sài Gòn ông bị bệnh và vì thế đã không thăm viếng được mọi người như ý ông muốn. Ông hy vọng sẽ sớm hồi phục để có thể thăm viếng và thảo luận với các thân hữu. Dự định của ông là sẽ lên Đà Lạt tiếp xúc với các ông Bảo Cự, Bùi Minh Quốc và Hà Sĩ Phu.

Ông Chính cho hay chuyến đi của ông được sự đồng ý của tướng Lê Khả Phiêu nhân vật nhiều quyền lực nhất hiện nay theo ông Chính. Ông Chính đã gặp tướng Lê Khả Phiêu hai lần. Lần đầu ngày 24-2-1997 trong vòng một giờ và lần sau ngày 26-5-1997 trong vòng một giờ rưỡi, hai ngày trước khi ông lên đường vào Nam. Đây cũng là lần đầu tiên ông Chính vào thăm miền Nam.

Ông Chính đánh giá thái độ của tướng Lê Khả Phiêu là rất xây dựng. Ông Phiêu đã lắng nghe những đề nghị dân chủ hóa của Chính và ân cần tiễn đưa ông ra tận công.

Ông Chính đề nghị triệu tập một hội nghị bàn tròn ba bên gồm đại diện đảng cộng sản, đại diện trí thức tiến bộ trong nước và đại diện trí thức hải ngoại. Để chuẩn bị cho đại hội này, và sau đó để nối tiếp tinh thần hội nghị, ông Chính đề nghị chính quyền cộng sản chấp nhận sự hiện diện của một tờ báo độc lập trong đó mọi khuynh hướng đều được phát biểu. Qua hai cuộc gặp gỡ, ông Lê Khả Phiêu không bác bỏ đề nghị này.

Ông Chính cũng đánh giá ông Phiêu là một người cởi mở và hiểu biết, ông Phiêu cũng là một tướng lãnh không hề bị một tai tiếng nào về tham nhũng, đó là một yếu tố rất quan trọng. Ông Chính tin tưởng rằng ông Lê Khả Phiêu đủ uy tín để thúc đẩy tiến trình đối thoại tìm một giải pháp dân chủ hóa đất nước nếu ông Phiêu thực sự muốn như vậy.

Theo ông Chính, chỉ có hai con đường để thay đổi, một là giải pháp đụng độ mạnh (ông Chính gọi là "giải pháp sốc"), hai là giải pháp đối thoại để đi đến đồng thuận. Theo ông, đồng bào trong nước không chấp nhận "giải pháp sốc" nên chỉ còn lại giải pháp tìm đồng thuận. Giải pháp này đòi hỏi những người dân chủ Việt Nam rất nhiều kiên trì và bao dung. Chúng ta có rất nhiều mâu thuẫn, hai mâu thuẫn chính là mâu thuẫn quốc gia - cộng sản và mâu thuẫn Bắc - Nam. Ông Chính nhắc lại nhiều lần là ông không có bất cứ một thành kiến nào với bất cứ ai. Ông coi mọi người Việt Nam đều yêu nước chứ không ai độc quyền yêu nước cả và giải pháp hay nhất là thảo luận với nhau để đi đến đồng thuận.

Chấm dứt câu chuyện khá dài, ông Chính nhờ tôi chuyển lời thăm hỏi tới các thân hữu và đồng bào hải ngoại.

Nhận định của tôi:

Đối thoại đã bắt đầu chưa hay sắp bắt đầu chưa? Thú thực tôi mới chỉ thấy tín hiệu không rõ rệt. Ông Chính được ông Phiêu tiếp đón ân cần nhưng điện thoại của ông vẫn còn bị cắt. Nhiều người dân chủ ôn hòa còn đang ở tù hay còn đang bị quản chế. Chúng ta cần những dấu hiệu rõ rệt hơn nữa.

Và hội nghị bàn tròn ba bên mà ông Chính đề nghị, nếu được chấp nhận cũng không giản dị. Đảng cộng sản sẽ chỉ định đại diện của họ ở cấp nào? Đại diện trí thức dân chủ trong nước ngoài ông Chính ra sẽ là ai và sẽ do ai chọn? Tại hải ngoại vấn đề đó cũng sẽ rất phức tạp. Tôi khó hình dung hội nghị này có thể thành hình trong tương lai gần.

Vấn đề tiên quyết vẫn là đảng cộng sản có chấp nhận dân chủ hóa hay không? Nếu có, phải tuyên bố dứt khoát và phải chứng minh bằng hành động cụ thể: phóng thích các tù nhân chính trị, hủy bỏ nghị định 31/CP và chấp nhận để các thành phần dân chủ trong và ngoài nước gặp gỡ và trao đổi với nhau trước khi đặt vấn đề đối thoại với chính quyền.

Nguyễn Gia Kiểng

Đường dẫn điện cao thế Bắc-Nam

LTS. Chúng tôi trích đăng dưới đây một đoạn trong bài viết mới của ông Nguyễn Thanh Giang nhân dịp bầu lại Quốc Hội ở Việt Nam. Trong phần đầu bài viết, ông Giang phân tích các thay đổi trong luật bầu cử và phê phán các mưu mẹo cấm ứng cử tự do của đảng cộng sản. Phần cuối của bài là một số đề nghị cho Quốc Hội sắp tới.

[...] Điều 1 trong luật tổ chức Quốc hội công bố ngày 18 tháng 2 năm 1992 có ghi: " Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước". Kiểm điểm lại như Quốc hội khóa IX chưa quan tâm đúng mức tới việc thực hiện chức năng này. Trong một số kỳ họp cũng có những đại biểu đã chất vấn thẳng thừng phía chính phủ. Tuy nhiên, nhiều vị bộ trưởng, nhiều quan chức nhà nước chỉ trả lời quấy quác, thậm chí có thái độ khinh thị mà Quốc hội vẫn đành bỏ qua.

Trong Quốc hội khóa IX có tồn tại đâu đó thắc mắc rất chính đáng đối với đường dây tải điện 500 kilô vôn chạy suốt Bắc Nam. Vậy mà những ý kiến đó không được đem ra bàn thảo nghiêm túc để tạo điều kiện cho Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao. Có vị phản nản rằng cho đến nay vẫn chưa biết được con số quyết toán chính thức của khoản chi tiêu cho công trình này là bao nhiêu. Ba nghìn tỉ như dự toán hay 6 nghìn tỉ, hay 12 nghìn tỉ? Phải chăng, chính vì hậu quả tai hại của gánh nặng chi phí tốn kém bất hợp lý cho đường dây 500 kilô vôn? Chỉ cần phân tích khái quát đã thấy giá điện đắt đến như vậy là không thể chấp nhận được. Cơ cấu điện năng hiện nay của ta gồm: 54,9% thủy điện, 15,7% nhiệt điện than, 6,9% nhiệt điện dầu, 11,9% tuốc bin khí, 1,4% tuốc bin dầu, 1,6% điện đièzen. Giá điện tuốc bin khí rất rẻ, thủy điện cũng rẻ, lại chiếm hơn nửa trong cơ cấu điện năng, như vậy lẽ ra giá thành sản xuất điện nói chung của ta phải thấp. Vậy mà, khi trong nông dân ta thì rất nghèo, cán bộ lương rất thấp, lại phải mua điện giá cao hơn cả Thái Lan là nước phải dùng nhiệt điện là chính?

Để dàng nhận thấy rằng hệ thống
(Xem tiếp theo trang 16)

Võ Văn Kiệt mở rộng nhà tù ra cả nước

Trần Thanh Hiệp

Ông Võ Văn Kiệt, trước khi rời phủ thủ tướng, vừa làm một việc khiến lương tâm ông khó yên ổn được trong những ngày cuối đời ông sắp trải qua. Ông đã ký Nghị định số 31/CP ngày 14-4-1997 ban hành "quy chế quản chế hành chính". Cụm từ "quản chế hành chính" là những tiếng gọi hoa mỹ để thay cho lối nói bình dân: "bỏ tù không cần có tòa án xét xử, không cần nhà tù". Hạ bút ký bản văn này, ông Võ Văn Kiệt trong nước đã để lộ thêm rõ bộ mặt thật của một người làm chính trị phản động, thoái hóa. Ngoài nước, biện pháp ông trừ liệu cho bộ máy hành chính cộng sản tùy tiện xâm phạm trắng trợn các nhân quyền cơ bản của người dân, sẽ không đưa ông lên ngang hàng với những chính khách quốc tế tầm cỡ lãnh đạo các quốc gia dân chủ. Trái lại, dư luận thế giới, qua ông, sẽ đánh giá rất thấp dân trí của nước Việt Nam tuy đã tới ngưỡng của của những năm 2000 mà vẫn còn lặn ngụp trong bầu không khí chuyên chế thời trung cổ. Tuồng cần nói rõ vì sao lại như vậy để người kế vị ông Kiệt đừng đi theo vết xe đổ của người tiền nhiệm.

Quản chế hành chính là gì ?

Điều 1 của Nghị định số 31/CP đã định nghĩa quản chế hành chính là "biện pháp xử lý hành chính, buộc những người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Quy chế này phải cư trú, làm ăn sinh sống ở một địa phương nhất định và chịu sự quản lý, giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương". Điều 2 xác định thêm rằng quản chế hành chính được áp dụng đối với những người có "hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến an ninh quốc gia được quy định tại chương I phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự". Theo những điều kể tiếp, người bị quản chế bị giới hạn về các quyền tự do của mình, kể cả những nhân quyền cơ bản vì phải "cư trú, làm ăn sinh sống tại xã, phường, thị trấn nơi thi hành quyết định quản chế hành chính và phải chịu sự quản lý, giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương, chỉ được đi lại trong phạm vi nơi người đó bị quản chế". Nếu cho rằng người bị quản chế "cư trú ở những nơi

quan trọng xung yếu về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng hoặc những nơi mà người bị quản chế có điều kiện tiếp tục vi phạm pháp luật phương hại đến lợi ích quốc gia", nhà cầm quyền có thể đưa đi quản chế ở một nơi khác. Ngoài ra, trong lúc đang bị quản chế hành chính, đương sự "không được giữ các chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan chính quyền, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và không được hành nghề kinh doanh đặc biệt một số nghề nghiệp khác mà với các nghề đó người bị quản chế có điều kiện để vi phạm pháp luật". Rõ ràng là biện pháp quản chế đã mở ra một cuộc bao vây khiến cho người bị quản chế phải sống cô lập, mất hết các quyền tự do đã được Hiến pháp nhìn nhận. Nói cách khác, người bị quản chế, trong thực tế, sống như một tù nhân tuy không có nhà tù. Mà lại còn phải tự túc. Nghị định 31/CP của ông Võ Văn Kiệt đã thiết lập một chế độ nhà tù có tầm áp dụng trên khắp cả nước. Ông Kiệt đã mở rộng nhà tù ra cả nước: mỗi nhà có thể trở thành một nhà tù, xã nào cũng có thể có một hoặc nhiều nhà tù.

Quản chế hành chính và "Nhà nước pháp quyền"

Những người cộng sản Việt Nam, trong đó có ông Võ Văn Kiệt, tại các diễn đàn quốc nội cũng như trên các diễn đàn quốc tế, thường hay quảng cáo rùm beng cho danh tự "Nhà nước pháp quyền" để đồng hóa nó với Nhà nước pháp trị (Etat de droit) của phương Tây. Từ nhiều năm trước đây, người viết bài này đã vạch ra rằng đó chỉ là trò gian dối của nhà cầm quyền cộng sản mà đường lối trước sau vẫn không gì khác hơn chuyên chính toàn trị. Nói rằng Nhà nước pháp quyền là Nhà nước coi luật pháp là trên hết thì không sai nhưng chưa đủ để đảm bảo có pháp trị dân chủ. Còn phải tìm hiểu xem luật pháp đó do ai làm ra và thuộc vào loại luật pháp nào.

Ký Nghị định quản chế hành chính ông Kiệt quả thật có dựa vào luật hiện hành. Nhớ lại mấy năm trước khi "quản chế" ông Nguyễn Hộ chính quyền Võ Văn Kiệt đã dựa vào một bản văn ban hành từ thời còn ở trong "rừng". Nay đã

có tiến bộ vì ông Kiệt đã qui chiếu vào Pháp lệnh ngày 6 tháng 7-1995 xử lý vi phạm hành chính để ban hành biện pháp quản chế hành chính. Như thế là đúng theo điều 12 của Hiến pháp 1992, "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa".

Nếu chỉ luận bàn về mặt ngôn ngữ thuần túy không thôi thì bản văn của ông Kiệt chẳng có gì đáng chỉ trích. Khốn nỗi luật pháp không phải chỉ là những quy phạm trừu tượng hiện hữu ở trên giấy tờ mà thôi. Trong thực tế, luật pháp khi đem ra áp dụng đã can thiệp dưới mọi hình thức vào đời sống của con người thậm chí đến cả tài sản, sinh mạng của nó nữa. Cho nên, giữa lúc hòa bình đã được lập lại, Đảng và Nhà nước đã bắt tay hòa giải với "đế quốc Mỹ", kẻ thù mà cộng sản vẫn coi là không đội trời chung, đã hội nhập vào thế giới văn minh tự do dân chủ mà ông Kiệt lại ra một nghị định tùy tiện bất đồng bào khác chính kiến với đảng cầm quyền để cô lập ở trong nhà hay đem đi an trí thì đó là điều chướng tai gai mắt hết cỡ. Cát nghĩa như thế nào điều này ?

Nguyên do tại loại quy phạm mà ông Kiệt ban hành là loại quy phạm để đàn áp nghĩa là giới hạn, tiêu diệt thay vì bảo vệ tự do của người dân. Nhìn dưới độ góc đó, Nghị định 31/CP là một bản văn đầy tính bất hợp pháp dưới ánh sáng luật quốc nội cũng như dưới lăng kính luật quốc tế.

Nghị định 31/CP và luật quốc nội : một nghị định bất hợp pháp

Trong hệ thống luật pháp hiện hành tại Việt Nam, Nghị định 31/CP là một bản văn dưới luật tức là thấp hơn luật và vì vậy dĩ nhiên thấp hơn Hiến pháp. Ngoài ra, bản văn này có vẻ như là một bản văn để áp dụng Pháp lệnh ngày 6-7-1995 về "vi phạm hành chính". Trong một dịp khác, sẽ bàn nhiều về việc áp dụng này. Ở đây chỉ giới hạn vào giá trị nội tại của Nghị định 31/CP là một bản văn thuộc về luật hành chính và để quy định về một số hành vi bị coi là "vi phạm hành chính". Thế nào là "vi phạm hành chính" ? Luật hành chính là một trong 11 ngành luật mới bắt đầu xuất hiện dưới chế độ cộng sản Việt

Thông Luận 106 - Tháng 7&8.97

Nam ít lâu nay. Tại các trường luật ở Hà Nội và Sài Gòn có giảng dạy môn học này. Theo giáo trình của các cán bộ pháp lý giảng dạy tại các trường ấy thì "vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện một cách vô ý hay cố ý xâm phạm các quy tắc quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính".

Bề ngoài, định nghĩa này có vẻ ngắn gọn nhưng bề trong nó đã gói ghém cả một lĩnh vực sinh hoạt vô cùng rộng lớn bởi vì phải quy chiếu vào khái niệm "quản lý Nhà nước" mới hiểu hết được thế nào là "vi phạm hành chính". Mọi rắc rối đều phát xuất từ cái gọi là "quản lý" và bằng hình thức mang tên là "quản lý", Nhà nước nắm trong tay toàn bộ sinh hoạt quốc gia, đương nhiên của dân chúng. Theo cách hiểu của các luật gia cộng sản Việt Nam, "Quản lý Nhà nước là hoạt động của Nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước. Nhà nước dùng pháp luật là phương tiện chủ yếu để quản lý Nhà nước... Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hành pháp gọi là quản lý hành chính Nhà nước... là hoạt động chấp hành - điều hành Nhà nước. Mọi hoạt động chấp hành - điều hành đều được tiến hành trên cơ sở pháp luật và để chỉ đạo thực hiện pháp luật". Nghe thì kêu nhưng thật là mơ hồ.

Chắc chắn là những đoạn trích dẫn này không giúp cho hiểu rõ được luật hành chính cộng sản nhưng giúp cho thấy rõ được thế nào là "Nhà nước pháp quyền" cộng sản. Ở đâu cũng gặp "quản lý" - một hình thức can thiệp - của Nhà nước, dĩ nhiên bằng pháp luật, nhưng là loại pháp luật do Nhà nước làm ra, Nhà nước áp dụng, Nhà nước kiểm soát. Một mình một chợ. Muốn làm gì thì làm. Đó là "pháp quyền"!

Tại những nước tự do dân chủ, nhất là ở phương Tây, có phân quyền rõ rệt: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hành pháp, là hành chính, cứ chiếu quyền hạn mà thi hành nhiệm vụ không cần phải thông qua sự "quản lý" của một Nhà nước tổng quát. Và lại hai chữ quản lý bao hàm nghĩa hoạt động phục vụ cho người có thực quyền. Nhà nước cộng sản phục vụ cho ai? Nhà nước cũng là Đảng, (danh từ Đảng ở đây xin hiểu là một thiểu số đảng phiệt nắm quyền sinh quyền sát trong tổ chức gọi là Đảng Cộng sản VN), Đảng lại lãnh đạo Nhà nước đồng thời thay dân để làm chủ

đất nước vậy là Nhà nước quản lý cho Đảng. Điều này người ta thấy rõ trong luật hành chính trong đó sự lũng đoạn của Đảng thật kinh khiếp. Hãy nghe các cán bộ pháp lý dạy các sinh viên luật: "Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính Nhà nước được quy định trong các văn bản pháp luật như Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật. Có các nguyên tắc cơ bản sau: Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, [...] Nguyên tắc tập trung dân chủ, Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa [...] Những nguyên tắc trên có quan hệ mật thiết với nhau và hợp thành một hệ thống thống nhất với trọng tâm là nguyên tắc Đảng lãnh đạo". Xin miễn bàn!

Luật hành chính, ngay như ở nước Pháp, vốn là một thứ luật ngoại lệ, với những quyền bất kham để thành luật siêu xuất (*droit exorbitant*). Bởi thế phải có cả một hệ thống tòa án hành chính, thẩm phán đoàn hành chính để ngăn giữ luật ngoại lệ này không đi tới lạm quyền. Mặt khác người dân có nhiều quyền tố cầu (*recours*) để khiếu nại trước tòa án hành chính, nếu cảm thấy là nạn nhân của luật hành chính. Tham Chính Viện (*Conseil d'Etat*) của Pháp, thành lập gần 200 năm nay (1799), hiện là biểu tượng cho cả một nền công lý hành chính, đã làm nhiệm vụ ngự sử kèm chế hành pháp để bảo vệ Nhà nước pháp trị (*Etat de droit*), đảm bảo thượng tôn pháp luật che chở cho người dân chống lại mọi lạm quyền của chính phủ. Vậy mà cũng còn có một luồng dư luận quan trọng đòi dẹp bỏ luật hành chính. Huống chi luật hành chính ở Việt Nam mới vừa ra đời, chưa có học lý, tòa án, án lệ hành chính mà lại trao nó cho Đảng làm công cụ cầm quyền thì thật là cả một tai họa cho người dân.

Ông Võ Văn Kiệt bằng Nghị định 31/CP đã biến luật hành chính thành một thứ luật bổ sung cho luật hình sự mà không tuân theo thủ tục hình sự, tức là một thứ luật hình sự đặc biệt ở trên cả luật hình sự đích danh. Ông Kiệt đã cho quyền công an, viên chức hành chính cấp xã (bằng sách nhiễu), cấp tỉnh (bằng quyết định xử phạt), can thiệp vào các tự do của con người mỗi khi người này bị nghi là có hành vi "vi phạm pháp luật xâm phạm đến an ninh quốc gia". Theo lẽ, muốn buộc ai tội này thì phải có tòa án xét xử theo đúng thủ tục và người bị buộc tội phải được sử dụng quyền bào chữa. Chừng nào chưa có phán quyết của tòa án phát xuất từ một thủ tục xét xử công bình thì phải coi là không có tội. Cũng vậy, nếu luật hình sự chưa

truy cứu thì phải coi như không có tội. Nhưng với văn bản quản chế của ông Kiệt, viên chức hành chính toàn quyền áp dụng luật hình sự bằng thủ tục của luật hành chính.

Tam lấy luật hành chính của nước Pháp làm thí dụ. Toàn bộ luật này đã được chi phối bởi "nguyên tắc tính hợp pháp" (*principe de légalité*) là nguyên tắc buộc hành pháp phải phục tùng những quy tắc pháp luật (*règles de droit*). Thời trung cổ những quy tắc này là những luật lệ do vua chúa đặt ra và luật hành chính là luật để những người thừa hành cấp dưới tuân lệnh cấp trên. Sau cách mạng dân quyền 1789 và cho tới thế kỷ trước, luật pháp dân chủ ra đời và nguyên tắc tính hợp pháp đã mang một ý nghĩa mới là luật hành chính phải phù hợp với luật lập pháp nghĩa là luật mang tính dân chủ. Nhiều tiến bộ mới, ở vào thế kỷ này đã làm cho luật hành chính phải tuân thủ những quy tắc pháp luật thành tựu nhờ án lệ hành chính, các lời mở đầu Hiến pháp, bản tuyên ngôn nhân quyền dân quyền 1789, các quy tắc pháp lý quốc tế v.v... Phục tùng chẳng những về nội dung mà còn về cả thứ bậc (văn bản dưới luật phải phục tùng luật). Chỉ có một số ít biệt lệ cho phép hành chính nhất thời không tôn trọng nguyên tắc tính hợp pháp khi thực sự có hoàn cảnh đặc biệt (*circonstances exceptionnelles*). Nhưng các hành vi hành chính này thường phải chịu sự kiểm soát của thẩm phán hành chính.

Nghị định quản chế của ông Kiệt có tôn trọng nguyên tắc tính hợp pháp nói trên không? Vì là văn bản dưới luật, Nghị định này phải phục tùng ít ra là bốn văn bản trên nó. Đó là Hiến pháp 1992, Bộ luật hình sự 1985 (với các Luật sửa đổi, bổ sung 1989, 1991, 1992), Bộ luật Tố tụng hình sự 1988 (với các Luật sửa đổi, bổ sung 1990 và 1992), Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 6-7-1995. Đối với Hiến pháp 1992, Nghị định 31/CP đã vi phạm nhiều điều trong đó có điều 68 (tự do đi lại, cư trú, xuất ngoại, hồi hương), điều 69 (tự do ngôn luận, tạo chí, thông tin, hội họp, lập hội), điều 71 (bất khả xâm phạm về thân thể, không bị bắt nếu không có quyết định của tòa án, v.v...), điều 72 (suy đoán là vô tội), điều 73 (bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn về điện thoại thư tín, v.v...). Đối với hai Bộ luật hình sự và tố tụng hình sự, Nghị định 31/CP đã vượt quyền một cách quá nghiêm trọng. Trước hết, Nghị định này đã quy chiếu tới 29 tội phạm hình sự (từ điều 72 đến điều 100 Bộ

luật hình sự 1985) mà không lý gì đến các nguyên tắc, thủ tục định tội, buộc tội, kết tội là những yếu tố cấu thành trách nhiệm hình sự mà hai Bộ luật này đã đề ra. Dựa vào văn bản 31/CP các cơ quan hành chính kể từ cấp xã có thể thay khái niệm trách nhiệm hình sự bằng trách nhiệm hành chính là trách nhiệm "phát sinh khi có vi phạm hành chính và việc truy cứu trách nhiệm hành chính không phụ thuộc vào người vi phạm đã gây ra hậu quả hay chưa" và "truy cứu trách nhiệm hành chính tức là Nhà nước áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính phù hợp để giáo dục cá nhân hay tổ chức vi phạm hành chính". Bước nhảy vọt này thật là đáng sợ vì như nội dung các biện pháp quản chế hành chính đã cho thấy, sinh mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của mỗi người dân hoàn toàn do bộ máy hành chính cộng sản định đoạt. Thủ hỏi đầu là "văn minh, đâu là "dân chủ" ? Không cần đối chiếu Pháp lệnh ngày 6-7-1995 với Nghị định 31/CP (sẽ bàn vào một dịp khác) cũng vẫn thấy được rằng ngay trong hệ thống luật quốc nội do chính cộng sản làm ra, Nghị định 31/CP thay vì mang tính hợp pháp cần có lại đã chỉ là một văn bản bất hợp pháp đầy tính siêu xuất, có thể nói đến mức độ trao cho bộ máy hành chính cộng sản quyền ngồi lên trên cả luật quốc nội lẫn luật quốc tế.

Nghị định 31/CP và luật quốc tế: một nghị định bất hợp pháp cao độ

Trải qua thời gian 15 năm chính quyền cộng sản tham gia hai Công ước quốc tế về nhân quyền, dư luận quốc tế đã thấy rõ rằng sự tham gia này chỉ là hình thức bên ngoài không phải là một hành động để biểu lộ ý chí của một chính quyền muốn chấp nhận các quy phạm quốc tế về nhân quyền. Vì ở bên trong, các quy phạm này đã bị vô hiệu hóa để nhường chỗ cho những quy phạm chuyên chế toàn trị.

Việc ông Võ Văn Kiệt ban hành quy chế quản chế hành chính bằng Nghị định 31/CP đã là một sự kiện làm nổi bật gian ý của nhà cầm quyền Việt Nam trong sự giao thiệp với cộng đồng quốc tế.

Theo Hiến pháp 1992, điều 112, chính phủ (trong hiện tình là chính phủ Võ Văn Kiệt) có nhiệm vụ "chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia". Vì là thủ tướng điều khiển chính phủ, ông Kiệt không thể không am tường luật quốc tế. Vậy mà ông đã hạ bút ký Nghị định 31/CP với một nội dung chà

đạp lên các quy phạm quốc tế về nhân quyền ghi trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị. Nghị định này phải coi là một bản văn bất hợp pháp (muốn biết rõ về những vi phạm về mặt luật quốc tế của Nghị định 31/CP xin xem bài viết *Kết hợp tranh đấu nhân quyền với tranh đấu dân chủ*, Trần Thanh Hiệp, Thông Luận số 104, tháng 5-1997, trang 17-18). Tính bất hợp pháp này lại đã đạt tới cao độ, đầy tình tiết tăng nặng, vì ông Võ Văn Kiệt đã tri tình vi phạm luật quốc tế bằng mưu mẹo dùng luật hành chính để lẩn tránh nghĩa vụ tuân thủ quy phạm của luật quốc tế.

Kết luận, Nghị định 31/CP không phải là một bản văn lập quy dưới luật để chấp hành-điều hành mà là một đạo luật hằn hoi với quyền can thiệp thô bạo vào tự do, sinh mạng tài sản của người dân. Tại Pháp, Hiến pháp 1958 không cho phép hành pháp sử dụng biện pháp lập quy (*règlementaire*) để can thiệp vào các quyền tự do của người dân. Hành chính cộng sản đã tự cho mình quyền ấy là tại cái vòng luẩn quẩn "Nhà nước pháp quyền" luật do Đảng (thông qua Quốc hội) làm ra, Đảng (thông qua Chính phủ) áp dụng, Đảng (thông qua Tòa án) xét xử, Đảng (thông qua Ủy ban Thường vụ Quốc hội) tự kiểm soát v.v... Nay phải bẻ gãy cái vòng luẩn quẩn "Nhà nước pháp quyền", thay nó bằng Nhà nước dân chủ pháp trị kiểu phương Tây theo đúng các quy phạm quốc tế.

Dân chúng trong nước, nhất là các nạn nhân của biện pháp quản chế hành chính không có một tổ quyền nào để buộc chính phủ phải bãi bỏ nghị định 31/CP. Ở trong nước, chỉ còn trông vào hai nguồn quyền lực để bãi bỏ Nghị định 31/CP là Chính phủ và Quốc hội. Ông Kiệt có còn đủ thời giờ dám xám hối và liệu thủ tướng mới có dám ra một nghị định mới bãi bỏ quy chế quản chế không? Còn Quốc hội mới thì sao? Có gì bảo đảm rằng nó sẽ đoạn tuyệt với truyền thống "đảng biểu" công cụ cho chuyên chế đảng trị? Toàn là những ngô cụt.

Phần người Việt ở ngoài nước, phải có những nỗ lực mới - những nỗ lực tích cực hơn là những lời tố cáo sưng - vạc cho dư luận thế giới thấy rõ bản chất trung cổ của cái gọi là "pháp chế xã hội chủ nghĩa", tính bất hợp pháp cao độ của Nghị định 31/CP từ đó gia tăng áp lực đòi dẹp bỏ quy chế quản chế hành chính mà ông Võ Văn Kiệt đã ban hành.

Trần Thanh Hiệp

Tiếp theo trang 13

Đường dẫn điện cao thế Bắc-Nam

... chuyển tải điện của ta vẫn còn quá lạc hậu. Do thiết bị vận hành cổ lỗ, tồi tàn, do đường dây chuyển tải quá dài, điện năng tổn thất quá lớn. Trong khi mức tổn thất điện năng tiêu hao trên lưới ở các nước chỉ trên dưới 5% thì mức tổn thất ấy của ta hiện nay lên tới 20,3%. Nếu khoản chi phí cho đường dây 500 kilô vôn được dành lại góp thêm cho đầu tư xây dựng kịp thời một số nhà máy điện chạy bằng khí đốt dẫn từ thềm lục địa vào, một số nhà máy thủy điện, chế tạo hàng loạt pin mặt trời và tuốc bin điện chạy bằng sức gió cho dân dụng đồng thời cải tạo mạng lưới chuyển tải để tiết kiệm được khoản điện năng tiêu hao quá lớn thì có lẽ miền Nam cũng có điện dùng mà cả nước đâu đến nỗi phải mua điện giá cao đến như thế này.

Có phải vì trên trời đã có đường dây tải điện xuyên Việt từ dưới đất phải có thêm đường Trường Sơn công nghiệp hóa xuyên Bắc Nam? Dầu trên bản đồ tỷ lệ nhỏ, con đường này có thể thấy như chập vào quốc lộ số I thì có hai đường vẫn hơn là chỉ một. Tuy nhiên trong tình trạng còn khổ nghèo thiếu thốn trăm bề, phải chăng chúng ta không còn việc gì cấp thiết hơn việc đó ngàn lần? Chỉ riêng trong lãnh vực giao thông, theo báo cáo của UNDP, đến tháng 5 năm 97, nước ta vẫn còn 725 xã ô tô không thể tới được ngay cả trong mùa khô!

Theo dự án ban đầu mà tổng công ty Tư vấn Khảo sát Thiết kế thuộc bộ giao thông vận tải (TEDI) được giao nhiệm vụ khảo sát lập dự án từ cuối năm 1996 thì, để thông tuyến từ Bắc vào Nam trên cơ sở nền đường đất thôi, đã phải chi đến 20 000 tỉ đồng. Bây giờ mỗi chân cột điện 500 kilô vôn bị nứt đất, lở đất đòi phải đắp vào đầy một vài tỉ đồng. Dặng dặc 1800 km đường Trường Sơn giốc lằm, mưa nhiều như thế, liệu rồi sẽ có ngày nào không lở, không sạt?

[...]

**Đoan Ngọ Đình Sửu
Nguyễn Thanh Giang**

Nền tảng để xây dựng một nước Việt Nam tiến bộ và phồn vinh

Võ Xuân Minh

*Một xã hội tiến bộ phải được xây dựng trên nền tảng của những giá trị tiến bộ.
(Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 1996 - Thủ Thách và Hy Vọng)*

Tiến bộ và phồn vinh là ước muốn chung của mọi quốc gia. Tuy nhiên chỉ có một số ít quốc gia đã đạt được, một số quốc gia khác đang tiến tới và phần đông còn lại vẫn đang chìm đắm trong sự nghèo nàn lạc hậu, trong đó có Việt Nam.

Phồn vinh, tiến bộ không phải tự nhiên mà có. Nó không phải chỉ thuần túy do sự ưu đãi của thiên nhiên. Nhiều quốc gia có địa lý thuận lợi, tài nguyên dồi dào, dân số đông đảo mà vẫn nghèo nàn chậm tiến. Như Việt Nam chẳng hạn. Cũng không phải chỉ hy sinh dân thân đấu tranh mà đạt được. Dân tộc ta đã hy sinh rất nhiều xương máu, trong nhiều thế kỷ, mà vẫn khốn khổ và thua kém hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Máu và nước mắt của nhân dân đã chảy quá nhiều. Tương lai Việt Nam đang bị đe dọa. Chế độ độc tài cộng sản vẫn đang thống trị đất nước và, trong trường hợp nếu chế độ này bị đảo thải, chắc gì sẽ được thay thế bởi một chính quyền có ý chí và khả năng mang lại tự do và hạnh phúc cho toàn dân. Trong quá khứ Việt Nam đã thay đổi nhiều chế độ, từ phong kiến, thực dân đến quốc gia, cộng sản, nhưng tất cả chỉ mang lại cho dân ta những chiến tranh, tang tóc, tù đầy, cơ cực và tử huyệt.

Lịch sử có thể lặp lại. Để tránh sự lặp lại của lịch sử, chúng ta cần phải đầu tư suy nghĩ để tìm kiếm một giải pháp tốt đẹp, có khả năng bảo đảm sự tiến bộ và phồn vinh cho Việt Nam.

Những kinh nghiệm của lịch sử

Lịch sử thế giới, trong hơn hai ngàn năm qua, đã chứng tỏ rằng tiến bộ và phồn vinh của một quốc gia tùy thuộc trước hết vào một số tư tưởng được phổ biến và được chấp nhận tại quốc gia đó. Tư tưởng ảnh hưởng đến nề nếp sinh hoạt, cách thức tổ chức xã hội và tạo nên một nền văn minh. Có thể nói những nhà tư tưởng Socrate, Platon, Aristote, Sénèque, Plutarque, ... là những cột trụ của nền văn minh Hy Lạp - La Mã. Họ đã đưa hai quốc gia này lên ngôi bá chủ trong nhiều thế kỷ và đã đóng góp tích cực vào sự tiến bộ chung của nhân loại. Nền văn minh Thiên Chúa Giáo cũng đã bắt nguồn từ

nền văn minh Hy Lạp - La Mã và đã mở ra một kỷ nguyên mới cho các nước Phương Tây.

Nhờ nền văn minh Thiên Chúa Giáo và nhất là, từ thế kỷ 16, nhờ sự đóng góp của nhiều tư tưởng gia như Montaigne, Descartes, Pascal, John Lock, Montesquieu, Voltaire, Rousseau, Diderot, ... mà Phương Tây đã vượt lên hơn hẳn phần còn lại của thế giới. Trong hơn ba thế kỷ họ đã áp đặt nền thống trị của họ trên hầu hết các quốc gia khác, từ châu Mỹ, châu Phi đến châu Úc, châu Á.

Trong cuộc chiến dai dẳng chống lại sự đô hộ của Phương Tây, một số người lãnh đạo quốc gia đã nhận thấy rằng chỉ có cách tiếp nhận kỹ thuật của Phương Tây, về máy móc và về cách thức tổ chức, mới có thể có khả năng chống cự lại họ. Đặc biệt là Pierre Le Grand (1672-1725) nước Nga, Minh Trị Thiên Hoàng (1867-1912) nước Nhật và Mustafa Kemal Artatürk (1881-1938) nước Thổ Nhĩ Kỳ. Kỹ thuật Phương Tây đã giúp cho quốc gia họ phát triển, đặc biệt là trong lãnh vực quân sự. Nhưng kết quả là họ vẫn thua kém và bị các nước Phương Tây đánh bại. Nga đã bị quân Phương Tây chiếm đóng vào những năm 1812, 1915, 1941; Nhật đã thất bại nặng nề trong thế chiến thứ hai; Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay vẫn còn là một quốc gia nghèo và chậm tiến.

Đến đầu thế kỷ 20, Nga tiến thêm một bước: sử dụng một tư tưởng phát xuất từ Phương Tây - tư tưởng Karl Marx - để chống lại Phương Tây. Với tư tưởng này Nga đã trở thành một đối thủ có trọng lượng và đã làm cho Phương Tây hoảng sợ. Nhưng kết quả Nga vẫn thua, và thua rất nặng. Ngoài những đổ vỡ về vật chất Nga còn mất mát rất lớn về nhân sự. Hàng chục triệu người bị thiệt mạng, hàng chục triệu người bị đày đọa trong các trại tù, và đại đa số còn lại thì chán nản, bạc nhược. Phải một hai thế kỷ Nga mới có thể hoàn toàn phục hồi để trở thành một nước lớn.

Nhìn chung, lịch sử đã để lại cho chúng ta một số kinh nghiệm:

- Tiến bộ và phồn vinh là sản phẩm của một nền văn minh. Nó được xây dựng trên một số tư tưởng đã được phổ biến và đã được chấp nhận để trở thành một hệ thống

giá trị. Nhờ xây dựng xã hội trên các giá trị tiến bộ như hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận nên các nước Phương Tây đã phát triển và phồn vinh.

- Vì tự ái, vì sự phản kháng tự nhiên của con người nhưng cũng vì quyền lợi của giới cầm quyền nên chưa có một quốc gia nào đã chấp nhận một cách thành thật và nhanh chóng toàn bộ các giá trị của một nền văn minh khác. Bình thường họ chỉ muốn học hỏi những kỹ thuật của các nước tiến bộ và cùng lắm chỉ tiếp nhận một vài cách thức tổ chức trong một vài lãnh vực, hay chỉ tiếp thu một vài giá trị riêng lẻ nào đó.

- Tiếp nhận những kỹ thuật mà không tiếp nhận những giá trị cơ bản đã làm nảy sinh và thúc đẩy đà tiến phát của những kỹ thuật đó chỉ mang lại những kết quả tạm thời và rất giới hạn. Khi học hỏi được một số kỹ thuật của các nước tiên tiến thì các nước này lại phát sinh ra một số kỹ thuật tân tiến hơn, vượt trội hơn. Do đó, khoảng cách giữa các nước tiến bộ và các nước chậm tiến không mấy thay đổi. Hơn nữa, đây là một chọn lựa đầy mâu thuẫn, vì kỹ thuật luôn luôn mang theo, ít hay nhiều, một số lề lối làm việc và suy nghĩ, một số tư tưởng, một số giá trị của quốc gia phát minh ra nó. Những mâu thuẫn này làm xáo trộn đời sống xã hội, gây ra những đổ vỡ, làm khựng lại đà tiến của quốc gia và có thể đưa đến bạo động và chiến tranh.

- Tiếp nhận một vài giá trị trong số các giá trị của một nền văn minh không những chỉ mang lại một số tiến bộ tạm thời và giả tạo mà còn gây ra những tác hại khủng khiếp. Một nền văn minh bao gồm một số giá trị, và các giá trị này gắn bó với nhau, bổ túc cho nhau và khống chế lẫn nhau. Nếu tách riêng ra một vài giá trị thì nền văn minh đó không còn và các giá trị riêng rẽ sẽ phá hoại hơn là xây dựng.

Tư tưởng của Marx đã tàn phá tất cả những quốc gia tiếp nhận nó ngoại trừ các nước Phương Tây, nơi nó sinh ra. Tại các nước này, tư tưởng của Marx đã không gây ra một thiệt hại nào mà còn đóng vai trò tích cực là cảnh giác sự thái quá của tư bản. Tại sao? Tại vì những giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền, nhà nước pháp trị, lợi nhuận, ... của các quốc gia này đã khống chế các giá trị do Marx đưa ra.

Lợi nhuận là một giá trị, vì dân giàu thì nước mạnh. Nhưng nếu nó không bị ràng buộc bởi các giá trị liên đới, nhà nước pháp trị thì cảnh cá lớn nuốt cá bé sẽ xảy ra, tham nhũng sẽ hoành hành, đạo đức sẽ

suy đồi, xã hội sẽ bị phân hóa và hỗn loạn. Nhà nước pháp trị là một giá trị cốt lõi của quốc gia, tuy nhiên nếu nó không đi kèm theo các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền thì sẽ trở thành một công cụ để giới lãnh đạo khống chế người dân, như thời phong kiến ngày xưa. Ngay cả tự do, dân chủ là những giá trị hàng đầu, nếu không được hỗ trợ bởi các giá trị bình đẳng, nhà nước pháp trị, hòa bình, hòa giải, đối thoại, hợp tác thì quốc gia khó mà hoạt động một cách lành mạnh và hữu hiệu được.

Sau khi đã phải trả những giá rất đắt bằng những đổ vỡ của đất nước, bằng sinh mạng của người dân, Nhật và Nga đã nhận thấy sự tai hại của sự hội nhập không toàn vẹn một hệ thống giá trị. Nhật đã chấp nhận toàn bộ các giá trị của Phương Tây từ những thập niên trước và đã thành công. Nga cũng đang chuyển hóa theo chiều hướng đó.

Vấn đề của chúng ta

Đất nước ta hội đủ các yếu tố để trở thành một nước lớn: địa lý thuận lợi, tài nguyên dồi dào, dân số đông đảo và thông minh, cần mẫn. Nhưng vì phong kiến và độc tài đã bóp nghẹt tự do tư tưởng, cấm đoán giao lưu văn hóa, giữ mãi những giá trị lỗi thời nên Việt Nam vẫn mãi là một quốc gia nghèo nàn, chậm tiến.

Số phận của một quốc gia tùy thuộc vào các giá trị của quốc gia đó. Mỗi giá trị là một đồng thuận quốc gia về một mục tiêu và về một số nguyên tắc để quốc gia quy chiếu vào đó mà sinh hoạt, để người dân quy chiếu vào đó mà phán xét. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức tổ chức xã hội, đến sự liên hệ giữa chính quyền và người dân, đến cách cư xử giữa những người dân với nhau. Nền tảng của hiến pháp cũng là các giá trị.

Vì xã hội ta đã không được xây dựng trên những giá trị tiến bộ nên dân tộc ta dù đã trả bằng máu, bằng nước mắt, bằng túi nhục, bằng những cuộc đời gầy đóm mà vẫn không mang lại được tự do và hạnh phúc cho mọi người, tiến bộ phồn vinh cho quốc gia.

Hàng thế kỷ như vậy nên người Việt Nam đã mất gần hết niềm tin vào đất nước. Đó là lý do tại sao mà một đảng độc tài vô cùng suy yếu, bị mọi người, kể cả những đảng viên, ghét bỏ mà vẫn còn nắm vững quyền hành. Đó cũng là lý do giải thích tại sao mà hàng trăm, hàng ngàn người đã và đang dấn thân tranh đấu, chấp nhận tù đầy vì dân, vì nước, vì tương lai chung mà vẫn ít ai quan tâm đến.

Việt Nam đang đứng trước một đe dọa lớn. Không có gì nguy hiểm bằng khi

người dân mất niềm tin vào tương lai của đất nước. Đó là lúc quốc gia mất hết cả khả năng đề kháng. Các chế độ độc tài, do đó, sẽ tiếp tục thay nhau tàn phá đất nước, các thế lực ngoại bang sẽ nhân cơ hội khuynh loát quốc gia, Việt Nam có nguy cơ tan rã.

Trước tình trạng đó điều quan trọng hơn cả là gây lại niềm tin của người dân vào tương lai của đất nước. Khi người dân tin thì sinh lực quốc gia sẽ phục hồi, lịch sử sẽ thay đổi.

Chúng ta cần phải tin, và thuyết phục người khác tin một cách sâu sắc rằng số di Việt Nam lâm vào tình trạng bi đát hiện nay là do nền tảng xã hội chúng ta đã được xây dựng trên các giá trị lỗi thời. Nếu xã hội Việt Nam được xây dựng trên các giá trị tiến bộ thì bất buộc sẽ phải phát triển và giàu mạnh. Đây là một thực tế. Lịch sử thế giới đã chứng minh điều đó. Các nước Phương Tây ở châu Mỹ và châu Âu là những dân chúng, các con rồng châu Á là những thí dụ.

Chúng ta cần phải chấp nhận một cách nhanh chóng và thành thực tất cả các giá trị tiến bộ của nền văn minh hiện nay. Đó là các giá trị hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, hòa giải, liên đới, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận.

Chúng ta không nên lo ngại rằng vì đó là những giá trị của Phương Tây nên không phù hợp với người Phương Đông. Thực tế cho chúng ta thấy rằng những người Phương Đông sinh sống tại các nước Phương Tây, nơi mà các giá trị này được tôn trọng, đã xây dựng được đời sống thành công và hạnh phúc, nhiều khi còn hơn hẳn cả người bản xứ. Tại Phương Đông một số nước, như Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Singapour, Hồng Kông, ít nhiều đã lấy các giá trị này làm nền tảng cho việc xây dựng xã hội và đã vươn lên mạnh mẽ trong những thập niên qua.

Chúng ta cũng không nên lo sợ những giá trị trên sẽ làm mất đi những phong tục tập quán của mình. Phong tục tập quán là sản phẩm của một nền văn minh và nó tiến hóa theo nền văn minh nuôi dưỡng nó. Khi có sự gặp gỡ giữa hai nền văn minh, thì nền văn minh cao sẽ ảnh hưởng đến nền văn minh thấp, phong tục tập quán, do đó, cũng thay đổi theo. Đây chỉ là quy luật tự nhiên, và trong thế giới ngày nay chúng ta không thể tránh được sự gặp gỡ giữa các nền văn minh.

Hơn nữa, những giá trị tiến bộ này là những giá trị chung của thế giới và đã ít nhiều tiềm ẩn trong xã hội ta, chỉ vì chúng ta không phát huy chúng một cách đầy đủ nên phải ở trong tình trạng thua kém như

ngày nay. Phát huy chúng là phát huy những gì đã có sẵn trong ta, do đó không làm ta mất đi quốc hồn quốc túy, cũng không buộc ta phải tự phủ nhận mình. Trái lại, nhờ đó mà Việt Nam sẽ vươn lên, bảo đảm được chủ quyền, giữ được văn hóa và bản sắc dân tộc. Nhật Bản đã không những giữ được truyền thống của họ mà còn phổ biến nó khắp nhiều nơi trên thế giới.

Một vấn đề khác chúng ta cần đề ý đến. Đó là các nước Phương Tây đang lấn cán về mặt tư tưởng, chưa tìm được những giải pháp tối ưu để giải quyết những vấn đề phức tạp của nhân loại đang đặt ra cho họ và cho cả thế giới. Nền văn minh hiện nay có thể thay thế bởi một nền văn minh mới, và có thể được thành hình bởi một số tư tưởng xuất phát từ Phương Đông. Do đó, tại sao chúng ta lại phải mất thì giờ để phát huy những giá trị của một nền văn minh đang trên đà suy thoái? Đây là một lập luận có căn cứ. Tuy nhiên có hai vấn đề mà chúng ta cần ý thức. Một là, không phải trong một thời gian ngắn mà có thể sản xuất ra một nền văn minh. Mỗi giá trị luôn luôn đòi hỏi rất nhiều thời gian tranh cãi và thử nghiệm, có khi cả thế kỷ, ít ra là một vài thập niên. Nếu chờ đợi một nền văn minh mới thì dân tộc ta phải đành chấp nhận tình trạng nghèo nàn chậm tiến thêm vài chục năm nữa. Hai là, một nền văn minh mới luôn luôn thoát thai từ nền văn minh cũ, với một số tư tưởng tiến bộ hơn. Những tư tưởng tiến bộ này vẫn đặt cơ sở trên những giá trị phổ cập của nhân loại. Nó có thể đưa ra thêm một vài giá trị mới, hay làm nổi bật một số giá trị đang tiềm ẩn trong tâm tư hay trong đời sống của mọi người. Luôn luôn có sự liên tục từ nền văn minh này sang nền văn minh khác. Nếu chúng ta hội nhập vào nền văn minh hiện đại của thế giới thì trong hiện tại chúng ta xây dựng một nước Việt Nam tiến bộ phồn vinh, và biết đâu trong tương lai Việt Nam sẽ đóng góp một phần nào đó trong việc thành hình một nền văn minh mới cho nhân loại.

Chúng ta cần một cuộc vận động tư tưởng lớn để cổ súy và phát huy những giá trị tiến bộ. Cuộc vận động tư tưởng này là một cố gắng quan trọng nhất trong mọi cố gắng, bởi vì nếu chúng ta xây dựng một đồng thuận dân tộc trên các giá trị tiến bộ thì Việt Nam sẽ thay đổi, đất nước chúng ta sẽ tiến bộ và phồn vinh.

Lịch sử đã để lại cho chúng ta những kinh nghiệm, kỹ thuật hiện đại mang lại cho chúng ta những phương tiện, vấn đề còn lại là quyết tâm.

Võ Xuân Minh

Thông Luận 106 - Tháng 7&8.97

Bản sắc dân tộc và giá trị Tây phương

Vũ Thiện Hán

Một số bạn đọc đã hỏi chúng tôi là tại sao trong cuốn *Dự án chính trị dân chủ đa nguyên, "Thử thách và hy vọng"*, không thấy nói gì nhiều về việc bảo vệ quốc hồn, quốc túy và giữ gìn bản sắc dân tộc? Có người trách chúng tôi là chủ trương chấp nhận toàn bộ những giá trị nền tảng của các xã hội phát triển Tây phương (hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, chương IV, đoạn 1) làm người đọc có thể hiểu là chúng tôi muốn xóa bỏ hay ít ra đã quên những giá trị truyền thống của người Việt Nam. Chúng tôi xin cảm ơn những ý kiến đóng góp trên. Bài viết dưới đây gồm một số suy nghĩ liên quan đến câu hỏi đã được đặt ra.

Ý nghĩ đầu tiên là về lập luận viết trong Dự án chính trị: "*Chúng ta đừng lo sợ chấp nhận những giá trị mới sẽ làm ta mất đi quốc hồn, quốc túy. Những giá trị này đã có sẵn trong xã hội ta, chỉ tiếc rằng ta đã không phát huy chúng một cách đầy đủ đến nỗi phải khổ nhục và thua kém như ngày nay. Chấp nhận chúng không phải là tự phủ nhận chúng ta mà chỉ có nghĩa là phát huy cái hay sẵn có trong chúng ta. Và lại tiến lên và bắt kịp thế giới là điều kiện để chúng ta có thể tồn tại như một quốc gia và giữ được văn hóa và bản sắc dân tộc*". Lập luận này có thể chưa có tính thuyết phục vì chưa được chứng minh qua phong tục, tập quán, truyền thống của người Việt. Nhưng lý do đáng ngại hơn là nhiều giá trị nêu ở trên có lẽ chưa có ý nghĩa gì rõ ràng trong tâm lý dân tộc. Cho nên nhiều người vẫn coi đó là của Tây Phương mặc dầu không ai phủ nhận sự cần thiết phải phát huy những giá trị đã trở thành phổ quát đó, trong xã hội Việt Nam hiện tại cũng như tương lai.

Tôi còn nhớ khi thảo luận về những giá trị nói trên nhiều anh chị em đã nhắc đến những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc nhưng không ai đã có thể liệt kê để định rõ nội dung được. Có những danh từ dễ dùng, dễ nói, và thật sự hay được dùng nhưng nội dung lại mơ hồ. Tuy nhiên trong cuộc bàn luận, tất cả đều đồng ý là truyền thống và bản sắc dân tộc chắc chắn

là những điều phải có thật vì có sự hiện hữu và trường tồn của dân tộc. Do đó công việc tìm hiểu là cần thiết và những câu hỏi đặt ra là chính đáng. Nhưng vấn đề không đơn giản vì những nghiên cứu nghiêm túc về đề tài này, cho đến nay, vẫn chưa có gì đáng kể ngoại trừ một vài tác phẩm nổi tiếng nhưng đã cũ như cuốn *Việt Nam phong tục* (Phan Kế Bính, 1914) và cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương* (Đào Duy Anh, 1938). Một vài quyển sách khác xuất bản ở Hà Nội như cuốn *Tim hiểu tính cách dân tộc* (Nguyễn Hồng Phong, 1963) và hai cuốn *Về giá trị văn hóa, tinh thần Việt Nam* (Tham luận của nhiều tác giả, 1983) thì gần như không có giá trị khoa học gì cả. Các tham luận này theo đuổi mục đích chính trị là nhằm đề cao các ưu điểm của dân tộc, chủ yếu là lòng yêu nước và tinh thần hy sinh để phục vụ cho chiến tranh vào thời kỳ trước năm 1975, và sau đó là để xây dựng xã hội chủ nghĩa hoang tưởng.

Trừ hai học giả Phan Kế Bính và Đào Duy Anh, nói chung, các bài viết về truyền thống và bản sắc dân tộc thường mắc phải tính tự tôn, tự cao, tự đại nhiều khi không chính đáng. Tình trạng chậm tiến về mọi mặt của xã hội Việt Nam hiện tại thật sự đã phủ nhận nội dung của các bài viết và sách vở kiểu đó. Chẳng lẽ rất nhiều dân tộc khác với nhiều tật xấu, khuyết điểm lại có thể văn minh và tiến xa hơn dân tộc ta, một dân tộc có toàn những ưu điểm? Muốn tiến bộ, phát triển với nghĩa hiện đại hóa toàn bộ tổ chức và sinh hoạt xã hội, người Việt cần phải đánh giá một cách khách quan và xác thực hơn những truyền thống của mình để từ đó chủ động thay đổi nhằm hấp thụ, Việt hóa những giá trị mới của loài người. Với chủ đích đó, tôi cố gắng thu lượm những ý kiến và nhận xét xác đáng để tìm hiểu về bản sắc và truyền thống dân tộc.

Sự thật mà có lẽ ai cũng công nhận là người Việt Nam, người Trung Hoa, người Nhật hay người Cao Ly rất khác nhau mặc dù đã cùng chịu nhiều ảnh hưởng của Khổng Giáo, đã từng dùng Khổng Giáo như một ý thức hệ trong thời kỳ phong

kiến kéo dài hàng chục thế kỷ. Người ta thường giải thích sự khác biệt đó ở cách tiếp thu các tư tưởng hay tôn giáo một cách rất khác nhau nhờ bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Như vậy bản sắc hay tính cách của dân tộc Việt Nam là gì? Nó thể hiện thế nào trong lịch sử, trong phong tục, tập quán, trong văn học nghệ thuật, hay trong cách tổ chức cuộc sống từ xưa đến nay của người Việt?

Bản sắc dân tộc qua phong tục, tập quán

Phan Kế Bính tỏ ra rất thận trọng khi đi tìm tính cách của dân tộc qua phong tục tập quán vì những gì ông quan sát và mô tả về phong tục Việt Nam thường vấp phải một sự thật là nó không hẳn "thuần túy" Việt Nam. Trong nhiều trường hợp nó lẫn lộn, pha trộn và cả sao chụp những phong tục, tập quán của các dân tộc láng giềng, đặc biệt là của Trung Hoa. Hình như ý thức rõ điều này nên Phan Kế Bính cho rằng một phong tục nào đó khi đã được du nhập vào xứ mình và khi đã trở thành nếp sống hàng ngày của người Việt Nam thì không thể lấy cái tiêu chuẩn "thuần túy" hay "ngoại lai" để đánh giá tốt xấu, mà phải đánh giá nó theo tiêu chuẩn của sự tiến hóa, của tiến bộ xã hội. Và ông đã làm như vậy trong các bình luận của mình. Ông cũng thấy rõ những biến đổi của các phong tục, một sự biến đổi cần thiết cho tiến bộ. Không một lần nào ông dùng từ "lai căng" để lên án những xu hướng đổi thay không những trong các chi tiết thường ngày của phong tục mà cả trong phần cốt lõi sâu xa hơn của đạo lý và học thuật. Trong chương nói về tính tình của người Việt Nam, ông viết:

"Mỗi nước có một tính tình riêng, có tính tình nước kia cho là dở mà nước này cho là hay, có tính tình nước này cho là hay mà nước kia cho là dở. Cái hay cái dở tùy theo cái trình độ của dân trí mà phân biệt và theo thời quen mà thôi.

[...] *Thiết tưởng cái trình độ dân trí của ta, mỗi ngày một tấn tới hơn một chút thì tính tình đó chắc sao cũng thay đổi ít nhiều. Nhưng trong tính tình đó chắc sao*

cùng có nhiều điều là quốc túy của ta là cùng hợp với lẽ phải chung của hoàn cầu, như những điều lễ nghĩa, liêm sỉ, đạo đức, trung thành v.v... thì dầu đến bao giờ cũng không nên đổi mà cũng không sao đổi được cái lẽ tự nhiên của tạo hóa ấy".

Không ngờ là lập luận trong Dự án chính trị dân chủ đa nguyên về các giá trị Tây phương ở trên lại giống với cách nhìn của ông Phan Kế Bính về luân lý, đạo đức của dân tộc cách đây đã hơn 80 năm. Lẽ tất nhiên trong cả hai trường hợp bản sắc dân tộc vẫn chưa được định rõ. Phải chăng đó là những cái gì bàng bạc trong tâm lý, trong cách suy nghĩ, cư xử, trong trực giác của người Việt mà ta có thể cảm thấy nhưng cho đến nay vì chưa có công trình nghiên cứu đến nơi, đến chốn nên không biết rõ, nói rõ được ?

Trong cuốn Việt Nam văn hóa sử cương Đào Duy Anh đã đi tìm dân tộc tính theo hướng khác, không lấy sự khen chê, đánh giá các phẩm chất đạo đức, luân lý mà chú trọng vào những tính chất phổ thông nhất. Ông viết :

"Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh, nhưng xưa nay ít người có trí tuệ lỗi lạc phi thường. Sức ký ức thì phát đạt lắm mà giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học, giàu trực giác hơn lý luận. Phần nhiều người có tính ham học. Song thích văn chương phù hoa hơn thực học, thích thành sao và hình thức hơn là tư tưởng hoạt động. Não tưởng tượng thường bị não thực tiễn hòa hoãn bớt cho nên dân tộc Việt Nam ít người mộng tưởng mà phán đoán thường có vẻ thiết thực lắm. Sức làm việc khó nhọc, nhất là người ở miền Bắc thì ít dân tộc bị kíp. Cảm giác hơi chậm chạp, song giỏi chịu đau đớn cực khổ và hay nhẫn nhục. Tính khí cũng hơi nóng nảy, không bền chí, hay thất vọng, hay khoe khoang trang hoàng bề ngoài, ưa hư danh và thích chơi cờ bạc. Thường thì nhút nhát và chuộng hòa bình, song ngộ sự thì cũng biết hy sinh vì đại nghĩa. Não sáng tác thì ít, nhưng mà bất chước, thích ứng và dung hóa thì rất tài. Người Việt Nam lại rất trọng lễ giáo, song cũng có nào tình vật, hay bài bác chế nhạo".

Ông cũng rất thận trọng trong nhận xét của mình và coi "đó là lược kể những tính chất tinh thần phổ thông nhất của người Việt Nam, cũng có tính nguyên lai từ thượng cổ mà có thay đổi chút ít, cũng có tính do lịch sử và trạng thái xã hội hun đúc dần thành, cho nên ta đừng nên xem tính chất ấy là bất di bất dịch".

Tất nhiên, người ta có thể đồng ý hay không đồng ý với những điều ông viết nhưng cách thức làm việc khách quan, khoa học của ông thì vượt xa hẳn nhiều người khác. Những nhận xét của ông thật đáng để suy ngẫm mặc dầu tình hình của người Việt, cũng như phần đông các dân tộc trên thế giới, có thể đã thay đổi nhiều do những biến động lớn lao trong mấy thập kỷ vừa qua.

Bản sắc dân tộc qua văn học, nghệ thuật

Việc tìm tính cách và bản sắc dân tộc qua văn học đã được ông Nguyễn Bích Hợp đề cập đến trong cuốn sách nhỏ về Tâm lý dân tộc, xuất bản tại Sài Gòn vào năm 1993. Sự kiện văn học là một lĩnh vực mà tâm lý dân tộc được thể hiện và được truyền đạt qua các thể hệ là điều mà tất cả mọi người đều đồng ý. Nhưng theo ông Hợp hướng tìm kiếm qua văn học, văn học dân gian hay cả văn học bác học, là "một cuộc phiêu lưu rất hấp dẫn nhưng cũng rất dễ lạc đường. Cái mê cung của những kho tàng đủ loại thần thoại, truyền thuyết, dã sử, thi ca v.v... có rất nhiều lối vào nhưng không dễ có lối ra, yếu tố chủ quan thường chi phối cách thức mà người ta tập hợp các dữ kiện". Lý do dễ hiểu là sáng tác văn học phụ thuộc vào sự chọn lựa đầy cá tính của nhà văn, nhà thơ với sự đa dạng của chủ đề, hình tượng, kết cấu, ngôn ngữ... Còn lĩnh vực của văn học dân gian thì cũng không có gì dễ dàng hơn vì "Nó phản ánh những kinh nghiệm sống hàng ngày, và có lẽ, chính vì đời sống luôn luôn có hai mặt, kinh nghiệm xử sự cũng bao gồm hai mặt. Nó đi vào ca dao, hò vè, tục ngữ lúc thì mặt này, lúc thì mặt kia. Lúc này, nó chỉ trích bọn quan lại "Thấy kiện như kiến thấy mỡ", để lúc khác nó lại nói rằng "Một người làm quan cả họ được nhờ". Lúc này nó chê trách mê tín "Số cô chẳng giàu thì nghèo" để lúc khác lại xác nhận rằng "Số giàu mang đến dùng dùng. Lọ là con mắt tráo trưng mới giàu"". Tìm kiếm ở văn học, đặc biệt là văn học dân gian, một dân tộc tính vừa "cổ truyền" vừa "thuần túy" là một phương pháp chính đáng nhưng rất khó khăn và phải hết sức cảnh giác mới có thể tránh được chủ quan, sai lạc. Cuốn sách Người Việt cao quý của Vũ Hạnh (NXB Lạc Việt, 1973) là một thí dụ nên tránh. Tác giả đã có một cách nhìn duy dân tộc và rất hẹp hòi. Chẳng hạn đề đề cao hơn nữa căn bản đạo đức của các truyền thần thoại Việt Nam, ông không ngần ngại viết rằng : "Nếu ta nhớ lại

những chuyện thần thoại Tây phương, ta sẽ ngạc nhiên biết là chúng nào. Đa số thần thánh trong những thần thoại Tây phương đều là lớp người vô luân, sống đời hỗn loạn, thường là thấp hơn cả cầm thú". Nói tóm lại, chính vì những khó khăn của phương pháp này mà, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có được những hiểu biết có hệ thống về bản sắc dân tộc qua ngả văn học, nghệ thuật.

Bản sắc dân tộc qua cấu trúc xã hội-văn hóa

Đây là một phương pháp được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng hơn cả. Họ đi tìm trong cấu trúc làng xã Việt Nam những gì ít biến đổi nhất qua những thăng trầm của lịch sử vì đã dính liền với dân tộc tính, với bản sắc cổ truyền của người Việt. Một số kết quả đã được sự đồng ý của đa số. Tuy nhiên do tình trạng chậm tiến và thiếu phương tiện, còn rất nhiều vấn đề đã được đặt ra nhưng chưa được nghiên cứu nên chưa có giải đáp thỏa đáng. Kết quả đáng lưu ý nhất có thể tóm tắt như sau :

- Xã hội Việt Nam trong hàng ngàn năm là một xã hội nông nghiệp, nền văn hóa của nó cũng là nền văn hóa nông nghiệp với đặc trưng là những gia đình tiểu nông trong những làng xã tiểu nông. Trong xã hội ấy, gia tộc và làng mạc là đơn vị cơ sở. Điều này giải thích tại sao các giá trị gia đình và cộng đồng được đặt trên các giá trị cá nhân. Ông Đào Duy Anh cũng đã nhận xét như sau : "Ở xã hội ta, cá nhân chìm đắm trong gia tộc cho nên nhất thiết những luân lý đạo đức, chế độ văn vật, chính trị, pháp luật đều lấy gia tộc chủ nghĩa làm gốc". Các quan hệ xã hội được cấu trúc theo hình mẫu của quan hệ gia tộc, trong đó cá nhân không phải là một đơn vị có giá trị tự lập. "Nó không có quyền lợi và địa vị độc lập, người ta chỉ biết gần thì có gia đình, xa thì có làng mạc, cho nên rời gia đình và làng mạc thì người ta thất cước ngay. Nhà nước đối với dân cũng không biết đến cá nhân mà chỉ biết có gia đình, làng mạc, cho nên con em phạm tội thì cả họ phải liên đới chịu trách nhiệm, và việc quan và việc thuế thì nhà nước mặc xã thôn phải lo liệu cho xong" (Đào Duy Anh, sách đã dẫn).

- Gia đình truyền thống ở Việt Nam, đặc biệt ở miền Bắc và miền Trung là đơn vị có chung "tộc danh về phía bố" và không đeo đuổi một mục đích kinh tế nào rõ ràng, tổ chức sản xuất nông nghiệp nếu có chỉ để đáp lại nhu cầu sống còn của các thành viên. Trong khi đó gia đình truyền

thống của Trung Quốc có đặc tính là một thể chế xã hội-chính trị thu nhỏ, còn gia đình ở Nhật Bản là một thể chế xã hội-kinh tế, một đơn vị kinh doanh. Cơ cấu gia đình, làng xã Việt Nam không có bao nhiêu liên hệ với Nho Giáo nhưng lại thường được giải thích, tìm hiểu qua một lớp màn Nho Giáo vì nó có điểm giống với quan niệm gia trưởng và chế độ phụ quyền của Nho Giáo. Điều này đã gây nhiều ngộ nhận về đặc tính tinh thần của người Việt.

- "Đạo" thờ cúng tổ tiên là một trong những tín ngưỡng lâu đời, đã thấm sâu vào tâm linh của người Việt Nam, là thể hiện của "chủ nghĩa gia tộc". Chính chủ nghĩa này cũng giải thích tinh thần, nói chung, trọng đạo đức của người Việt. Có tác giả còn cho rằng, đối với người nông dân "Quốc gia là hình ảnh mở rộng của gia tộc [...] Người ta coi toàn quốc như một đại gia đình mà người gia trưởng là vua, quan lại các cấp là các bậc huynh trưởng". Với tâm lý đó, các cơ cấu xã hội khác dù có được thành lập do nhu cầu kinh tế như các nhóm nghề nghiệp, các tầng lớp, đẳng cấp, v.v... cũng trở thành thứ yếu trong cái nhìn của người Việt. Điều này giải thích tại sao cho đến thời kỳ Pháp thuộc, thành thị Việt Nam rất ít phát triển và người nông dân thường bám chặt, không rời làng mạc của mình dù cho điều kiện sinh sống ở đó có khó khăn đến thế nào đi chăng nữa.

- Gia đình-họ hàng-làng nước, đó là thứ tự "tự nhiên" trong cách suy nghĩ của người Việt. Nền tảng truyền thống của xã hội Việt Nam được xây dựng trên gia đình-họ hàng và các đạo lý của gia đình (đạo vợ chồng, cha con, anh em) trở thành những giá trị truyền thống của dân tộc. Nhìn bề ngoài người ta có thể nghĩ rằng đó là do ảnh hưởng của Nho Giáo nhưng những nghiên cứu về gia đình Việt Nam thời Bắc thuộc đã vạch rõ những khác biệt quan trọng: Nho trọng cha trong khi người Việt trọng mẹ; Nho trọng chồng trong khi người Việt trọng vợ. Nho trọng vua trong khi người Việt trọng làng (Người đứng đầu một làng, xã người Mường, người thừa kế khá thuần phác của người Việt cổ). Vai trò của người đàn bà Việt Nam trong xã hội quan trọng hơn và được tôn trọng hơn người đàn bà trong xã hội Trung Hoa. Điều này được phản ánh không những qua những ca dao tục ngữ, ca ngợi người Mẹ và người Vợ, mà còn được thể hiện qua luật lệ. Trong bộ luật nhà Lê chẳng hạn, quyền lợi của người đàn bà được bảo vệ hơn là trong bộ luật

đời nhà Minh. Về quyền thừa kế gia tài và chế độ hương hỏa: ngoài phần thờ cúng tổ tiên, phần còn lại được chia đều cho các con, gái cũng như trai. Trong khi đó ở Trung Hoa, người con gái phải đứng ngoài mọi quyền lợi gia tộc, nhất là khi đã xuất giá ...

Mặt khác, vì tinh thần tôn trọng gia đình nên trong thời phong kiến và ngay cả đến bây giờ, tổ chức làng xã và rộng hơn nữa là quốc gia Việt Nam, đã thường dựa trên chế độ gia đình trị. Tại các làng xã, kỳ hào, lý dịch thường là những họ hàng của một vài gia tộc lớn. Hương chức là dụng cụ do các gia tộc ấy sử dụng để áp đặt ý chí của mình lên dân làng, nhiều khi vượt cả pháp luật của nhà vua cho nên tục ngữ có câu "Phép vua thua lệ làng". Ngày nay, có người cho rằng đó là biểu hiện của tinh thần dân chủ trong nông thôn cũ. Thật ra dân không hề làm chủ làng mình và không biết gì về ý niệm này vì ngay mảnh đất khác cũng là của vua do các cường hào nhân danh vua, quan ấn định qua các hương ước của chế độ công điền.

Bản sắc dân tộc qua tín ngưỡng, tư tưởng

Trước đây, Việt Nam ở trên đường giao lưu kinh tế, văn hóa giữa Đông và Tây, giữa Nam với Bắc nên đã chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo, tín ngưỡng và hệ tư tưởng khác nhau. Có lẽ vì thế mà tâm thức của người Việt cởi mở, đa nguyên và đa dạng. Trên đất nước Việt Nam có 56 sắc tộc thiểu số, người Kinh và người Thượng đã biết sống chung hòa bình trong suốt chiều dài của lịch sử. Giữa các làng Công Giáo và Phật Giáo, giữa người Việt với các tín ngưỡng khác nhau, cuộc sống chung rất bình thường, tự nhiên mặc dầu đã có không ít những mưu đồ lợi dụng của một số người trong tầng lớp cầm quyền. Giữa Phật Giáo, Công Giáo đến các tôn giáo mới được thành lập hay được du nhập trong thế kỷ này như Phật Giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành, chưa bao giờ có chiến tranh tôn giáo.

Về mặt tư tưởng, triết lý, người Việt chịu ảnh hưởng rất nhiều của Khổng Giáo và Lão Giáo không những vì đã bị người Trung Hoa đô hộ trong cả ngàn năm mà còn vì Khổng Giáo đã được các triều đại vua chúa Việt Nam dùng làm mẫu mực để tổ chức xã hội, để củng cố chế độ quân chủ phong kiến. Còn Lão Giáo thì lại được biến thể, Việt hóa cho phù hợp hơn với những điều mê tín, dị đoan đã có từ lâu đời

của người Việt. Ngay trong cách gọi tên (đạo hay giáo) người Việt xưa và nay thường không phân biệt tôn giáo với tư tưởng hay triết lý.

Một đặc tính của xã hội truyền thống Việt Nam thường được nhắc tới là "Tam Giáo (Phật, Lão, Nho) đồng nguyên" hay "Tam giáo tịnh hành" song song với việc thờ các thần khác nhau ở rất nhiều đền miếu của làng xã Việt Nam. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng từ xưa tới nay, chưa từng bao giờ có tình trạng độc tôn một "Giáo" trong xã hội Việt Nam mà chỉ có những thời kỳ thiên về Phật Giáo hay thiên về Nho Giáo của vua, quan. Thời Lý Trần chẳng hạn, từ vua quan đến dân chúng đều sùng Phật, trọng Lão nhưng nhà nước thời đó đã bắt đầu sử dụng Nho Giáo, tuyển mộ Nho sĩ vào các cơ quan hành chính, xã hội. Vua Lý Thánh Tông là đệ tử của thiền phái Thảo Đường nhưng cũng là vị vua đã sai xây Văn Miếu thờ Khổng Tử. Những dân chúng như vậy có thể tìm thấy trong sử sách về tất cả các triều đại của Việt Nam. Có lẽ với tinh thần thực dụng và với trực giác hơn là lý luận, người Việt dễ dàng đón nhận những giá trị ở bất kỳ tôn giáo và tư tưởng nào miễn là những điều đó không đi ngược lại niềm tin sâu xa của mình về trời đất, thần linh và gia đình, làng xóm. Khuynh hướng dung hợp tôn giáo là một bản sắc của dân tộc Việt. Tóm lược trong một câu, ta có thể nói rằng người dân Việt đều có ít nhiều cái "duy lý" của Nho, cái "tâm linh" của Phật, Chúa, cái "siêu việt" của Lão Trang và có cả nhiều cái mê tín "thần ma" của căn tính tiểu nông. Điều đáng lưu ý là tính duy lý này không phải là duy lý kiểu Tây phương vì không dựa trên căn bản toán học, khoa học mà dựa trên sách Thánh Hiền hay những điều truyền tụng. Cha, ông, từ đời xưa đã làm như vậy nên bây giờ phải bắt chước và làm như thế mới phải đạo. Mặt tích cực của tâm lý này là thời xưa, có thể một phần nhờ đó mà người Việt Nam không bị đồng hóa với người Trung Hoa. Nhưng mặt tiêu cực của nó là tư tưởng bảo thủ, không có sáng tạo đã ngăn chặn bước tiến của xã hội Việt Nam và đã đưa dân tộc vào vòng lệ thuộc Pháp trong gần 100 năm với những hậu quả còn có cho đến ngày nay.

Bản sắc dân tộc qua lịch sử chống ngoại xâm

Như đã nói ở phần dẫn nhập, có rất nhiều tài liệu nói về tính bất khuất của dân tộc Việt trước nạn ngoại xâm. Lịch sử

Việt Nam là một chuỗi dài những tranh đấu, hy sinh vô bờ bến của người Việt để giành độc lập và để giữ nước. Từ thời đại các vua Hùng cho đến thế kỷ thứ 19, người Việt luôn luôn phải đối phó với xu hướng bành trướng, lấn áp của đế chế Trung Hoa, rộng và lớn hơn nước Đại Việt cả chục lần. Sau đó là những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống thực dân Pháp, chống phát xít Nhật, chống đế quốc Mỹ, chống bá quyền Bắc Kinh. Độc lập dân tộc do đó là một giá trị truyền thống đã được thể hiện qua tinh thần yêu nước và tinh bất khuất của người Việt. Trước hậu quả của "núi xương, sông máu" người ta có thể và cần bàn cãi về trách nhiệm của Vua, quan trước đây hay của giới lãnh đạo thời cận đại và hiện đại để rút ra những bài học lịch sử. Nhưng làm công việc cần thiết này không có nghĩa là phủ nhận giá trị truyền thống nói trên mà nhằm tránh đi vào vết xe cũ. Lịch sử cũng đã chứng minh rằng nước Việt chỉ tránh được nạn ngoại xâm khi cường thịnh còn nếu suy thoái thì có khi giành được độc lập cũng không giữ được lâu dài.

Bản sắc dân tộc và vấn đề dân chủ hóa đất nước

Nghi cho cùng bản sắc dân tộc là một câu hỏi mà có lẽ dân tộc nào cũng thường đặt đi, đặt lại trước những khó khăn và thách thức. Và có lẽ sẽ không bao giờ nó có câu trả lời thật rõ ràng được vì tính chất phức tạp và những biến đổi của bản sắc đó theo những thăng trầm lịch sử của riêng mỗi dân tộc. Ngày nay hàng hóa và các trao đổi đa dạng xuyên qua được tất cả các biên giới. Sự toàn cầu hóa của kinh tế và những tiến bộ vượt bậc về thông tin, liên lạc đã khiến xu hướng hội nhập lối sống và một số giá trị chung của các dân tộc tiền tiến càng ngày càng rõ nét. Mục tiêu phát triển qua kinh tế thị trường được chấp nhận gần như ở khắp mọi nơi trên thế giới. Vấn đề đặt ra cho các dân tộc chậm tiến như dân tộc ta là làm sao nhanh chóng hiện đại hóa toàn bộ sinh hoạt xã hội để có khả năng theo kịp và hội nhập vào cộng đồng thế giới. Xung đột văn hóa Đông-Tây không còn tính gay gắt của hồi đầu thế kỷ. Nhiều dân tộc Á Đông đã vượt qua trạng thái dị ứng thụ cựa lúc ban đầu để thay bằng một thái độ chủ động học hỏi để cầu tiến. Một vài nước đã tới mức ngang hàng với các nước phương Tây về khoa học, kỹ thuật và cách tổ chức. Ngược lại các dân tộc Tây phương cũng đã tìm hiểu để học hỏi triết lý và những giá trị nhân

bản của Đông phương. Lê dĩ nhiên những lo âu về việc giữ gìn bản sắc dân tộc vẫn chính đáng để nền văn hóa dân tộc không bị đứt đoạn, không trở thành lai căng, dị hợm và nhất là để có thể phát triển lâu dài, bền vững. Cách tốt nhất, qua kinh nghiệm của các dân tộc láng giềng, là chủ động nhưng dứt khoát và rõ ràng trong việc du nhập các giá trị mới. Xã hội Nhật vẫn có nhiều đặc thù và bản sắc của một dân tộc cổ truyền Đông phương mặc dù các phương pháp về công nghệ, kỹ thuật, tổ chức và trình độ khoa học... chủ yếu lúc đầu đã được du nhập từ Tây phương. Người Nhật đã kiên toàn và Nhật hóa các phương pháp đó. Nhiều người trước đây cho rằng trường hợp của Nhật là một ngoại lệ của Á đông và người ta giải thích tình trạng trì trệ của các xã hội Á đông là do các tín ngưỡng, tôn giáo thiếu tính cách tích cực. Cách nhìn đó gần như bị đảo ngược trong hai thập niên gần đây với những tiến bộ kinh tế vượt bậc của các con "rồng" Á Châu. Có người lại giải thích hiện tượng này bằng tinh thần kỷ luật, phục tùng của các xã hội Hán hóa. Giải thích này được các nhà độc tài Á Châu chụp lấy để biện minh cho quyền lực bất chính của họ. Nhưng những nguy hiểm đó giải thích thế nào về sự kiện các con "rồng" mạnh nhất càng ngày càng được dân chủ hóa, điển hình là Nam Hàn và Đài Loan ?

Dân chủ và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau trong vấn đề hiện đại hóa của các xã hội Á Châu truyền thống và một số dân tộc đã hiểu và thực hiện được. Trong khi đó, vì sai lầm và mù quáng của giới lãnh đạo nước ta vẫn loay hoay, chưa thoát khỏi hình thái tổ chức của một xã hội thời phong kiến. Vua, chúa bây giờ là các lãnh đạo trong Bộ Chính trị. Quan lại được thay thế bằng đảng viên các cấp của đảng cộng sản. Thiên mệnh của vua được thay thế bằng ý thức hệ "khoa học" và tất yếu của Mác-Lênin, theo đó đảng đương nhiên và vĩnh viễn cai trị đất nước. Thời xưa đất nước là của vua, bây giờ thì tất cả là của đảng, v.v... Tình trạng chậm tiến, lạc hậu đó đã và còn ngăn chặn phát triển kinh tế, kim hãm tư tưởng, văn hóa, sáng kiến và trí tuệ của người Việt. Tệ hơn nữa, luân lý, đạo đức, tình người trong xã hội Việt Nam hiện tại đã xuống thấp tới mức báo động.

Khi chủ trương và đề cao việc người Việt phải chủ động du nhập các giá trị về nhân quyền, về tổ chức xã hội theo nguyên

tắc dân chủ và nhà nước pháp trị của Tây phương, chúng tôi muốn nói rằng những giá trị đó đã trở thành phổ quát của loài người và đã được rất nhiều dân tộc, từ Đông sang Tây chấp nhận. Hơn thế nữa những giá trị mới đối với người Việt đó không những không ngược với bản sắc dân tộc mà còn cho phép dân tộc ta sàng lọc những giá trị cổ truyền để giữ lấy những mặt tích cực, loại bỏ các mặt tiêu cực đã làm đất nước trì trệ, thiếu văn minh.

Tư tưởng của Khổng Mạnh chẳng hạn cũng có những điều tích cực về tu thân, về luân lý, đạo đức trong cách đối xử giữa người với người nhưng lại hoàn toàn lỗi thời về quan niệm tổ chức xã hội, về tính bảo thủ. Mặt khác, nhìn toàn khối, Nho Giáo có rất nhiều mâu thuẫn về lý luận nên nếu lấy một câu này hay câu khác trong Kinh Thi hay Luận Ngữ mà suy diễn thì có thể tranh cãi không bao giờ hết. Thái độ tích cực nhất là gạt bỏ trên từng vấn đề một. Nhân quyền chẳng hạn là một giá trị không đi ngược lại truyền thống nhân ái, tương trợ của dân gian hay chú Nhân trong tư tưởng Nho giáo. Khác biệt ở chỗ là ý niệm nhân quyền được đặt một cách rõ ràng và có các cơ sở pháp lý để có thể được bảo vệ một cách hữu hiệu hơn. Ước vọng được chung sống, được tự do và bình đẳng của con người từ khi sống thành cộng đồng xã hội được thể hiện một cách cụ thể thành những nhân quyền. Từ mục tiêu đó tổ chức xã hội, nhà nước nhất thiết phải dựa trên những nguyên tắc có thể bảo đảm tự do, quyền lợi không những của cá nhân mà còn của cả tập thể dân tộc, đất nước. Cho đến nay, sau sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa với những hậu quả bất nhân kinh hoàng của nó, người ta thấy không cách nào tốt và thích hợp cho các dân tộc hơn là những nguyên tắc của nền dân chủ đa nguyên và nhà nước pháp trị.

Khuôn khổ hạn hẹp của một bài báo không cho phép chúng tôi bàn nhiều hơn nữa. Có một điều mà chúng tôi cảm nhận được khi tìm kiếm bản sắc dân tộc qua một số sách sử và tài liệu. Đó là sức sống mãnh liệt và khả năng thích ứng của người Việt. Cho nên, dù muộn màng, người Việt Nam rồi cũng sẽ vượt qua được thách thức của chậm tiến, lạc hậu bằng con đường dân chủ và phát triển dựa trên những giá trị mới, đồng thời qua đó sàng lọc, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp để giữ được bản sắc của mình.

Vũ Thiện Hân

Độc Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên

Trần Bình Nam

Độc cuốn Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên (Văn Nghệ xuất bản, 1997), một cuốn sách viết về những ngày tù, ai cũng thấy nó khác với tất cả những cuốn sách viết về tù cộng sản của các quân nhân và công chức Việt Nam Cộng Hòa trước đây. Khác, vì lý do ở tù, một bên gọi là "tù cải tạo" đối với những kẻ chiến bại, một bên là tù trấn áp đối với những đảng viên hay cảm tình viên có thái độ mà đảng cộng sản nghĩ có thể đe dọa cho chế độ.

Còn khác nữa, vì Vũ Thư Hiên là một nhà văn có tài. Trong lời mở đầu, Vũ Thư Hiên khiêm nhượng nhưng tác phẩm của anh có một giá trị văn học nhất định cùng như cuốn Đại Học Máu, cuốn sách nói về cuộc sống tù đầy đầu tiên của nhà văn Hà Thúc Sinh.

Đêm Giữa Ban Ngày thật lời cuốn. Khung cảnh luôn luôn thay đổi. Tình tiết hấp dẫn, li kỳ và gay cấn. Tác giả lời cuốn chúng ta đi từ hiện tại trong phòng hỏi cung ở nhà lao Hỏa Lò đến những nơi xa thẳm trong rừng sâu trong thời kháng chiến chống Pháp, hay trong phòng làm việc của các lãnh tụ, rồi vụt trở về hiện tại nhanh đến nỗi thoáng thiếu một chút chú ý chúng ta không biết đang ở tầng mây nào.

Chuyện tù của Vũ Thư Hiên là một *hồi ký chính trị của một người không làm chính trị* như Vũ Thư Hiên xác nhận, nhưng nếu hiểu theo nghĩa rộng Vũ Thư Hiên là một người làm chính trị.

Là một quân nhân, trưởng nam của ông Vũ Đình Huỳnh, thư ký riêng của Hồ Chí Minh, có lúc được ngủ chung giường với Hồ Chí Minh, với Nguyễn Lương Bằng, từng biết tổng tích của Lê Duẩn, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Vũ Thư Hiên bị bắt vì có tư tưởng "xét lại" khuynh hướng Nga nên hồi ký của anh có tính chất một hồi ký chính trị hơn cả hồi ký của những người làm chính trị có môn bài.

Cuốn sách của anh chiếu rọi những tia sáng cực mạnh vào khoảng tối lịch sử của miền Bắc cộng sản của thập niên 60, khoảng 10 năm trước khi Hồ Chí Minh chết, thời gian ý thức hệ Nga Tàu động độ nhau mãnh liệt, lúc Trường Chinh tạm lui,

Vô Nguyên Giáp bị đẩy vào hậu trường và cặp Lê Duẩn, Lê Đức Thọ lên như điều gặp gió.

Cuốn sách của Vũ Thư Hiên giúp những người làm chính trị hôm nay và những nhà nghiên cứu tương lai nhiều sự kiện để giải đoán những bí ẩn của lịch sử: Hồ Chí Minh có lẩn thân trong những năm cuối cùng của đời ông để cho Lê Duẩn và Lê Đức Thọ tự tung tự tác không? Nguyên nhân nào đẩy Giáp, và Giáp chấp nhận, ra khỏi Bộ Chính Trị, rồi Trung Ương đảng những năm sau đó?

Trên mặt thực tế, trí nhớ của con người có giới hạn, nên nếu không ghi chép những gì đã làm, đã nói, đã nghe hằng ngày ít ai có thể nhớ một cách chính xác. Chúng ta có thể tin những biến cố chính được Vũ Thư Hiên thuật lại trong cuốn Đêm Giữa Ban Ngày là sự thật vì nó đã được hằn sâu trong tâm trí tác giả, nhưng các chi tiết nối chúng lại với nhau chỉ có thể là sự kiến tạo để chuỗi sự việc diễn ra một cách hữu lý, hơn nữa cũng là một nhu cầu văn học của tác phẩm. Sự chính xác và nhất là tính hữu lý của các chi tiết trong cuốn Đêm Giữa Ban Ngày có thể sát hơn các chi tiết trong tập hồi ký chính trị Bên Giòng Lịch Sử của linh mục Cao Văn Luận, nhưng dù sao vẫn mang tính chất hư cấu.

Chuyện cộng sản luôn luôn làm người ta kinh ngạc. Stalin giết hàng loạt đồng chí mình bằng chỉ thị cho trùm mật vụ Beria "đánh, đánh và đánh nữa" (có nghĩa là cứ tra tấn cho đến khi đương sự dù đó là tướng lãnh, là một ủy viên Chính trị bộ không chịu nổi phải nhận bất cứ tội gì để được chết khỏi đau đớn thêm nữa); Mao Trạch Đông ra lệnh toàn quốc rung cây và đổ chuông trống để giết chim cứu lúa (để thấy không có chim, sâu bọ và châu chấu phá hoại mùa màng nhiều hơn); Pol Pot giết bất cứ người nào đeo kính, hoặc nói được một ngoại ngữ sau khi chiếm Phnom Penh năm 1975; và ở đây dưới ngòi bút của Vũ Thư Hiên câu chuyện trấn áp tù đầy những người cộng sản Việt Nam bởi những người cộng sản Việt Nam.

So với Stalin, Mao hay Pol Pot, Lê

Duẩn nhẹ tay hơn nhiều. Nhưng điều đó không làm cho cái gọi là "vô sản chuyên chính" của Lenin ở Việt Nam ít quái thai hơn ở nơi khác. Câu chuyện của Vũ Thư Hiên giúp thêm trọng lượng cho hiện tượng cộng sản vốn phi lý càng thêm phi lý.

Cuốn sách của Vũ Thư Hiên nêu ra nhiều mặt của Đảng Cộng Sản Việt Nam từ thời gian hoạt động bí mật cho đến ngày tác giả bị bắt năm 1967. Rất tiếc vào cao điểm của cuộc chiến xâm lăng miền Nam từ cuộc tổng công kích Mậu Thân cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh tác giả ở trong tù nên đọc giả thiếu mất những chuyện lý thú của thời gian đó nhìn từ bên trong, nhưng sự việc và những vấn đề tác giả nêu ra trong cuốn sách cũng đủ phong phú cho các nhà nghiên cứu. Cuốn sách của Vũ Thư Hiên cần đọc một cách nghiêm chỉnh và cần được bình luận, góp ý để làm sáng tỏ ưu và khuyết điểm của nó.

Một việc tác giả khẳng định cần được đặt lại. Thí dụ Vũ Thư Hiên khẳng định không có vụ chống Đảng và bày ra trấn áp là phi nhân. Điều này chỉ có thể hiểu là không có một tổ chức hay một cơ cấu có cương lĩnh, nội quy chống Đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng không có nghĩa không có một số đảng viên cao cấp trong Đảng Cộng Sản Việt Nam bất đồng ý kiến với Chính trị bộ của Hồ Chí Minh trong cuộc tranh chấp ý thức hệ giữa Nga và Tàu khởi đầu năm 1956 khi Kruschev tố cáo những tội ác tày trời của Stalin trước đại hội thứ 20 của đảng cộng sản Liên Xô. Ông Vũ Đình Huỳnh, ông Hoàng Minh Chính, tướng Đặng Kim Giang và bản thân tác giả là những người không đồng ý với đường lối do Hồ Chí Minh và tập đoàn quyết định chọn và có đủ cương trực để nói lên sự bất đồng ý kiến của mình. Tướng Vô Nguyên Giáp, ông Nguyễn Lương Bằng cùng thuộc khuynh hướng này nhưng Vô Nguyên Giáp cuối cùng không muốn trái ý Hồ Chí Minh, còn Nguyễn Lương Bằng hèn nhát không tham dự trò chơi và về sau chống lại trò chơi. Bác sĩ Tôn Thất Tùng, giáo sư Tạ Quang Bửu, nhạc sĩ Văn Cao, nhà văn Nguyễn Tuân cũng không đồng ý với đường lối chính thức của đảng cộng sản nhưng biết thân phận mình trốn vào lĩnh vực chuyên môn.

Vũ Thư Hiên không kết luận dứt khoát vai trò của Hồ Chí Minh trong vụ trấn áp này. Ông ghi nhận ông Vũ Đình Huỳnh và Hồ Chí Minh *quả có mâu thuẫn về quan điểm đối với vấn đề ruộng đất, trong*

thái độ đối xử đối với trí thức, với những nhà tư sản và địa chủ yêu nước" (trang 220) nhưng không phải vì khó chịu với cha tôi mà cho ông Lê Đức Thọ bắt ông". Tác giả cho đọc giả hiểu rằng ông Hồ Chí Minh bản chất không ác chỉ vì bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ bịa đặt thêm chuyện và xúc xiểm. Tác giả quả quyết rằng khi còn ở Hỏa Lò ông đã nhận định, và càng về sau càng tin chắc đúng rằng vụ án xét 1-ai chống đảng là một mưu mô bản thủ của Lê Đức Thọ (trang 295). Vũ Thư Hiên đã gạt Hồ Chí Minh ra ngoài vụ trấn áp. Trong vụ Cải cách ruộng đất giết chết bao nhiêu người vô tội ở miền Bắc, Vũ Thư Hiên cũng nghĩ ông Hồ không hề có ý định làm Cải cách ruộng đất trong kháng chiến chống Pháp, và ông đã buộc phải làm Cải cách ruộng đất khi bị Mao nhắc nhở (trang 221). Nói chung, Vũ Thư Hiên chỉ đưa ra sự kiện để độc giả nếu cần kết luận sẽ cho Hồ Chí Minh không còn tính táo để mặc cho Lê Duẩn, Lê Đức Thọ làm gì thì làm. Trong một đoạn Vũ Thư Hiên viết: Sau vụ bắt bớ, giam cầm những người cộng sản bất đồng chính kiến, nhiều người buộc tội ông Hồ Chí Minh, thậm chí gán cho ông những tính chất mà ông không có, như tính hiếu chiến, hiếu sát. Cha tôi giận ông Hồ nhưng ông không đồng tình với lời buộc tội đó.

Tác giả hàm ý đồng ý với cha. Anh đưa ra phê phán nặng nề của người khác về Hồ Chí Minh để nhẹ nhàng nói anh không đồng ý. Đích, một tiểu đoàn trưởng bị tù vì một sự bất cẩn nói: Tôi không bực vì cái án, và tiếp: Nhà tù cho tôi thấy một điều không có tình đồng chí! Chúng ta nhằm. Bây giờ tôi mới hiểu: ông Hồ không phải đồng chí của ta, ông ấy cùng là vua như các ông vua khác, lại không phải vua hiền. Ông ấy biến những con người lương thiện thành con quỷ. Ông ấy là quỷ vương. Vũ Thư Hiên viết tiếp: Tôi an ủi anh, nhưng không đồng ý với nhận xét của anh. Dưới quyền ông Hồ có những con quỷ mà anh gặp, nhưng không phải ông tạo ra chúng. (trang 249).

Vũ Thư Hiên thiếu một chút công bình với lịch sử khi phê phán Hồ Chí Minh. Thần tượng Hồ Chí Minh vẫn còn là một điểm tâm lý ám ảnh ông. Cũng có thể nếu Hồ Chí Minh không tích cực tham gia cuộc xử lý nội bộ, sự phi lý và tàn bạo của vụ trấn áp sẽ được nổi bật, tội ác của Duẩn và Thọ càng to.

Trước hết các tài liệu về chiến tranh giữa miền Bắc và miền Nam cho đến cao điểm Mậu Thân, một năm trước khi Hồ

Chí Minh chết và nhiều năm sau khi người thân cận nhất của Hồ Chí Minh là ông Vũ Đình Huỳnh bị bắt cho thấy Hồ Chí Minh vẫn tinh táo và là người lãnh đạo thực sự miền Bắc Việt Nam. Trong thời gian này bộ máy tình báo của Hoa Kỳ theo dõi sát các cấp lãnh đạo Việt Nam nhất là tình trạng tinh thần và sức khỏe của Hồ Chí Minh.

Bà Vũ Đình Huỳnh với trực giác của người phụ nữ thấy lý của sự việc rõ hơn lý luận của người đàn ông. Vũ Thư Hiên thuật rằng (trang 24) sau khi ông bị bắt nhiều bạn bè cho rằng ông Hồ vì sức khỏe kém nên đám Lê Duẩn, Lê Đức Thọ qua mặt. Nhưng mẹ của Vũ Thư Hiên không tin lập luận đó. Theo bà để khởi lên một vụ án lớn như vậy, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không thể không hỏi ý kiến ông Hồ. Do đó, bà không xin gặp và không hề viết một dòng kêu cứu nào cho Hồ Chính Minh. Bà không gặp Trường Chinh và Phạm Văn Đồng vì bà tin Hồ Chí Minh đồng ý vụ bắt bớ nên Đồng và Chinh cũng chẳng giúp bà được. Bà đến gặp Nguyễn Lương Bằng như tìm sự an ủi người bạn có tri của gia đình hơn là để cầu cứu. Chỉ tiếc bà Huỳnh đúng về Hồ Chí Minh nhưng sai về Nguyễn Lương Bằng.

Tuy cho vụ "xét lại chống Đảng" là một cuộc đảo chánh trong tưởng tượng để gạt bỏ những đối thủ có khả năng thay thế mình, nói cách khác là một cuộc trấn áp đối lập nội bộ chứ mặc dầu có nhiều điều bất đồng với nhà cầm quyền trên nhiều mặt những người bị vu cáo là có âm mưu lật đổ chưa bao giờ nghĩ tới lật đổ (trang 366), cuốn Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên vô tình cung cấp sự kiện để chúng ta hiểu tại sao có quyết định trấn áp thành phần có khuynh hướng theo Nga và cung cách thi hành của Duẩn và Thọ. Đối với Hồ Chí Minh, sự trấn áp là cần thiết nếu không ngại vàng ông sẽ lung lay.

Từ khi Kruschey đọc bài diễn văn này lửa tại Đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô, Hồ Chí Minh không có thái độ dứt khoát, chờ diễn biến. Cuối năm 1960, khi đảng cộng sản Liên Xô mời các đảng cộng sản trên thế giới về Mạc Tụ Khoa để thông qua bản văn "xét lại", khai sinh một phong trào cộng sản có tính chất người hơn, Chính trị bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chưa biết phải xử trí như thế nào. Do chỉ thị của Trường Chinh, Hoàng Minh Chính đã phân tích lợi hại của phong trào xét lại về đề nghị Đảng tham gia phong trào. Chính trị bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam chấp thuận đề nghị của Hoàng Minh

Chinh và cử Hồ Chí Minh, Lê Duẩn vừa nhậm chức bí thư thứ nhất và Nguyễn Chí Thanh đi dự họp.

Nhưng sau đó vì nhiều lý do, chính yếu là Hồ Chí Minh và đàn em thân tín như Duẩn, Thọ và Chinh sợ phong trào xét lại làm mất ghế độc tôn, thứ yếu là cần sự giúp đỡ của Trung Quốc khi triển vọng chiếm miền Nam bằng chiến tranh du kích đang có điều kiện thuận lợi (tình hình miền Nam đang rối loạn sau cuộc đảo chánh ông Ngô Đình Diệm) và sự nghi ngại Nga sẽ vì quyền lợi dùng Việt Nam đối chác với Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh chọn con đường chống xét lại. Nhưng để giữ thế đi dây giữa Nga và Tàu rất cần để tiến hành cuộc xích hóa miền Nam, Hồ Chí Minh không chính thức công bố đường lối này. Cuốn Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên cho một tia sáng về điểm này. Tháng 12-1963, Đảng Cộng Sản Việt Nam ban hành Nghị quyết 9 vừa chống chủ nghĩa giáo điều (của Mao) (trang 274). Nhưng khi phổ biến Nghị quyết trong nội bộ, Trường Chinh xác định rằng nội dung thật sự của Nghị quyết 9 chỉ có thể phổ biến bằng miệng, đó là đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà Nước Việt Nam là đường lối của Trung Quốc (trang 275). Thái độ lừng khừng của Hồ Chí Minh làm cho những người chủ trương chống đường lối của Trung Quốc thêm can đảm, mạnh mẽ nói lên tiếng nói của mình buộc Hồ Chí Minh ra lệnh đàn áp. Cuộc đàn áp này chỉ có thể thực hiện nội bộ, không thể mang ra tòa án (dù là xử kín) vì không thể để Nga chính thức biết có cuộc đàn áp này. Nga biết nhưng không ai chọc mình thì giả vờ không biết để dù sau cùng còn một dây buộc với Hà Nội.

Cuốn Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên cho thấy quan hệ quyền lực khá phức tạp giữa Chinh, Duẩn, Thọ và Giáp trong thập niên sau Đại hội 3 năm 1960. Vũ Thư Hiên thuật rằng trước Đại hội 3 (1960) chân bí thư đảng do Trường Chinh nắm và khuyết từ năm 1956 do sai lầm Cải cách ruộng đất ai cũng nghĩ sẽ vào tay Võ Nguyên Giáp. Nhưng uy tín của Giáp quá lớn do trận Điện Biên là Hồ Chí Minh sợ. Duẩn được chọn làm Bí thư thứ nhất (tức Tổng bí thư) vì khi cuộc Cải cách ruộng đất diễn ra tàn bạo tại miền Bắc thì Duẩn ở trong Nam nên không bị nhân dân miền Bắc oán ghét. Lên ngôi xong, thấy đàn em của Chinh lúc đó đầy rẫy trong bộ máy đảng, Duẩn dùng Lê Đức Thọ trong chức vụ Trưởng ban tổ chức trung ương để

búng người của Chinh. Thế là Thọ có cơ hội lập ra phủ Chúa (trang 328) bên cạnh vua Lê (Duẩn). Vũ Thư Hiên không nói gì đến vai trò Hồ Chí Minh trong cuộc vật lộn này, nhưng không ai nghĩ Hồ Chí Minh không biết và không đóng một "thuận". Nếu Hồ Chí Minh sợ Giáp thì Hồ Chí Minh cũng sợ Chinh và đã dùng cặp bài Duẩn-Thọ để duy trì ngôi vua. Đó là lý do giải thích tại sao Chinh biết âm mưu của Thọ vẫn phải nín thin thít.

Thái độ của Giáp trước sự tác oai tác quái của Duẩn và Thọ cũng chỉ có thể giải thích bằng vai trò của Hồ Chí Minh, Giáp thấy được trong vụ trấn áp và hạ bệ ông. Là người hùng Điện Biên Phủ, được báo chí cả hai khối tư bản và cộng sản xem như một thiên tài quân sự, có hậu thuẫn của quân đội sau lưng, nhưng *khi những đòn chuyên chính vô sản giáng xuống những người thân cận của ông, ông đã không dám hé răng nói một lời, mà chỉ ngoan ngoãn né tránh qua một bên* (trang 334).

Cặp Duẩn-Thọ nếu sợ Trường Chinh một thì sợ Giáp mười nên đã làm mọi cách để hạ bệ Giáp. Thọ lôi trong thư khố Pháp một lá đơn cậu học sinh Võ Nguyên Giáp gửi toàn quyền Pháp xin học bổng du học với lời lẽ khúm núm (theo công thức của mọi lá đơn thỉnh nguyện kiểu Pháp) để kết tội Võ Nguyên Giáp quy lụy Tây không xứng đáng là một nhà cách mạng (trang 350). Sau đó có tin, không biết đúng hay sai, Võ Nguyên Giáp liên lạc với Khrushchev, Duẩn và Thọ làm lớn, Hồ Chí Minh can thiệp mới yên (trang 351). Nhưng qua hai vụ này Duẩn và Thọ đã thành công đẩy Võ Nguyên Giáp vĩnh viễn ra khỏi bộ máy quyền lực.

Vũ Thư Hiên cho rằng Giáp vô tích sự, sợ Duẩn và Thọ. Nhưng lý do chính Võ Nguyên Giáp không có hành động gì chống Duẩn và Thọ vì Giáp biết hai tay này hành động với hậu thuẫn của Hồ Chí Minh sau lưng. Giáp có thể chống ai nhưng ông không muốn chống Hồ Chí Minh. Ông không đủ đảm lược và cũng không có tài. Ông hài lòng với danh vị "thiên tài quân sự" mà ông biết ông không có.

Các nhà nghiên cứu khi có cơ hội đọc những gì Võ Nguyên Giáp viết người ta không thấy tư tưởng gì lạ ngoài từ chương cũ trích trong rừng ngôn ngữ Mác-xít. Sau ngày miền Nam sụp đổ một nhà nghiên cứu Anh đã đến Hà Nội phỏng vấn ông để viết cuốn sách nhan đề "GIAP". Ông ta thuật trong phần cuối của cuốn sách rằng trước khi rời Hà Nội, ông nói

với người phụ tá tướng Giáp ông muốn tặng tướng Giáp một món quà và hỏi nên tặng quà gì. Người phụ tá sau khi hỏi tướng Giáp nói ông tướng muốn một chai rượu cognac ngon! Sau cùng ít ai quên cuộc phỏng vấn tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp truyền hình từ Việt Nam cho cả thế giới xem của đài CNN do Bernard Shaw thực hiện nhân dịp kỷ niệm 20 năm cộng quân tiến vào Sài Gòn. Với những câu hỏi rất ngon lành của Bernard Shaw (ông Shaw là một trong những người vốn trọng tài tướng Giáp), tướng Giáp đã dùng hết thì giờ để nói những lời tuyên truyền rỗng tuếch và khi hết tuyên truyền thì chẳng trả lời gì vào nội dung câu hỏi. Người ta thấy một Võ Nguyên Giáp vụng về nếu không muốn nói thiếu thông minh.

Như Vũ Thư Hiên trình bày, anh viết cuốn Đêm Giữa Ban Ngày một cách kín đáo, ít thì giờ và điều kiện kiểm chứng sự kiện. Nhưng không vì thế cuốn sách mất giá trị của nó. Cho dù chúng ta không đồng ý hết với những lý giải của tác giả trong cuốn sách ít nhất cuốn sách đã cho chúng ta nhiều sự kiện quan trọng và những lý giải lý thú rất cần thiết cho các nhà viết sử về sau.

Nổi bật nhất là đoạn Vũ Thư Hiên phân tích hiện tượng Khrushchev, vì đâu ông có dũng lược đập đổ thần tượng Stalin khi ông có vị trí thần tượng đó.

Vũ Thư Hiên viết: *Sự thật, theo tôi, đơn giản. Khrushchev cũng là một con người. Như mọi con người, ông thêm tự do. Chế độ toàn trị tước đoạt mọi quyền tự do không riêng của bầy nô lệ mà của cả quần thần. Chỉ có thối tha nỗi đau khổ phải làm thân tôi tớ, Khrushchev mới có đủ dũng khí tự tước bỏ quyền thống trị mặc nhiên có nếu như ông không vì tự do mà phanh phui tể sùng bái cá nhân Stalin. Trong ý nghĩa này, Khrushchev còn hơn một anh hùng, ông là một Con người, viết hoa.*

Cũng trong ý nghĩa này, Gorbachev là một Con Người cần viết hoa cả hai chữ. Khrushchev chỉ đủ can đảm mang lại tự do cho cá nhân ông và đảng ông, xóa bỏ nỗi nhục nhằn tâm lý bao năm sống dưới gót giày của Stalin, trước khi Gorbachev dám từ bỏ "ngai vàng" để mang lại tự do cho cả dân tộc ông.

Đọc Vũ Thư Hiên chúng ta hy vọng sẽ có một Con Người tại Việt Nam.

Trần Bình Nam

Tin về những

Vận động cho tù nhân chính trị tại Việt Nam

1- Theo thông tấn xã Reuter, trong chuyến viếng thăm Việt Nam, bà Madeleine Albright, ngoại trưởng Hoa Kỳ đã nêu vấn đề nhân quyền ở Việt Nam với các ông Nguyễn Mạnh Cầm và Võ Văn Kiệt. Bà Albright đặc biệt hỏi về tình trạng ba tù nhân chính trị là bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Đoàn Viết Hoạt và thượng tọa Thích Quảng Độ. Bà nhấn mạnh là Việt Nam nên và cần mở rộng hơn tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, và tự do hội họp. Bà cũng đưa tận tay cho ông Cầm lá thư của bà Đoàn Viết Hoạt viết cho chồng và nhờ ông Cầm chuyển cho giáo sư Hoạt. Bà yêu cầu chính phủ Việt Nam cấp chiếu khán cho bà Đoàn Viết Hoạt về thăm chồng. Ông Cầm nhận lá thư và không nói gì trong khi ông Kiệt viện cớ là Hoa Kỳ và Việt Nam có những quan điểm khác nhau về nhân quyền hơn nữa Việt Nam còn phải giữ vững ổn định nội bộ.

2- Ngày 11-6-97 vừa qua, thượng nghị sĩ Edward Kennedy đã gửi thư chất vấn ông Lê Văn Bằng, đại sứ Việt Nam tại Mỹ về tình trạng của bác sĩ Quế và giáo sư Hoạt. Trong thư ông Kennedy nhắc lại là đại sứ Việt Nam đã hứa với ông là sẽ chuyển về Hà Nội lời yêu cầu phóng thích hai ông Quế và Hoạt từ buổi gặp mặt vào ngày 30-5-1996 cũng như chưa trả lời thư của ông đề ngày 3-9-1996 về yêu cầu cấp chiếu khán cho bà Đoàn Viết Hoạt về thăm chồng.

Ông Kennedy nhắc lại là Bác sĩ Nguyễn Đan Quế một nhà tranh đấu bất bạo động đã bị giam cầm đúng 7 năm nay. Ông tỏ ý lo âu về tình trạng giam cầm nghiệt ngã mà ông được biết: bác sĩ Quế vẫn bị biệt giam, không được đọc sách hay viết thư; tình trạng sức khỏe cũng không khá vì áp huyết cao, đau thận, đau bao tử và rụng răng. Giáo sư Hoạt bị dày ra trại Thanh Cẩm xa gia đình cả ngàn cây số, không nhận được tiếp tế lương thực hay thuốc men. Ông Kennedy nhắc lại cách đây đúng một năm, là đại sứ Việt Nam đã hứa chuyển về Hà Nội lời yêu cầu phóng thích hai ông Quế và Hoạt, cũng như đã hứa chuyển đơn ông xin cấp chiếu khán cho Bà Đoàn Viết Hoạt về thăm chồng. Cuối thư ông hy vọng được trả lời khẩn cấp về các vấn đề đã nêu trên.

SỨ MẠNG CỦA NHÀ VĂN VÀ NHỮNG NGƯỜI CẦM BÚT

Lê Minh Văn

Nếu một tư tưởng chính trị cần thiết cho người cầm quyền để đưa đất nước đến giàu mạnh thì một nền văn hóa chính trị cũng cần thiết không kém cho một quốc gia dùng làm bàn đạp để phát triển. Trong thời đại dân chủ mang tính toàn cầu ngày hôm nay, nhiều người ngại nói đến những nguyên tắc định hướng. Nhưng nghĩ cho rộng và cho cùng, những điều này không hề trái với tinh thần đa nguyên chính trị. Vì mục đích cuối cùng của đa nguyên vẫn là tinh thần đồng thuận và cái Đúng. Nét tương hợp của một nguyên tắc chung sẽ đưa tới gần những giá trị phổ cập nhằm xây dựng một truyền thống chính trị.

Một quốc gia sẽ tồn tại trong thịnh trị bằng nền cai trị đúng đắn với những nguyên tắc quản trị thích hợp. Một dân tộc sẽ đi tới bằng những ước mơ chính trị không phải là thầm kín mà được phát biểu rộng khắp. Thiếu những tưởng tượng phong phú về những đường hướng, mô hình, những viễn kiến chính trị sẽ tàn lụi, đất nước sẽ dậm chân trên những giáo điều bảo thủ. Kể si, trí thức, người cầm bút mà đặc biệt những nhà văn sẽ về nên ước vọng về những chân trời mới.

Thực trạng Việt Nam qua đi sản thể thâm của 80 năm đô hộ thực dân và nửa thế kỷ CS đã tàn phá khủng khiếp nền văn hóa dân tộc, trong đó văn hóa chính trị chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Chính khách, người làm chính trị, những nhà hoạt động xã hội và lớp trung lưu trưởng giả, nhà kinh doanh ... không còn viễn kiến mà chỉ có những quyền lợi ngắn hạn, cá nhân hoặc cục bộ. Thủ điểm mặt những con người ở trên sân khấu chính trị Việt Nam, đang kèm hãm và chặn bít những con đường đi lên của dân tộc. Họ chỉ là những nhân vật rất tầm thường, miệng nói cách mạng nhưng bụng đầy xôi thịt, hồ hào dân giàu nước mạnh mà chẳng hề có chút ý thức quốc gia, rất nhân tâm trước những nguyện vọng của quần chúng... Những người làm chính trị đối lập thì ngoại trừ một thiểu số đáng kính bất chấp đe dọa, tù tội, đem những ngày cuối đời của mình trang trải những đam mê chính trị-nguyên vọng dân chủ, phần lớn chống cộng vì quán tính khi những

quyền lợi và thói quen mất đi. Họ cùng viên dân chủ làm mục tiêu, nhưng bản thân và cung cách hoạt động của họ không hề phản ảnh những nguyên tắc dân chủ.

Trong bầu không khí chính trị u ám đó, từ lâu nay, một lớp người trẻ, có nhiệt tình chính trị đang khẳng định dần vai trò của mình với viễn tượng tốt đẹp nhất sẽ dành lấy chỗ của các lãnh tụ đảng phái trong cuộc cách mạng dân chủ tương lai.

Một cách chân thật chính xác, công cuộc dân chủ hóa tương lai đất nước phải là một cuộc cách mạng. Vì nó phải hủy diệt tất cả nếp nghĩ trì trệ và tâm thức thụ hưởng của mọi tầng lớp dân chúng của xã hội hiện tại từ lãnh đạo chính trị, đến anh tư bản trắng, lớp công bộc, người trung lưu, trí thức, đảng viên, đại biểu quốc hội, nghị viên... Cuộc cách mạng tiền dân chủ đó cũng phải đập nát toàn bộ một nền hành chính thối rữa, trì trệ đang kèm kẹp tất cả mọi khuynh hướng sinh động nhằm đưa dân tộc cất bước. Cuộc cách mạng dân chủ đó cũng phải hủy diệt toàn bộ cấu trúc và tổ chức chính trị hiện tại và nhằm mục đích duy nhất là xây dựng một chủ nghĩa sai lạc và phản động là Chủ Nghĩa Xã Hội.

Ai sẽ đảm đương những vai tuồng nặng nề đó? Câu trả lời giản dị là những người dân chủ nói chung. Nhưng công việc ấy không dễ dàng. Trước tiên phải có những con người mở đường dám tấn công trực diện những tiêu cực, thối nát, phản động của chế độ đương quyền. Quan trọng nhất vẫn là những người cầm viết. Để đặt lại những nguyên tắc sai lạc đang kèm hãm dân tộc trong vòng nghèo đói, suy thoái, lạc hậu. Để đòi hỏi những quyền sống, quyền con người, quyền công dân, những nguyên tắc cốt lõi cho sự xuất hiện và tồn tại của những loại hình nhà nước bởi dân, do dân và vì dân. Họ cũng còn phải nói tới lịch sử tổ quốc và truyền thống chính trị, văn hóa của dân tộc như những chỗ dựa tư tưởng làm nền cho tương quan của những con người mới và tiến bộ của xã hội dân sự trong khung cảnh một nền dân chủ pháp trị. Công việc dọn đường và vẽ ra những ước mơ chính trị

nhằm kích thích ý chí dân thân của một dân tộc là công việc của những người cầm bút hơn là những nhà chính trị. Nhà văn, nhà tư tưởng là những con người khai phá, vạch đường. Người làm chính trị hiện thực hóa những đường hướng. Cuộc đại cách mạng Pháp 1789 chứng minh rõ ràng một chân lý là những nhà văn, những nhà tư tưởng của thế kỷ ánh sáng Châu Âu xứng đáng nhận những vinh dự cao nhất trong công cuộc khai sáng kỷ nguyên dân chủ.

Tiến trình dân chủ hóa Việt Nam hơn 200 năm sau đang đi lại con đường đó. Chính những Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Hà Sĩ Phu, và ở một khía cạnh khác hoặc một chừng mực nào đó, những Phan Đình Diệu, Nguyễn Khắc Viện, Lê Phương, Nguyễn Thanh Giang... là những người mở đường. Những nhà văn Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hào, Hồ Hiếu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Trần Minh Thảo... cũng đã đóng góp không nhỏ cho sự nảy sinh những suy nghĩ mới. Ở hải ngoại, những trí thức và những nhà văn dân thân đang làm nở rộ một mùa xuân của niềm tin tất thắng vào dân chủ qua những bài báo, những tham luận, góp ý, dự án dân chủ... bằng tất cả nhiệt tình có thể cống hiến được cho đất nước.

Trên những con đường đó, những người cùng mục đích tranh đấu chống chuyên chính vô sản lại chia rẽ nhau vì phương pháp, quan điểm, tiến trình... Nhưng nhìn tổng quát, khuynh hướng nhích gần lại một mẫu số chung vẫn có nhiều khích lệ. Những phát biểu chính trị nhiệt thành dù thiếu chính xác khi còn là dự phóng, có đôi chút chủ quan giữa tình hình rối ren của những cơn giông chính trị; hoặc tư tưởng có mang chút phiêu lưu chẳng nữa thì những ý kiến đề đạt vẫn vô cùng cần thiết cho cuộc đấu tranh vì dân chủ, bởi ba lẽ:

1/ Sức tưởng tượng phong phú là tiền đề cho những phát hiện về cái mới, cái hay, những tiến bộ. Những đụng chạm sẽ chỉ giúp cho chân lý đến gần hơn, bằng rà soát những định hướng dò dẫm và soi sáng con đường phải chọn.

2/ Nhiệt tình đó so ra còn trong sáng và đáng trân trọng hơn nhiều giáo điều chai sơ cứng, bất động trì trệ của chế độ hiện tại. Người dân sẽ có cơ hội để nhận định, so sánh và lựa chọn một thái độ chính trị.

3/ Ngòi bút của họ sẽ gom góp từng chút lửa hâm nóng lại nhiệt tình chính trị và

những ước mơ về tương lai dân tộc của Việt Nam từ lâu hồ hững, nguội lạnh vì những bịp bợm dối trá của nhiều thế hệ lãnh đạo kế tiếp nhau làm băng hoại đất nước...

Trong một thời đại mà sự tha hóa chính trị nảy sinh từ sự đổ nát của một ý thức hệ vẫn còn ngự trị trong bóng tối chính trị, chỉ có tiếng nói của những người cầm bút đóng vai trò tiên phong là đáng kể. Vì đó là tiếng nói của sự thật, nhằm phụng sự *sự thật*. Họ sẽ được lắng nghe, không những chỉ từ quần chúng đang khao khát những đổi thay cần thiết, mà cả nơi những người đang cầm quyền vẫn run sợ trước sự thật vì chẳng mấy tự tin nơi khả năng chính trị và phương pháp áp dụng của mình. Tận chiều sâu của lương tri còn chút lễ lối, lẽ phải và sự thật sẽ được lắng nghe...

Lê Minh Văn

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt

(Vietnam Libertés - Fondation
Doan Viet Hoat)

- * Hội viên tích cực 200 F
(hay 40 USD) mỗi năm.
- * Hội viên ân nhân 500 F
(hay 100 USD) mỗi năm.

Tại các nơi khác, số tiền đóng góp bằng tiền địa phương qui theo hối suất.

Tại Pháp: Vietnam Libertés, 11 Mail
Le Corbusier - 77185 Lognes.
Ngân phiếu xin đề: **Vietnam Libertés**.

Tại Đức: Herr Nguyễn Thanh Lương,
Habsburgerallee 104 - 60385
Frankfurt am Main.

Ngân phiếu xin đề:
Nguyễn Thanh Lương

Tại Úc: Mr T.S. Duong, P.O.Box 99 -
First Floor, 16-20 Greenfield Pde -
BANKSTOWN - NSW 2200.

Ngân phiếu xin đề:
T.S. Duong

Góp ý kiến

Một vài suy luận về Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên

Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên là một khí cụ để ta bàn luận về những vấn đề cần thiết cho tương lai dân tộc Việt Nam.

Trang 51 đoạn 11, tôi đọc: "Ngăn chặn đà gia tăng dân số".

Ngăn chặn hay gia tăng ?

Một vấn đề rất phức tạp, rất tế nhị, vì nó có ảnh hưởng đến sự sống còn của dân tộc Việt Nam đến tương lai văn hóa, đạo đức của dân ta.

Ai cũng biết là dân số trên hoàn cầu càng ngày càng tăng, các chính trị gia trên thế giới đều cho là phải chặn đà gia tăng này, mới giữ được trật tự, văn minh trên quả đất này. Hiện nay chính quyền Việt Nam cũng theo đà của thế giới, chỉ thị cho mỗi gia đình chỉ có một con thôi. Chỉ thị này được áp dụng triệt để trong giới công chức. Nhưng không biết trong các giới thương mại, thôn quê, ngoài giới công chức ra, có áp dụng được không? Vì bắt cả dân cây thôn quê áp dụng phương pháp đặt vòng xoắn (stérilet) thì hiện có đủ thầy thuốc, nước sạch, khí cụ để mổ xẻ không? Còn như mua bao cao su thì tiền đâu? Tiền mua gạo còn không đủ nữa là mua bao cao su?

Nước ta hiện nay có hơn 70 triệu người tuy rằng vì chiến tranh vừa rồi và vì các thay đổi cách mệnh (cải cách ruộng đất, hợp tác xã, vụ nhân văn giai phẩm, v.v...) dân ta chết đến 3 triệu người. Nhưng nếu ta áp dụng phương pháp mỗi gia đình một con thì chả bao lâu nước Việt Nam yêu quý của chúng ta sẽ thành hoang địa. Vì lấy đâu có người để cấy, để chống giữ giang sơn. Lúc bấy giờ người Tàu, người Nhật không cần giao chiến với nước ta nữa. Họ chỉ cần tới nơi chiếm đất là đủ.

Người ta tính mỗi gia đình phải có 3 con sống mới làm cho nước được tồn tại mãi. Dân ta cần phải 6,7 con mỗi gia đình mới tồn tại được. Vì khí hậu nóng, vì ăn uống không có nhiều chất bổ, vì thiếu thuốc men, cho nên mỗi gia đình cần phải có 6,7 đứa con mới còn sống sót lại sau này 3 đứa con.

Có thật xứ ta là một nước nhỏ không đủ nuôi sống hơn 70 triệu dân không? Thượng du, Trung du, ngoài Bắc hai bên

đường xe lửa Hải phòng Văn Nam hồi xưa rất đông đúc, nhưng vì có giặc cờ đen, cờ đỏ hồi Tự Đức nên nay bỏ hoang. Dãy núi Trường Sơn, hơn 2000 ngàn cây số bờ biển, Đà Lạt, Darlac, Ban Mê Thuột, Cà Mau, những chỗ này nếu các quan cách mệnh không lấy của công làm của tư, thì ta có đủ tiền để mua thuốc trừ muỗi, dẫn thủy nhập điền làm cho những xứ trên trở nên những đất phì nhiêu.

Nếu mỗi gia đình chỉ có 1 con, thì còn đâu là nam tiến? Dân ta sở dĩ thắng được dân Lào, dân Miên, dân Tàu, Việt Nam hóa được dân Chàm là cũng nhờ gia đình của Việt Nam mạnh hơn gia đình Lào, Miên, Chàm. Nhờ có đạo Khổng, đạo Lão, lấy nguồn ở trong gia đình, đạo Khổng là đạo của gia đình, khác hẳn với đạo Phật là một đạo của cá nhân.

Khi chính phủ Việt Nam ra lệnh cho mỗi nhà chỉ có 1 con thì tôi không biết các ông ấy có nghĩ tới đó là một việc tày đình, nó động chạm tới văn hóa, tương lai, giống nòi của ta không?

Trước kia mỗi nhà là một tế bào có tổ chức trên dưới, sống hòa hợp với nhau, ông bà thì chăm dạy con cháu, anh chị thì bông bế em bé, dạy học các em nhỏ, không cần đến bảo hiểm xã hội cũng không cần đến đi học tư nữa. Nay mỗi nhà chỉ có 1 con trở trội thì các cụ sẽ đi đâu? gia đình có còn đầm ấm như xưa nữa không? Tôi cũng biết rằng các gia đình Việt Nam không phải đều đầm ấm hết cả, nhưng những tệ hại của một gia đình 1 con hay không còn con còn to hơn nhiều, nó sẽ làm mất đạo đức tự nhiên của con người.

Bên Gia Nã Đại, giống người dân Pháp còn tồn tại được, chống được với người Anh là cũng nhờ gia đình đông con của họ. Mao Trạch Đông thắng Mỹ, không sợ bom nguyên tử coi đó là những bom giấy cũng là vì dân Tàu có hàng triệu trẻ con. Nên khi nhà nước Việt Nam ra chỉ thị mỗi gia đình 1 con thì tôi không biết văn hóa, sự tồn tại của dân ta sau này sẽ ra thế nào?

Nguyễn Huy Bảo

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

Hội thảo Việt-Mỹ nhật nhèo

Thế là cuộc hội thảo Việt-Mỹ về chủ đề: "Những cơ hội bị bỏ lỡ", tổ chức từ ngày 19 đến 22-6-1997, đã kết thúc trong sự tẻ nhạt và ngớ ngẩn. Đây là cuộc hội thảo khoa học đầu tiên giữa Việt Nam và Mỹ về cuộc chiến khốc liệt vừa qua. Sự suy nghĩ của hai phía rất khác nhau.

Phía Mỹ mong đợi một cuộc họp cởi mở, khoa học, sôi nổi, bổ ích, mở đầu cho nhiều cuộc hội thảo khác, khi chiến tranh đã kết thúc hơn 20 năm, quan hệ hai bên đã bình thường hóa. Họ đã vỡ mộng, chán nản, lắc đầu. McNamara, người đề xướng cuộc họp, cũng không dấu vẻ thất vọng khi cuộc hội thảo kết thúc.

Về phía Việt Nam, người ta không rõ vì lý do nào không có sự tham dự của tướng Võ Nguyên Giáp. Các đại biểu tham dự không dám phát biểu ý kiến riêng của mình về cuộc chiến đã qua và chỉ đọc những bài tham luận đã được viết sẵn, với những lời lẽ không hợp với một buổi hội thảo khoa học. Suốt hai ngày, các bài phát biểu của phía Việt Nam chỉ nói một chiều, chỉ trích chiến tranh xâm lược, tố đậm thất bại hoàn toàn của Hoa Kỳ, lên án tội ác chiến tranh, trưng ra con số thương vong và nạn nhân chất độc da cam quá đáng, ngỏ ý đòi phía Mỹ bồi thường.

Các nhà báo Việt Nam trong và ngoài nước không được mời dự cuộc hội thảo khoa học... kỳ quặc này. Tướng Mỹ William Smith từng ở trong bộ chỉ huy MACV ở Sài Gòn hồi chiến tranh lắc đầu ngao ngán nói với phóng viên AFP Pháp: "Phía Việt Nam muốn đưa ra vấn đề da cam - một vấn đề còn cần nghiên cứu thêm nữa - để rồi đòi chính phủ Mỹ bồi thường về chất độc hóa học này, sau đó là về những chuyện khác...".

Thứ trưởng ngoại giao Đào Huy Ngọc, người không hiểu gì mấy về chiến tranh, mở đầu cuộc hội thảo kể lể dông dài về tổn thất của Việt Nam do phía Mỹ gây ra, làm cho không khí buổi hội thảo thêm phần căng thẳng, ngưng ngừng cho cả hai phía.

Ông Chester Cooper, một chuyên viên phân tích tình hình ở Sài Gòn hồi chiến tranh của CIA, công khai tỏ ý thất vọng về cuộc hội thảo: các vấn đề phía Mỹ nêu lên, phía Việt Nam đã không trả lời và tránh né. Ông nói với một phóng viên Mỹ: "Họ không thành thật, họ chưa biết thế nào là các cuộc hội thảo dân chủ và tự do".

Vụ án ô tham nhũng ở Nam Định

Nam Định còn được gọi là "thành phố dệt". Tại đây có nhà máy dệt lớn nhất nước từ thời Pháp thuộc, được mở rộng với máy móc Trung Quốc và gần đây là do đầu tư của Đài Loan và Hồng Kông. Nhà máy có đến 20.000 cán bộ và công nhân, sống rải rác khắp thành phố. Cả thành phố xưa nay thờ theo nhịp sống của nhà máy dệt.

Bốn tháng nay, nội vụ vô tung: nhà máy đình trệ, ngắc ngoải, thiếu vốn, công nhân không có lương. Người nghỉ việc không có phụ cấp, cả thành phố thoi thóp trong đói nghèo và căm phẫn. Từ lâu đã có tin đồn lãnh đạo nhà máy - được tỉnh ủy và thành ủy nâng đỡ và bao che - đã lộng hành những lạm, cướp phá thành quả lao động của công nhân. Bộ Công Nghiệp có tình trạng lơ, để mặc. Do sức ép dư luận, kiểm sát, tòa án, thanh tra phải ra tay. Các thủ phạm chính đều bị bắt, gồm nguyên tổng giám đốc Nguyễn Duy Kiểm, hai phó tổng giám đốc Nguyễn Văn Tuyên và Lê Văn Đan, kế toán trưởng Hồ Nhất Vinh, phó phòng kế toán Nguyễn Giang Lưu, giám đốc xí nghiệp cơ khí Trần Văn Trung, cán bộ kế toán Vũ Công Huyền, Đặng Ngọc Tiến...

Cuộc thanh tra mới chỉ khởi đầu đã đưa ra một số sự việc làm chấn động dư luận cả nước. Nhà máy suốt ba năm 1992, 1993 và 1994 lỗ hơn 139 tỷ đồng, nhưng tổng giám đốc và đồng bọn đã phò phép làm quyết toán giả để báo cáo lên chính phủ là có lời và lời to... Cấp trên, do sinh bệnh thành tích, không hề hoài nghi. Có lời thì thưởng. Thế là họ lấy tiền của nhà nước ra để thưởng... cho nhau. Tiền thưởng lên đến một tỷ rưỡi đồng.

Nguyễn Duy Kiểm còn thông đồng với em vợ để buôn bán trái phép 20 tấn bông, bỏ túi riêng hơn 100 triệu đồng, gây thiệt hại cho công quỹ gần 14 tỷ đồng, gây nên món nợ không trả được lên đến 293 tỷ đồng. Hồ Nhất Vinh đã tự thưởng cho mình 251 triệu đồng, đã thông đồng với 6 nhân viên dưới quyền lập hồ sơ giả để bán tài sản của nhà nước và chia nhau, kể cả nhiều lần vay ngoại tệ của ngân hàng để bỏ túi riêng.

Vụ án này, theo dư luận Nam Định, còn phức tạp, rắc rối vì dính đến nhiều quan chức có chức quyền trong tỉnh Nam Định, Bộ Công Nghiệp, Bộ Tài Chính, Bộ Kế Hoạch và các ngân hàng nhà nước. Hệ

thống kinh tài của đảng cộng sản ở cấp tỉnh ủy và trung ương đảng cũng bị chấn động lớn.

Miền Bắc thiếu điện

Từ giữa tháng 5 đến cuối tháng 6-1997 trời nóng, ít mưa, các hồ thủy điện tại miền Bắc đều cạn kiệt. Lưu vực các hồ chứa của công trình thủy điện Thác Bà, Hòa Bình đều xuống dưới mực nước chết vì thiếu nguồn nước bổ sung. Trung Tâm Quốc Gia Dự Báo Khí Tượng Thủy Văn đã liên tiếp dự đoán sai về khí tượng nên không có kế hoạch phân phối điện thích nghi. Nếu không có mưa ngay, hệ thống cung cấp điện miền Bắc sẽ rơi vào tình trạng thiếu điện trầm trọng. Sản lượng tiêu dùng điện trung bình tại miền Bắc ở mức 57-60 triệu KWh/ngày, hiện nay chỉ cung ứng trên 20 triệu KWh/ngày. Do thiếu điện nhiều công trình xây cất và sinh hoạt kinh tế tại các thành phố lớn miền Bắc bị đình trệ, thiệt hại rất đáng kể. Nhiều khu vực đã bị cúp điện như ở miền Nam trong những năm 1980, nạn đầu cơ đầu lửa trong khu vực tiêu dùng gia tăng mạnh.

Tổng Công Ty Điện Lực Việt Nam đã cho huy động toàn bộ công suất của các nhà máy nhiệt điện Phả Lại, Uông Bí, Ninh Bình để bổ sung nhưng cả hệ thống không còn công suất dự phòng. Từ đầu tháng 5-1997, Tổng Công Ty Điện Lực đang cho huy động công suất nhiệt điện (Phú Mỹ, Bà Rịa...) và thủy điện (Trị An, Thác Mơ, Đa Nhim) ở miền Nam, theo đường dây 500 KV Bắc-Nam, nhưng công suất điện ở miền Nam cũng không dư bao nhiêu. Mỗi ngày toàn bộ công suất điện miền Nam chỉ có thể tải ra miền Bắc từ 4 đến 7 triệu KWh. Thêm vào đó, công nhân thủy điện Yali (Tây Nguyên) từ hơn năm tháng qua không được trả lương, năng suất làm việc giảm sút.

Những ngày sắp tới, Tổng Cục Khí Tượng Thủy Văn cho biết năm nay số lượng bão và áp thấp nhiệt đới sẽ bằng hoặc cao hơn các năm trước (trung bình mỗi năm có từ 5 đến 6 cơn bão lớn). Theo dự đoán từ tháng 7 đến tháng 9-1997, lũ trên các sông ngòi toàn quốc sẽ cao hơn mức trung bình nhiều năm, ban chỉ đạo chống lũ đã ra chỉ thị quản lý chặt chẽ các biện pháp phòng chống. Đất nước quá trì trệ, chậm tiến nên không mưa cũng khổ, nhiều mưa càng khổ hơn.

THỜI SỰ...TOD TỨC...THỜI SỰ...

Loạn trường thi

Chưa bao giờ các trường thi tú tài hệ bổ túc loạn như năm nay. Cũng nên biết đa số thí sinh thi tú tài hệ bổ túc văn hóa là những cán bộ, công nhân viên nhà nước, nhiều người là đảng viên đảng cộng sản nắm giữ các chức vụ cao trong các chính quyền và đảng bộ địa phương.

Trong hai ngày 5 và 6-6-1997, quang cảnh tại phần lớn các điểm thi tú tài bổ túc trung học rất là náo nhiệt. Tại mỗi nơi, độ khoảng 5-10 phút sau khi đề thi được phát thì hàng chục người từ bên ngoài bờ tường sát với các phòng thi thản nhiên dùng ná, sào và cả đá gói kèm với bài giải bản, thầy hay ném tới tấp vào các phòng thi. Tên thí sinh và những tiếng "lộp bộp", "lịch bịch" vang liên tục trong suốt giờ thi. Các thí sinh bình thản đi nhặt các các mẫu bài giải và chép lại công khai trước mặt giám thị. Nhiều nơi khác, trong giờ thi gần như các thí sinh hệ bổ túc đều mặc bệnh "tiểu đường", liên tục thay phiên nhau xin ra nhà vệ sinh "giải quyết", tại đây họ từ tốn lượm và mở từng tài liệu do bên ngoài ném vào, xem bài giải nào hợp với đề thi mới mang về bàn chép lại. Có nơi người ta còn dùng thang bắc lên tường để trèo vào phòng thi thầy bài cho thí sinh được dễ dàng, một số trẻ em cũng được thuê để vượt vòng rào giám thị chạy thẳng vào phòng thi ném bài cho thí sinh và sẵn sàng đánh trả nếu bị cản trở. Tại những nơi hơi "khó khăn", những thí sinh "dè dặt" thất sẵn nhiều giấy cước thả ra ngoài cửa sổ để đưa đề thi hoặc kéo bài giải vào phòng. Nhiều "thí sinh cán bộ" còn hối lộ thẳng với các giám thị phòng thi. Một chủ tịch hội đồng thi được hối lộ thẳng chừng 4 triệu đồng, ở Đà Nẵng thì lịch sự hơn nhiều thí sinh đặt phong bì trên phòng giám thị để được "dễ dãi" trong phòng thi. Một thí sinh là chủ tịch ủy ban nhân huyện bị công an bắt trong nhà vệ sinh khi đang nhận bài giải từ bên ngoài gói vào.

Tình trạng bất nháo này chỉ xảy ra trong các hội đồng thi tú tài bổ túc. Một thanh tra thuộc Sở Giáo Dục Đào Tạo được điều động về các hội đồng này đã than lên rằng: "Quan thi mới như vậy, chứ dân thi thì đâu đến nỗi". Theo nhận định chung của các báo lớn trong nước, không khí thi tại các hội đồng thi dành cho thí sinh hệ trung học phổ thông, tức từ phía dân chúng, rất nghiêm túc.

Tại sao có tình trạng này? Theo Nghị quyết trung ương 3, khóa 7, đảng cộng sản

Việt Nam mở ra chiến dịch vận động đổi mới và chỉnh đốn đảng theo đó một đảng viên ở cấp lãnh đạo phải có "văn hóa", ít nhất là tú tài, do đó mới xảy ra tình trạng thi cử nhốn nháo tại các phòng thi, không cứ ở cấp tú tài mà kể cả bậc đại học. Chẳng hạn như trường hợp "sinh viên" Trương Tấn Sang, cựu chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân thành phố Sài Gòn, và Dũng Hà, chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân quận Bình Thạnh, chạy chọt mua bằng cấp đại học (xem TL 94, tháng 6/96 "Chuyện ít người biết" của Người Sài Gòn).

Giải tỏa nhà trên kênh rạch

Sau chương trình di dời nhà trên kênh rạch Nhiêu Lộc - Thị Nghè, chính quyền Sài Gòn dự kiến sẽ dời 29.945 căn nhà (khoảng 150.000 người) trên hoặc dọc các kênh rạch, diện tích tổng cộng 132 hecta trải dài trên 59 km và đi qua địa bàn của 58 phường thuộc 8 quận của thành phố. Trong đó sẽ có khoảng 30% số căn hộ dân tự lo chỗ ở hoặc bị đưa đi các vùng kinh tế mới, số còn lại (70% hay 18.427 căn hộ) sẽ được bố trí lại, theo đó 50% ra các quận mới (Bình Chánh, Nhà Bè, Thủ Đức và Hóc Môn) và 50% trên một số quận 1, 4, 5, 6, 8, 11, Tân Bình và Bình Thạnh. Việc đền bù nhà bị giải tỏa chỉ dựa trên phần kiến trúc và trang bị, nhà và đất không được bồi hoàn nhưng nhà nước sẽ đề nghị phương thức cư trú trừ dần vào tiền cho thuê hoặc mua nhà sau đó.

Các gia đình tự túc đi tìm chỗ ở (30%) sẽ được đền bù trợ cấp một lần bằng tiền mặt. Nếu về nơi sinh quán cũ, các hộ sẽ được giúp làm thủ tục tái nhập cư. Khi đi về các khu kinh tế mới, các hộ cũng được hứa giúp đỡ nhưng không lấy gì làm bảo đảm, đời sống rất bấp bênh và sẽ trở về lại thành phố sống trong những điều kiện như những lần trước, nghĩa là trên các vỉa hè hay trên các kênh rạch, chân cầu.

Việc xây dựng nhà cho 70% căn hộ thuộc diện được tái bố trí sẽ dựa trên các tiêu chuẩn: vật liệu rẻ tiền, chất lượng trung bình, thời gian sử dụng khoảng 20 năm; kỹ thuật thi công giản dị và nhanh kiểu tiền chế; diện tích sử dụng và tiện nghi hợp lý. Khu dân cư mới sẽ được thiết kế trong những điều kiện thích hợp để bảo đảm sinh hoạt ổn định và lâu dài, có nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường học, bệnh xá và chợ. Số căn nhà xây tổng cộng là 18.427, trong đó 500 nhà có vườn, 638 nhà liên kế; 7.389 nhà chung cư và 10.000

nhà tiền chế. Về giá thành, giá một mét vuông nhà tiền chế là 800.000 đồng, nhà chung cư: 1,5 triệu đồng, nhà liên kế 1,8 triệu và nhà có vườn 2 triệu. Mỗi căn nhà có diện tích từ 40 m² đến 100 m². Các loại diện tích được căn cứ vào qui mô căn hộ, khả năng tài chính của mỗi gia đình và khả năng cho vay mượn của các cơ quan tín dụng. Theo dự kiến có khoảng 10% hộ dân (1.800 gia đình) không đủ điều kiện mua nhà, phải cho thuê, và có khoảng 30% hộ mua nhà trả góp (3.600 gia đình), 13.027 căn nhà sẽ bán theo giá qui định.

Số căn nhà dự kiến chưa xây xong, giá nhà thực tế đã tăng vọt. Nạn móc ngoặc và đầu cơ chỗ ở tốt trong ban chỉ đạo nhà ở của nhà nước là một trong những nguyên nhân làm tăng giá. Những gia đình nghèo, thấp cổ bé miệng luôn bị thiệt thòi.

Văn nghệ sĩ trước thiên niên kỷ thứ ba

Một Hội nghị thế giới về thân phận, địa vị văn nghệ sĩ đã nhóm họp tại Paris, trong trụ sở UNESCO (Tổ chức kinh tế, xã hội, văn hóa của Liên Hiệp Quốc) từ 16 đến 20 tháng 6 vừa qua. Dịp này, hàng trăm đại biểu, vừa của các chính phủ, vừa của các tổ chức ngoại chính phủ thuộc đủ các ngành văn, thơ, họa, nhạc, vũ, điêu khắc, điện ảnh v.v... từ khắp năm châu đã đổ về thủ đô nước Pháp làm việc chung trong 5 ngày liền để suy nghĩ về người văn nghệ sĩ trước thềm thiên niên kỷ thứ ba.

Hội nghị này đã được UNESCO triệu tập và có mục đích bàn sâu thêm về việc áp dụng Khuyến cáo năm 1980 của UNESCO về địa vị, thân phận văn nghệ sĩ. Gần 20 năm đã qua, Khuyến cáo ấy được chuyển đến các chính phủ thành viên Liên Hiệp Quốc để được thi hành. Cuộc gặp gỡ toàn cầu 16-20-6-97 tại Paris là cơ hội để rút kinh nghiệm, kiểm điểm kết quả đồng thời đề ra những nguyên tắc mới, chương trình hoạt động mới thích hợp với thời đại mới hầu giúp cho UNESCO đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng Khuyến cáo 1980.

Sau 4 buổi họp khoáng đại trong đó có kèm theo 4 cuộc hội thảo bàn tròn, các đại biểu đã chia ra làm 4 ủy ban A, B, C, D để thảo luận về chuyên đề: Môi trường xã hội-văn hóa của người nghệ sĩ tác giả-diễn viên, Người nghệ sĩ tác giả-diễn viên trong môi trường kinh tế của phần cuối thế kỷ này; đào tạo và đời sống nghề nghiệp; việc bảo vệ những quyền tinh

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

thần khi bước vào kỷ nguyên truyền thông bằng số (ère numérique).

Xen lẫn với các cuộc họp đã có những cuộc triển lãm văn hóa, trình diễn âm nhạc và chiếu phim v.v... Chiều ngày thứ sáu 20-6-97, tại phiên họp khoáng đại chấm dứt Hội nghị, các đại biểu đã nghe phúc trình của 4 ủy ban và đã thảo luận để thông qua bản Tuyên bố kết thúc Hội nghị. Sau khi tái khẳng định rằng trước thềm thiên niên kỷ thứ ba "sáng tác nghệ thuật là một đặc điểm của nhân loại và là một tài nguyên thiên nhiên", văn bản này đã đưa ra hơn 30 đề nghị mới để UNESCO bổ sung cho Khuyến cáo 1980.

Ông Trần Thanh Hiệp đã được mời và đã tham dự Hội nghị với tư cách nhà văn người Châu Á.

Sửa đổi luật hình sự

Trong những biểu quyết trước khi mãn nhiệm của Quốc hội cộng sản Việt Nam, có 5 điều sửa đổi và bổ sung Bộ luật hình sự nhằm bài trừ tham nhũng, ma túy và lạm dụng tình dục đối với trẻ vị thành niên.

Từ nay sẽ truy tố (truy cứu trách nhiệm hình sự) những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham ô, chiếm đoạt tài sản XHCN từ 5 triệu đồng trở lên. Từ 500 triệu đồng trở lên thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình. Đặc biệt nhận hối lộ, đưa hối lộ hay làm môi giới hối lộ từ 500 ngàn đồng trở lên thì bị truy tố và từ 50 triệu đồng trở lên sẽ áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình.

Về ma túy, hai hình phạt tù chung thân hoặc tử hình cũng được trừ liệu cho những người sản xuất, mua bán chất ma túy trọng lượng từ 5 kg trở lên (nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, bột coca), từ 100g trở lên (heroin, cocain), từ 75 kg trở lên (lá, hoa, quả cây cần sa, co ca), từ 600 kg trở lên (quả khô cây thuốc phiện) v.v...

Hiếp dâm trẻ em chưa đủ 13 tuổi thì bị phạt tù 20 năm tù đến chung thân hoặc tử hình.

Như vậy là có xu hướng tăng nặng đối với các tội phạm liên quan đến tham nhũng, ma túy và lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên. Không thấy "cơ quan quyền lực tối cao" này bàn tới việc giảm nhẹ các tội về chính trị như "phản bội Tổ quốc", "gián điệp", "bạo loạn", "hoạt động phi" mà cách giải thích rất tùy tiện để đàn áp những ai dám chống lại Đảng. Vì thiếu thời giờ hay vì Đảng vẫn còn muốn giữ

độc quyền chính trị?

Hiện tình Việt Nam: xây dựng dân chủ, phát triển và đối ngoại

Hội Cựu Giáo sư và Sinh viên Viện Đại học Dalat tại Âu Châu tuy chỉ có ngân quỹ đủ để "an bản lạc đạo Thụ Nhân" nhưng lại một lần nữa đã gồng mình phát hành cuốn kỷ yếu thứ nhì ghi lại đầy đủ toàn văn bài thuyết trình của giáo sư Nguyễn Phú Đức và phần tham luận trong khuôn khổ cuộc hội luận mà hội này đã tổ chức tại Paris ngày 29-12-1996.

Đề tài thuyết trình của ông Nguyễn Phú Đức là "Hiện tình Việt Nam: xây dựng dân chủ, phát triển và ngoại giao" (cũng là tựa đề cuốn kỷ yếu). Ông Lê Đình Thông, chủ tịch Hội đã giới thiệu diễn giả. Sau bài thuyết trình các ông Trương Hữu Lương, Vũ Giản, Vũ Quốc Thúc, Huỳnh Hùng, Đặng Vũ Nhuê, Phạm Xuân Tích đã tham luận để trao đổi ý kiến với thuyết trình viên Nguyễn Phú Đức về nhiều vấn đề chính trị thời sự, nhất là vấn đề hòa giải dân tộc mà bài thuyết trình đã đề cập sâu rộng.

Ngoài toàn văn của hai phần thuyết trình và tham luận, cuốn kỷ yếu còn đăng thêm 4 phụ lục, là "Nixon meet Duc again" (The Evening Star), "Một khuyến cáo thực tiễn" (Nguyễn Phú Đức), "Mặt trời không bao giờ lặn trên người dân Việt Nam" (Nguyễn Phú Đức) và "Công tam quan Chánh trị-Kinh doanh-Ngoại giao dẫn vào kiến trúc chuyển đổi đất nước" (Lê Đình Thông).

Sách bán giá 50 FF, có thể mua tại các tiệm sách quận 13 Paris hoặc tại: Amicale des Anciens de l'Université de Dalat, 7 rue du Dessous des Berges, 75013 Paris (cộng thêm bưu phí gửi 11,5 FF). Ngân phiếu đề: Mme Nguyễn Ngọc Thương.

Nội chiến lan tràn ở Trung Phi

Sau các nước Rwanda, Burundi và Zaire (xưa gọi là Congo Bỉ, bây giờ đổi tên thành Cộng hòa Dân chủ Congo), nước Congo (xưa gọi là Congo Pháp) lại lâm vào nạn nội chiến. Những xung đột chủ yếu xảy ra tại thủ đô Brazzaville và do hai lực lượng bán quân sự của cựu chủ tịch Denis Sassou-Nguesso và chủ tịch đương nhiệm Pascal Lissouba. Ông Sassou-Nguesso đã cai trị nước Congo từ 1979 đến 1992 dưới tấm bảng chủ nghĩa Marx-

Lenin nhưng đã phải trao quyền cho ông Lissouba sau khi thất cử cử tổng thống năm 1992. Tuy nhiên, ông Lissouba đã làm tiêu tan hình ảnh dân chủ của mình vì chính sách hoang phí và thiên vị sắc tộc của ông. Sau đó, những cuộc đương đầu đẫm máu đã kế tiếp cuộc bầu cử lập pháp năm 1993 và đã buộc các đoàn thể chính trị phải trang bị võ trang. Những hiệp ước giải khí dân quân đã không bao giờ được thi hành. Vài tuần lễ trước cuộc bầu cử tổng thống dự trù cho ngày 27-7-1997, tình trạng căng thẳng trong nước bỗng nhiên tăng thêm một nấc. Trận đánh Brazzaville đã bắt đầu vào ngày 7-6-1997 khi ông Lissouba ra lệnh cho quân đội bao vây nhà ông Sassou-Nguesso với lý do chính thức là để giải khí lực lượng bán quân sự của ông này nhưng ai nấy cũng hiểu rằng mục tiêu thực sự của chủ tịch đương nhiệm là loại ông Sassou-Nguesso khỏi cuộc tranh cử. Nước Pháp đã tổ chức chiến dịch sơ tán cộng đồng ngoại quốc khỏi nước Congo nhưng không tham dự vào cuộc tranh chấp giữa hai phe. Những cố gắng giải hòa của tổng thống Pháp, Jacques Chirac, với sự hỗ trợ của tổng thống Gabon, Omar Bongo chỉ đưa tới những đình chiến tạm thời. Vào cuối tháng 6-1997, dường như lực lượng của Sassou-Nguesso đã chiếm được một số ưu thế. Một số nhà quan sát nghĩ rằng mục tiêu của ông này là buộc ông Lissouba thành lập một chính phủ liên kết lâm thời có nhiệm vụ tổ chức bầu cử theo những phương pháp lương thiện.

Nội chiến trở lại Campuchia

Vào ngày 5-7-1997, những mâu thuẫn và tranh chấp giữa hai phe hoàng gia và tân cộng sản của hai thủ tướng Norodom Ranariddh và Hun Sen đã biến thành cuộc nội chiến hãn hoi với việc sử dụng khí giới nặng gồm có chiến xa và đại bác. Theo những ước lượng đầu tiên, những trận đánh trong thành phố Phnom Penh đã gây thiệt hại cho 52 người, chết hay bị thương. Hàng ngàn dân chúng Phnom Penh chạy giặc, một số đã chết chìm vì muốn lợi qua sông Tonlé Sap. Tòa đại sứ Pháp đã bị đại liên bắn trúng và một công dân Nhật đã chết ngay trong nhà vì bị pháo kích. Sau hai ngày xung đột, tình hình quân sự có vẻ thuận lợi cho Đảng Nhân Dân Campuchia (ĐNDC) của Hun Sen ở thủ đô Phnom Penh : tất cả các đài phát thanh và truyền

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

hình rơi vào tay ĐNDC và lực lượng của Hun Sen kiểm soát được những đường phố lớn, cũng như các cầu và điểm liên lạc với phần đất còn lại. Trong lúc đó, lực lượng FUNCIPPEC (chữ tắt Pháp của Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia vì một Cao Miên Độc Lập, Trung Lập, Hòa Bình và Hợp Tác) gặt thắng lợi ở miền Tây Bắc Campuchia và nắm được quốc lộ 5 nối liền Battambang, thành phố thứ hai của Campuchia với Thái Lan. Hai thủ lĩnh Norodom Ranariddh và Hun Sen làm ngơ trước những lời kêu gọi thương thuyết của vua Norodom Sihanouk hiện đang chữa bệnh ở Bắc Kinh.

Norodom Ranariddh trong chuyến công du ở Pháp đã lấy quyết định ở lại nước này để "tổ chức kháng chiến" và tuyên bố rằng "từ nay, chính phủ hợp pháp duy nhất là chính phủ do [ông] lãnh đạo. Những gì đã xảy ra ở Phnom Penh là một cuộc đảo chính do Hun Sen chủ mưu. Hắn đã từ đặt mình ngoài vòng luật pháp". Hun Sen dựa vào đạo luật 1994 đặt lực lượng Khmer Đỏ ngoài vòng luật pháp để đòi bắt giam thái tử Ranariddh vì tội thỏa hiệp với những thành phần Khmer Đỏ đã từ bỏ Pol Pot. Cuộc nội chiến đã khởi đầu khi lực lượng Hun Sen bao vây những trại lính FUNCIPPEC chứa các phần tử Khmer Đỏ mà Ranariddh đã mang vào thủ đô để củng cố đạo quân hoàng gia nhằm chống trả hậu thuẫn mà ĐNDC có trong quân đội nhà nước mà các nhà quan sát ước lượng là hơn 2/3.

Trong một buổi phát biểu trên vô tuyến truyền hình, Hun Sen trong bộ quân phục, cất nghĩa rằng "lực lượng chính phủ đã tấn công các tên Khmer Đỏ vì chúng đã xâm nhập thành phố". Vụ cáo này không phải là không có cơ sở. Phải nói rằng Hun Sen có thái độ cứng rắn chỉ vì Khmer Đỏ không chịu thỏa hiệp với ông, coi ông là "bù nhìn" của Việt Nam. Thật vậy, tới bây giờ, chiến dịch chiêu hồi ăn xá và ưu đãi người Khmer Đỏ đã chỉ đem thắng lợi cho phe FUNCIPPEC. Nhân vật Khmer Đỏ duy nhất muốn điều đình với Hun Sen đã bị Pol Pot thủ tiêu cùng với vợ và một chục cận vệ. Sau khi Ieng Sary đã từ bỏ hàng ngũ Pol Pot vào tháng 5-1997 đòi lại việc giữ nguyên quyền kiểm soát các vùng Pailin và Phnom Malai, tới phiên "thủ tướng" Khmer Đỏ Khieu Samphan tuyên bố ủng hộ phe Ranariddh. Sự đối cờ của Khieu Samphan đã khởi đầu

cuộc đuổi bắt cựu lãnh tụ số 1 Khmer Đỏ vào cuối tháng 6-1997. Tuy nhiên sau hai tuần lễ vây bắt, người ta chưa có tin chắc chắn về số phận của Pol Pot, còn sống hay đã bị bộ hạ cũ hành quyết. Trong trường hợp thứ nhất, Huê Kỳ đã yêu cầu Gia Nã Đại đảm trách việc giam giữ Pol Pot trước khi đưa ông ra phiên tòa quốc tế.

Thái độ của dân Hương Cảng đối với dân chủ

Cựu thống đốc Hương Cảng, Chris Patten đang gây sóng gió ở Anh Quốc bằng cách tiết lộ sự phản bội của London đối với dân chúng Hương Cảng nhằm làm vừa lòng Bắc Kinh. Trong một cuộc phỏng vấn trên đài BBC, Chris Patten đã cho biết rằng người tiền nhiệm ông, cựu đô đốc David Wilson, người cố vấn thủ tướng, Percy Cradock lần nguyên ngoại trưởng Geoffrey Howe đã chấp nhận hoàn lại công cuộc dân chủ hóa Hương Cảng dưới áp lực của Trung Quốc. Một trong những thủ đoạn đã là cuộc thăm dò dư luận 1987 được sắp xếp để xác nhận tính cách thờ ơ của dân chúng Hương Cảng đối với dân chủ. Ba người nhắc trên đã luôn luôn chống đối quá trình dân chủ hóa do ông Patten khởi xướng từ 1992 đến 1997. Chris Patten nhắc lại là tiến trình dân chủ hóa không là một sáng kiến của cá nhân ông mà là một điều đã được ghi trong tuyên bố Trung-Anh vào năm 1984.

Hội nghị thượng đỉnh về địa cầu

Hội nghị Thượng đỉnh Địa cầu thứ hai đã không đưa đến một thành quả quan trọng nào cả. Thêm nữa, nó đã là cơ hội để các quốc gia nhận định rằng những cam kết của Hội nghị Rio (Ba Tây) năm năm về trước đã không được thi hành. Bị cáo chính là nước Hoa Kỳ mà tổng thống Bill Clinton đã từ chối mọi quyết định cụ thể nhằm thu giảm việc phát khí carbon trong cuộc gặp mặt G7 tại Denver một tuần lễ trước đó : tổng cần nhắc lại là 24% tổng số lượng khí carbon phát hành mỗi năm là do nước Mỹ.

Chất độc màu cam : Việt Nam muốn đòi Hoa Kỳ bồi thường thiệt hại

Tin AFP ngày 16-6 vừa qua cho biết nguồn tin từ giới ngoại giao cho hay là

chính phủ Việt Nam nhằm nhe đòi Hoa Kỳ bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân của chất độc màu cam được quân đội Hoa Kỳ sử dụng thẳng tay trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Cho đến nay Hà Nội chưa từng chính thức lên tiếng đòi bồi thường thiệt hại cho gần hai triệu quân nhân và thường dân bị trúng chất độc này trong các trận oanh tạc các căn cứ cộng sản tại miền Nam Việt Nam. Nhưng gần đây cơ quan ngôn luận chính thức đã tung ra một loạt ba bài báo nói về các độc hại ghê gớm của chất độc này trên cơ thể con người và trên môi sinh. Thông tấn xã Việt Nam đã nhắc lại là 50 000 trẻ em bị tật bẩm sinh đều có cha mẹ bị trúng độc trong chiến tranh. Tổng bí thư Đỗ Mười trong cuộc họp mật tháng 4 vừa qua với tổng trưởng tài chính Mỹ Robert Rubin đã lướt sơ qua về vấn đề này. Và cũng có thể việc đòi bồi thường sẽ được đưa ra thảo luận trong hội nghị về chiến tranh Việt Nam họp tại Hà Nội với sự hiện diện của các thành phần đã tham dự vào chiến tranh, đặc biệt là cựu bộ trưởng quốc phòng McNamara. Người ta không rõ sẽ có đề cập đến vấn đề này với bà ngoại trưởng Madeleine Albright trong chuyến viếng thăm Hà Nội hay không ?

Phải nhắc lại là trong chiến tranh Việt Nam, không lực Mỹ đã trút xuống 72 triệu lít hóa chất độc trên 10% lãnh thổ Việt Nam, trong đó 42 triệu lít có chứa dioxine chất độc màu cam.

Gần đây, chủ tịch ủy ban nghiên cứu hậu quả của chất độc màu cam, giáo sư Hoàng Đình Cầu, lên tiếng cho biết Việt Nam phải đợi thêm 100 năm nữa mới hy vọng xóa sạch các hậu quả của chất độc ghê gớm này.

Hồng Kông đóng cửa trại người Việt tị nạn lớn nhất

Theo thông tấn xã AFP, Hồng Kông vừa đóng cửa trại tị nạn lớn nhất cho người Việt, chỉ còn giữ lại 1900 người, nửa tháng trước khi giao trả lại cho Trung Hoa lục địa. Trung tâm Whitehead được mở để tiếp đón thuyền nhân Việt Nam cách đây hơn 8 năm. Bắc Kinh đã buộc phải giải tỏa trại này trước ngày 1 tháng 7. Từ năm 1989, 67 000 thuyền nhân đã được giao trả về Việt Nam, và từ năm 1975, 143 000 người đã được đưa đi di dân ở các xứ thứ ba.

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt họp đại hội thường niên

Ngày 7-6-1997 tại Lognes, một thị xã phụ cận Paris, Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt đã họp đại hội thường niên để nghe ban chấp hành báo cáo về hoạt động trong thời gian qua.

Ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch nghĩa hội, đã nhắc lại rằng Nghĩa Hội bắt đầu hoạt động từ ba năm qua do sáng kiến của nhóm Thông Luận với mục đích trợ giúp tinh thần và vật chất cho các tù nhân chính trị và những người bị trừ dập vì phát biểu lập trường dân chủ. Nghĩa Hội đã tự giới hạn đối tượng trợ giúp và chỉ nhắm vào những người dân chủ ôn hòa, bất bạo động.

Trong ba năm qua, về mặt tinh thần, Nghĩa Hội đã nỗ lực vận động các chính phủ và các tổ chức thiện nguyện lên tiếng bênh vực những người mắc nạn vì dân chủ tại Việt Nam. Về mặt vật chất Nghĩa Hội đã gửi về Việt Nam một số tiền 130.000 francs (25.000 USD). Nguồn tài chính của Nghĩa Hội hoàn toàn do đóng góp của các hội viên. Các hội viên tích cực đóng 200 F (hay 40 USD) mỗi năm, những hội viên ân nhân đóng góp nhiều hơn.

Nghĩa Hội hoàn toàn không phân biệt địa phương và quá khứ chính trị của những người được hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất, nhưng nói chung các trợ giúp đã được phân phối khá đồng đều giữa miền Nam và miền Bắc.

Khó khăn lớn nhất trong việc hỗ trợ vật chất các tù nhân chính trị, theo ông Nguyễn Gia Kiểng, là vấn đề bảo mật. Trong hiện tình việc công bố tên những người được trợ giúp có thể gây khó khăn lớn cho họ và gia đình, mặc dầu đó là yếu tố cần thiết để vận động sự hưởng ứng. Chính vì vậy, mặc dù cảm tình dành cho những người mắc nạn vì dân chủ trong nước rất lớn, đã chỉ có Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt là tổ chức duy nhất tại hải ngoại công khai yểm trợ họ. Nhưng tình hình đang thay đổi và trong tương lai có nhiều hy vọng

hoạt động cứu trợ tù nhân chính trị sẽ dễ dàng hơn.

Ông Võ Xuân Minh, thủ quỹ của nghĩa hội, đã đọc thư chào mừng của bà Trần Thị Thúc, phu nhân ông Đoàn Viết Hoạt, hiện ở Mỹ và vì công việc không sang tham dự đại hội được. Bà Thúc bày tỏ cảm tình và sự ủng hộ của bà đối với Nghĩa Hội. Bà cho biết là hai tháng vừa qua bà rất bận rộn với những vận động trong giới ngoại giao Hoa Kỳ để tranh thủ sự ủng hộ của họ cho tù nhân chính trị và lương tâm ở Việt Nam.

Trong phần thảo luận, đã có nhiều ý kiến chủ trương nên mở rộng tầm hoạt động của Nghĩa Hội ra khỏi khuôn khổ chí hữu và thân hữu Thông Luận bằng cách cho Nghĩa Hội một tư thế độc lập hơn đối với nhóm Thông Luận. Ý kiến này không được sự đồng ý của một số người, trong đó có ông Nguyễn Văn Ái, cựu tổng giám đốc các Viện Pasteur Việt Nam. Ông Ái cho rằng việc mở rộng như vậy rất khó thực hiện. Theo ông Ái, nếu được nên vận động những người ngoài Thông Luận đứng ra tổ chức một hội yểm trợ tù nhân chính trị rộng rãi khác. Còn Nghĩa Hội là của nhóm Thông Luận lập ra thì không thể tách rời khỏi nhóm Thông Luận.

Thay mặt ban chấp hành, ông Nguyễn Gia Kiểng đã tuyên bố ông ghi nhận tất cả những ý kiến trên và tiếp tục thăm dò ý kiến trước khi đề nghị một chọn lựa.

Cuối cùng ông Kiểng cũng nhắc lại rằng đại hội hôm nay cũng vào dịp ngày giỗ ba năm ông Lê Văn Đảng, người có sáng kiến thành lập Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt.

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt hiện có 120 thành viên chính thức, phần lớn tại Âu Châu. Nhiều người khác đã từng đóng góp nhưng vì lý do an ninh xin được dấu tên.

Nguyễn Văn Huy tường thuật

Mục lục

1. Thay đổi lãnh đạo tại Hà Nội
Thông Luận
2. Thử nghiệm sống chung lần thứ ba
Trần Thanh Hiệp
3. Hương Cảng: giờ đã điểm
Nguyễn Phi Phụng
6. Cam Pu Chia : hết thảm kịch này đến thảm kịch khác
Diệp Tường Báo
8. Tụ về một điểm : dân chủ hóa
Bùi Tín
10. Tờ có bị mất trộm
Người Sài Gòn
12. Thư gửi Cục 15 Bộ Nội Vụ
Nguyễn Văn Trấn
13. Nói chuyện với ông Hoàng Minh Chính
Nguyễn Gia Kiểng
14. Võ Văn Kiệt mở rộng nhà tù ra cả nước
Trần Thanh Hiệp
17. Nền tảng để xây dựng một nước Việt Nam tiến bộ và phồn vinh
Võ Xuân Minh
19. Bản sắc dân tộc và giá trị Tây Phương
Vũ Thiện Hân
23. Đọc Đêm giữa ban ngày của Vũ Thư Hiên
Trần Bình Nam
25. Sứ mạng của người cầm bút
Lê Minh Văn
26. Một vài suy luận về Dự án...
Nguyễn Huy Bảo
28. Thời sự tin tức
32. Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt họp đại hội thường niên
Nguyễn Văn Huy

THÔNG LUẬN

Địa chỉ liên lạc mới:

**THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE**